



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình ảnh: **Pixabay.com**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989
(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **HÃY TÌM ĐẦU** (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ **MỘT VÀI KỶ NIỆM VỚI GS. TRẦN QUANG THUẬN** (ĐNT. Tín Nghĩa), trang 9
- ♦ **PHÍA XƯA LÀ CHIỀU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 12
- ♦ **BẢO TÒN TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM** (Thích Phước Nguyên), trang 13
- ♦ **TÌNH YÊU HỜI** (thơ Diệu Viên), trang 15
- ♦ **CHÍNH TRƯỜNG CẦN CÓ NHỮNG TIẾNG NÓI CỦA PHẬT GIÁO** (TK Sujato), trang 16
- ♦ **NGÒI LẠI VỚI MÙA THU** (thơ Như Nhiên Thích Tánh Tuệ), trang 19
- ♦ **TIN PHẬT, TIN PHÁP, TIN TĂNG** (Nguyễn Giác), trang 20
- ♦ **ĐỪNG CHẬP CÁI TÔI THÁI QUÁ** (Thích Hạnh Tuệ), trang 22
- ♦ **EM QUÁ PHÓ THỊ BÂY GIỜ...** (thơ Phù Du), trang 24
- ♦ **LÀM SAO GIỮ NƯỚC** (Huỳnh Kim Quang), trang 25
- ♦ **MẸ VIỆT NAM TÔI MÃI CÒN ĐÂY** (thơ Tánh Thiện), trang 27
- ♦ **TÍN TÂM** (Tùng Sơn Nguyễn Quang Dục), trang 28
- ♦ **TRI ÂN VÀ ĐÁNH LỄ NHỊ VỊ THIÊN SỰ** (thơ Tâm Thường Định), trang 30
- ♦ **ĐẠY VÀ HỌC – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **KIỆT TẬP KINH ĐIỂN – Lá Thư Đầu Tuần** (GDPTVN), trang 33
- ♦ **THIỆN SỰ KHÁNH HÒA VÀ CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG Ở NAM KỲ** (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **THẦU NGÀN ĐƯỜNG ĐI** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 38
- ♦ **NHỮNG QUY LUẬT CHI PHỐI NHÂN CÁCH CON NGƯỜI** (TN Hằng Như), trang 40
- ♦ **SÔI BÔNG** (thơ Mặc Không Tử), trang 42
- ♦ **TU HÀNH CẦN PHẢI VỮNG TÂM** (Quảng Tánh), trang 46
- ♦ **TINH TẤN...** (thơ Chúc Hiền xướng, Minh Đạo họa), trang 47
- ♦ **CƠM NO, ÁO ẤM...** (Nguyễn Minh Tiến), trang 48
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 50
- ♦ **ĐỒ BÀN** (thơ Đồng Thiện), tr. 51
- ♦ **BÔNG MÂY BÊN LẦU HOÀNG HẠC** (Toại Khanh) trang 52
- ♦ **MÙA THU VĨNH VIỄN** (Tiểu Lục Thân Phong), trang 54
- ♦ **NÓI VỚI THU HÀ NỘI** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: MÍT NON XÀO SẢ ỚT** (naungon.com), trang 57
- ♦ **TRONG CĂN NHÀ NHỎ** (TN Giới Định), trang 58
- ♦ **RỜI ĐỜI CÙNG NHƯ KHÔNG** (thơ Hư Vô), trang 60
- ♦ **CHÂN KHÔNG CHỊU NGHỈ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 61
- ♦ **NHẬN MẬT** (thơ Yên Chi), trang 63
- ♦ **STORY OF THE WOMAN WHO ATE UP THE EGGS OF A HEN** (Daw Tin), trang 64
- ♦ **QUẢ BÁO CỦA LỜI NÓI...** (Truyện cổ Phật giáo), trang 65
- ♦ **ĐÃ TỪNG VẬY SAO...** (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 67
- ♦ **PHẬT Ở NGOÀI KHƠI XA** (Nhụy Nguyễn), trang 68
- ♦ **NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHAY** (Lâm Thanh Huyền), trang 72
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 15** (Vĩnh Hào), trang 76
- ♦ **CHẾT NƯỚC** (thơ Pháp Hoan), trang 80

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 96, tháng 11.2019, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

PHƯƠNG TRỜI SIÊU TUYỆT

Làm người quét lá dễ không? – Không dễ.
Nếu dễ thì thiên hạ tranh nhau xuất gia, vào chùa hết rồi.
Thiên hạ đã không làm như thế, bởi thú vui, dục lạc ở đời hấp dẫn hơn nhiều so với đời sống chay tịnh, lặng lẽ ở thiền môn.
Những gì người thế tục đam mê theo đuổi thì người xuất gia tự nguyện từ bỏ. Nào là tiền bạc của cải, nào là sắc đẹp, danh thơm... nào là ăn ngon mặc đẹp, nào là ngủ nghỉ ngon giấc với nệm ấm chăn êm. Người đời chạy theo, người tu từ bỏ.

Người xuất gia từ bỏ đời sống thế tục là để cất bước hướng về một "*phương trời siêu tuyệt*" (1). Phương trời ấy, lý tưởng ấy, là giải thoát, giác ngộ; là mục tiêu tối hậu cuối con đường đầy khổ nhọc, gian truân.

Thức sớm từ canh năm (2), giống tiếng hồng chung gửi nhân gian yên ngủ; tọa thiền bái sám, chuông mõ gọi lòng chốn không môn.

Bình minh quét lá, hương đăng (3); hoàng hôn tưới cây, cúng cháo (4); lòng từ chan rưới khắp nhân gian.

Ngày đêm nghiên tâm giáo điển, thiền tọa công phu; mặc đơn sơ, ăn đạm bạc, ngủ giấc ngắn trên thiền sàng đơn chiếc; mộng phù sinh giữ sạch ngoài song.

Quét lá dễ không? – Không dễ.
Quét từ sân ngoài tới vườn tâm. Sân ngoài sạch lá thì người người vui mắt. Vườn tâm thanh tịnh thì trí tuệ siêu nhiên.

Này tham, này sân, này si... từng giây từng phút điểm mặt, quét, hốt.

Giữ tâm bình lặng khi tám gió (5) thổi qua.

Nhấn nài quét, gom, rác về một mối. Rác đổ đi rồi, tâm địa làu làu suốt trong.

Đất sạch già-lam, tâm hạnh quét lá,

Được mấy người giữa cuộc thế đảo điên.

Căn lành đã gieo từ đời kiếp

Đến chùa gặp Phật mở thiện duyên.

Cắm mộ Pháp sâu lòng tha thiết,

Chạo tóc xa nhà vui nếp thiền (6)

Áo cơm chẳng bận lòng Thích-tử (7)

Chí lớn độ người mới ưu tiên (6)

Một mình một bóng đường xa hút
Phương trời lồng lộng ánh triều dương
Chớ nhà ai sửa người thiên lý
Bước chân độc hành hướng viễn phương.

1) "*Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương...*" (Cảnh Sách Văn, của Thiền sư Quy Sơn Linh Hựu, hiệu Đại Viên [771 – 853], soạn viết để khuyến tấn người xuất gia).

2) Canh 5, giờ Dần, theo cách tính của người xưa: từ 3 giờ đến 5 giờ sáng.

- 3) Lau chùi, quét dọn nơi chánh điện và các bàn thờ trong chùa.
- 4) Cúng cháo cho cô hồn nga quỷ trong thời công phu chiều.
- 5) 8 ngọn gió (gồm 4 cặp đối đãi) thường khuấy động tâm người: được/mất, nhục/vinh, khen/chê, khổ/vui (lợi/suy, hủy/dự, xưng/cơ, và khổ/lạc)
- 6) "*Kinh Phước điền nói, sa di phải biết năm đức tính: một là phát tâm xuất gia, vì cảm bội Phật pháp; hai là hủy bỏ hình đẹp, vì thích ứng pháp y; ba là cắt ái từ thân, vì không còn thân sợ; bốn là không kể thân mạng, vì tôn sùng Phật pháp; năm là chí cầu đại thừa, vì hóa độ mọi người.*" (Sa di ứng cụ Ngũ Đức, Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu – HT. Thích Trí Quang dịch giải)
- 7) Chữ dùng để gọi chung người xuất gia đệ tử Phật, lấy họ của Phật (Sakya – Thích) làm họ của mình.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga) : Khánh thành tượng Phật Di Lặc mới tại Lagan

Lagan, Kalmykia – Tượng Phật Di Lặc cao 15 mét và nặng 30 tấn đã được khánh thành tại thị trấn Lagan. Đây là tượng Đức Phật vị lai lớn nhất tại Liên bang Nga và châu Âu.

Tượng được xây trên khu đất thuộc Tu viện Lagan Dardeling ở Lagan, trung tâm hành chánh của Quận Lagansky.

Đại lễ khánh thành tượng này đã được tổ chức vào ngày 22-9-2019 – một ngày tốt lành được chọn bởi trưởng Lạt ma Telo Tulku Rinpoche của người Kalmyk và đại diện danh dự của Đức Đạt lai Lạt ma tại Nga và Mông Cổ, cùng các thành viên của Cộng đồng các Quốc gia Độc lập.

Bộ Văn hóa và Du lịch Kalmykia và chính quyền Quận Lagansky đã chuẩn bị một chương trình văn hóa phong phú cho dịp này. Bộ trưởng Văn hóa và Du lịch E.K. Badmaevich mô tả buổi lễ là một “sự kiện quan trọng không chỉ đối với người dân của nước cộng hòa và Nga, mà còn đối với Phật tử trên khắp thế giới”.

(Buddhistdoor Global – September 23, 2019)



Tượng Phật Di Lặc mới tại Lagan, Kalmykia



Photos: Buddhistdoor

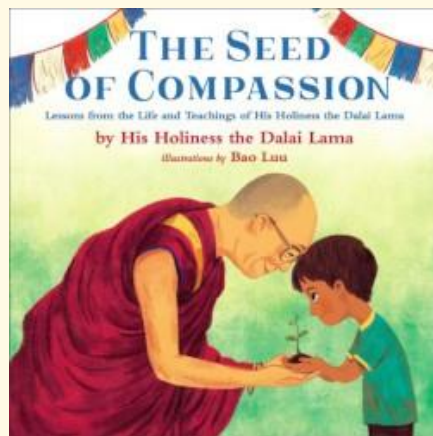
HOA KỲ: Truyện tranh đầu tiên về Đức Đạt lai Lạt ma

Theo kế hoạch, Nhà xuất bản Kokila sẽ xuất bản truyện tranh về Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14 có tựa đề “Hạt giống của lòng từ bi” vào ngày 24-3-2020. Cuốn sách mô tả những câu chuyện từ thời thơ ấu của Đức Đạt lai Lạt ma cũng như những bài học mà ngài đã học được trong khi tu tập để trở thành một nhà sư về hòa bình, sự đồng cảm, và những phương tiện mà có thể sử dụng để tạo ra một thế giới tử tế hơn.

Trong một lá thư về nhu cầu đối với một cuốn sách

giúp thanh niên trở thành người mình muốn trở thành, bà Namrata Tripathi, phó chủ nhiệm và là người xuất bản của Kokila, đã kiến nghị ý tưởng về một cuốn sách của trẻ em với Đức Đạt lai Lạt ma. Gọi “Hạt giống của lòng từ bi” là một cuộc đối thoại giữa Đức Đạt lai Lạt ma và trẻ em của thế giới, Tripathi hy vọng rằng độc giả cũng được động viên bởi những ý tưởng và triết lý của Đức Đạt lai Lạt ma như bà gặp ngài lần đầu tiên vào năm 2003.

(PW – September 24, 2019)



Truyện tranh đầu tiên về Đức Đạt lai Lạt ma
Photos: PW



HÀN QUỐC: Chính phủ Hàn Quốc xuất bản bộ biên dịch trực tuyến tranh Phật giáo thời Goryeo

Seoul, Hàn Quốc – Gần đây, một bộ biên dịch trực tuyến tranh Phật giáo Goryeo (hiện đang thuộc sở hữu của các viện bảo tàng tại Hoa Kỳ) đã được xuất bản.

Ngày 22-9-2019, Cục Di sản Văn hóa (CHA) Hàn Quốc đã công bố rằng cơ quan này đã mở một trang web có tên là 'Tranh Phật giáo Goryeo: Một cái nhìn gần hơn'. Trang web giới thiệu 16 tác phẩm nghệ thuật tạo tác vào triều đại Goryeo – hiện đang được lưu giữ bởi 8 viện bảo tàng Hoa Kỳ.

Đây là lần đầu tiên một hồ sơ lưu trữ của di sản văn hóa Hàn Quốc vẫn còn ở hải ngoại được biên dịch.

Trang web này gồm có tác phẩm nghệ thuật, họa sĩ, bình luận, thư mục, và một từ điển đồng nghĩa về các biểu tượng khác nhau.

H.M. Kang, một viên chức của CHA, nói, "Sau 7 năm làm việc với Phòng Triển lãm Nghệ thuật Mở rộng của Viện Smithsonian (Hoa Kỳ), chúng tôi đã có thể tạo một bộ biên dịch trực tuyến về tranh Phật giáo Goryeo".

(Korea Bizwire – September 24, 2019)

THÁI LAN: Tù nhân nhà tù Bang Kwang điêu khắc tượng Phật

Nghệ thuật điêu khắc tượng Phật đã được áp dụng tại nhà tù Bang Kwang ở Bangkok để giúp cải tạo nhân cách của các tù nhân, trong số đó có vài người đã tạo nên các tác phẩm tôn giáo xuất sắc – Cục Cải tạo cho biết.

Một nhóm tù nhân tại nhà tù an ninh cao này đã được đào tạo trong 185 ngày để làm điều mà họ chưa từng làm trước đây: đúc vữa đất sét thành tượng Phật.

Chương trình đã thực hiện được 5 năm. Năm nay, 36 tù nhân được chọn để đào tạo bởi một số tình nguyện viên và các nhà điêu khắc chuyên nghiệp, là những người được phép điều hành một chương trình đào tạo có tiêu đề "Từ bàn tay tội lỗi đến bàn tay điêu khắc công đức". Nhóm này nhận thấy rằng điêu khắc giúp làm dịu các tù nhân nói trên, và rằng việc làm đất sét thành tượng Phật cung cấp cho họ ý thức về mục đích.

Vào cuối khóa đào tạo gần đây, các tượng Phật với những tư thế và kích cỡ khác nhau do nhóm tù nhân tạo tác đã được công bố.

(tipitaka.net – September 25, 2019)



Tượng Phật do tù nhân Nhà tù Bang Kwang điêu khắc
Photo: Bangkok Post

THÁI LAN: (Tin ảnh) Ngày diễn hành để làm công đức trong Lễ hội Ghoul (Nga quý)

Nakhon Si Thammarat, Thái Lan – Vào ngày 27-9-2019, một số lượng người đông kỷ lục thuộc khu vực công và tư nhân đã tham gia vào nhiều đám rước lộng lẫy ngoài trời, được tổ chức tại tỉnh Nakhon Si Thammarat để đánh dấu ngày làm công đức Phật giáo thường niên.

Ngoài việc cúng dường chư tăng, một số vật phẩm còn được những người dâng cúng dành cho các vong linh của tổ tiên họ.

(The Nation – September 27, 2019)

Trang web 'Tranh Phật giáo Goryeo: Một cái nhìn gần hơn' của Cục Di sản Văn hóa (CHA) Hàn Quốc — Photos: archive.asia.si.edu



OBJECTS



PEOPLE



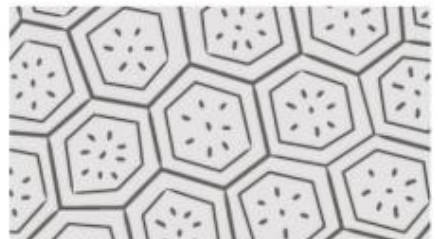
ESSAYS



RESOURCES



SELECTED BIBLIOGRAPHY



PATTERN LIBRARY

Các đám rước ngoài trời trong Lễ hội Ghoul được tổ chức tại tỉnh Nakhon Si Thammarat:



Những người ăn mặc như quỷ đại diện cho vong linh của những người dâng cúng vật phẩm và cư dân địa phương tại Lễ hội Ghoul — Photos: Prasert Thepsri



CAM BỐT: Độc nhất vô nhị: Nhóm 4 tượng Phật cổ của tỉnh Preah Vihear

Sau khi được trùng tu vào năm ngoái, ngôi chùa cổ Chaktomuk đang dần lấy lại sự nổi tiếng của mình như là một điểm đến di sản khi có nhiều du khách hơn đến viếng địa điểm thu hút du lịch này.

Chùa Chaktomuk có 4 tượng Phật đứng quay lưng với nhau - nhìn về 4 hướng bắc, nam đông và tây - được xem là độc nhất vô nhị tại Cam Bốt.

Trước khi trùng tu, nửa trên của cấu trúc chùa Chaktomuk đã sụp đổ, với 4 pho tượng Phật đứng tựa lưng vào nhau bị che phủ bởi cây cối mọc quá mức khiến bề mặt của các tượng này bị xói mòn.

(tipitaka.net - October 2, 2019)



Nhóm 4 tượng Phật cổ của tỉnh Preah Vihear Photos: Hong Menea



NHẬT BẢN: Daizenji – “Chùa Nho”

Chuyện kể rằng, vào thế kỷ thứ 8, một nhà sư tên là Gyoki khi đang viếng Thung lũng Koshu (tỉnh Yamanashi) đã mở thấy Đức Phật Dược sư (Yakushi Nyorai). Vị Phật tiến đến Gyoki, một tay ngài cầm chùm nho và tay kia cầm bình thuốc.

Sư Gyoki đã tạc một tượng Phật Dược sư mang trái cây đến, và xây chùa Daizenji (Chùa Nho) để vinh danh ngài. Sau đó ông bắt đầu trồng nho Koshu địa phương cho mục đích y học.



Ngay sau khi sư Gyoki giới thiệu lợi ích dược liệu của trái nho và truyền bá các kỹ thuật canh tác, loại trái cây này đã phủ kín Thung lũng Koshu. Nông dân bắt đầu thu thập và lên men những trái nho bị hỏng, thêm nhiều đường vào cho ngon, tạo nên rượu vang koshu.

Vào năm 1953, Chùa Nho đã đưa một số nông dân vào nghiệp đoàn để tạo ra một loại rượu vang koshu rất độc đáo, sản xuất hàng loạt trong khu chùa này.

Ngày nay, mỗi năm “Chùa Nho” của Koshu sản xuất 9,000 chai rượu vang.

(Big News Network – October 3, 2019)



Daizenji – “Chùa Nho” và sản phẩm rượu vang của bản tự
Photos: atlasobscura.com

HOA KỲ: Một đường phố ở Richmond sẽ đổi tên thành Đạt lai Lạt ma

Richmond, California - Một đường phố ở thành phố Richmond sẽ được đổi tên thành Đạt lai Lạt ma, vị lãnh đạo Tây Tạng lưu vong.

Một phần của Đại lộ Huntington sẽ đổi thành “Đại lộ Đạt lai Lạt ma” sau khi hội đồng thành phố Richmond bỏ phiếu đồng lòng ủng hộ vào ngày 1-10-2019.

Nằm ở phía tây Xa lộ Liên tiểu bang số 80, đại lộ Huntington có diện tích chỉ là một dãy nhà. Thành phố sẽ chi trả các khoản chi phí trị giá \$215.38 cho các biển báo mới, sẽ lắp đặt trong vài tuần tới.

Yêu cầu đổi tên được giới bởi Hiệp hội Tây Tạng của Bắc California (TANC), một trung tâm văn hóa tọa lạc trên dãy nhà này. Trung tâm là nơi dành cho người Tây Tạng học ngôn ngữ và văn hóa của họ. TANC cũng điều hành một ngôi chùa trên đại lộ Barrett trong khu vực có sự hiện diện đáng kể của người Tây Tạng này.

(Phayul – October 3, 2019)

Biểu trưng của Hiệp hội Tây Tạng của Bắc California (TANC)

Photo: Phayul



HÀN QUỐC: Tủ quay tròn đựng kinh Phật được quảng bá là bảo vật quốc gia

Yecheon, Bắc Gyeongsang - Cục Di sản Văn hóa Hàn Quốc đã công bố rằng cục này sẽ quảng bá Yunjangdae, một tủ xoay đựng kinh điển Phật giáo, lên cấp bảo vật quốc gia. Chánh điện Daejangjeon của chùa Yongmunsa, nơi chứa tủ kinh quay tròn nói trên, cũng sẽ được gọi là một quốc bảo.

Tủ Yunjangdae - còn gọi là Cột Thư viện Kinh Xoay tròn - đã hơn 800 năm tuổi và hoạt động như một cột trụ chứa kinh điển Phật giáo. Đây là tủ sách quay tròn duy nhất tại Hàn Quốc.

Yunjangdae được lắp sâu xuống đất với một đế xoay và gắn chặt vào trần tủ bằng một trục chính. Thiết kế của cột thư viện này từ đế lên nóc là từ mỏng thành lớn. Thân tủ Yunjangdae có nhiều cửa với thiết kế hoa và một mái màu đỏ sặc sỡ ở trên cùng.

Buddhistdoor Global – October 4, 2019)





Tủ quay Yunjangdae và chánh điện Daejangjeo
Photos: buddhistdoor.net

BANGLADESH: Nhà lãnh đạo Phật giáo Satyapriya Mahathero viên tịch

Vào ngày 4-10-2019, Satyapriya Mahathero, nhà lãnh đạo Phật giáo cao thứ nhì của Bangladesh và là trưởng tu viện Ramu tại thành phố Cox's Bazar đã viên tịch tại thủ đô Dhaka, hưởng thọ 89 tuổi.

Tổng thống và Thủ tướng Bangladesh đã chia buồn với cái chết của vị cao tăng đáng kính này.

Sinh tại Ramu, Cox's Bazar, vào năm 1930 Satyapriya Mahathero xuất gia vào năm 1950 và đảm nhận chức chủ tịch Đại Hội đồng Tăng đoàn Bangladesh vào năm 2006.

Năm 2015, ông được trao giải nhì của giải thưởng dân sự Ekushey Padak của Bangladesh cho công tác xã hội.

(tipitaka.net – October 7, 2019)



Nhà lãnh đạo Phật giáo Satyapriya Mahathero của Bangladesh



HÃY TÌM ĐÂU

*Tuy hiện hữu nào biết mình có mặt
Thả suy tư mãi đua bắt đầu đầu
Bao ước mơ chưa hề nổi nhịp cầu
Đạt chí nguyện lại cho vào quên lãng*

*Chân hạnh phúc khó tìm trong dĩ vãng
Những vần thơ chìm hẳn đáy vô thường
Tiếc nuối chi quá khứ nhạt mờ sương
Thời danh phận nay chỉ tuồng huyễn mộng*

*Còn tương lai một khung trời viễn vọng
Trang điểm lên toàn chất liệu sáo từ
Suốt cuộc đời chen chúc giữa phù hư
Nhật ảo ảnh đắp xây bờ hạnh phúc*

*Khác nào đâu đã tràng xe bến đục
Sóng thời gian cuốn lấp bãi phù sa
Trắng tay rồi xuân sắc thuở hoan ca
Lúc nhìn lại hời ơi đà xế bóng*

*Chân hạnh phúc hãy tìm đâu tổ ấm?
Ồ! Trong tâm trong lẽ sống con người
Nó chân thành khi ý niệm nguồn vui
Và trọn vẹn qua nụ cười tỉnh thức.*

thơ **THẮNG HOAN**
(trích từ Thăng Hoan Thi Tập)

Một vài kỷ niệm với Giáo sư Tâm Đức Trần Quang Thuận

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Chúng tôi (Tín Nghĩa), quen thân với Giáo sư Tâm Đức Trần Quang Thuận trong chốn thiền môn hơn năm mươi năm. Nếu Giáo sư không thiệp thế, thì đúng là vai chú, vai thầy của chúng tôi ở trong đạo, và là vai anh của Hòa thượng Trí Chơn, cùng thọ giáo và thờ Ôn Đệ tam Tăng Thống Thích Đôn Hậu làm thầy; cùng môn phái Tây Thiên Di Đà, cùng chung tổ Tâm Tịnh với chúng tôi.

Chúng tôi thường gọi vợ chồng Giáo sư bằng Anh Chị, nên từ đây trở xuống đều gọi là anh chị Thuận. (Về gia đình chị Thuận tức là chị Tôn nữ Túy Thiện, con của ông bà cụ Tôn Thất Hối, rất thân với Tổ Đình Trúc Lâm, với Ôn Hòa thượng Mật Hiển, bản thân chúng tôi quen cụ bà cho đến ngày cụ hâu Phật).

Gia đình anh Thuận, tôi còn biết đến cụ bà thân mẫu của anh và anh cũng có một người anh ruột tên Trần Quang Lục, cũng thọ giáo với Ôn Linh Mục, đạo hiệu là Trí Đăng, theo kháng chiến, sau 30 tháng Tư 1975, trở về quê và dựng nhà ở gần Trúc Lâm, thờ mẫu thân rất chí hiếu (Vị lúc này anh Thuận đưa gia đình di tản). Chúng tôi thường vâng lời sư phụ hay ra thăm hỏi cụ bà. Cụ lớn tuổi, khó tánh, và lại những ngày ở với anh chị Thuận thì hoàn cảnh đầy đủ, thư thái nhiều. Sau 75, mọi hoàn cảnh, chúng tôi không nói, bà con, đồng bào đều thấu hiểu. (Cụ bà có bốn người con, trai đầu Trần Quang Lục, con gái Trần thị Giang, đến anh Thuận và em út là Trần Quang Sản).

Có lần ra thăm, cụ bà quát tháo anh Lục rất tội nghiệp, anh chỉ đứng vòng tay chấp nhận những gì cụ nói, cụ la rầy:

- Mày đi ra khỏi nhà. Nhà mày ở trên núi, đây là nhà của thằng Thuận...

Cụ la một hồi, chúng tôi bước vào:

- Thưa mẹ (Ở Thừa Thiên Huế, kể cả hai tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị, các cụ ở vai bà nội, bà ngoại của mình đều gọi là MẸ. Tuy nhiên, những vị tôn thất tôn thần triều Nguyễn, dù trai hay gái, lớn tuổi hay nhỏ tuổi cũng gọi là MẸ và cũng có thêm một số thân Hoàng tộc, có danh từ gọi bằng Mụ...; thế gian chữ Mụ có hai ý nghĩa: Thanh tao tức là Mụ hoàng phái, tồ tề tức là Mụ ăn mày, ăn xin...).

Mẹ im lặng và hỏi:

- Thầy ra khi mô rửa?

- Con mới ra và Ôn Trúc có gửi quà cho Mẹ nữa.

Cụ vui mừng và im lặng. Bởi cụ rất mến mộ và kính nể Ôn Trúc Lâm. Hễ khi nào mẹ không vui, thì anh Lục hay cháu Soạn con trai lớn của anh Lục chạy vào chùa cầu cứu quý thầy lấy uy đức của ôn Trúc; lúc ấy, chúng tôi vội vàng lấy xe đạp ra tận nhà để an ủi cụ bà. Sau này chúng tôi vượt biển tìm tự do, thì không còn gặp cụ và gia đình anh Lục nữa. Ra hải ngoại, tôi thuật lại những câu chuyện này với anh Thuận nghe. Hai chúng tôi

cũng chỉ cười xòa.

Giai đoạn thân quen nhất:

Chúng tôi biết anh Trần Quang Thuận từng tận và gần bỏ nhiều là khi anh ra ứng cử Hội đồng Hàng tỉnh, đơn vị quận Nam Hòa, miền tây của tỉnh Thừa Thiên. Quận này dân thưa, nghèo nhưng địa bàn đất đai rộng từ Quảng Trị đến Quảng Nam, Đà Nẵng, đa phần là núi non, cây cối và gỗ quý. Vì nó chạy dài năm theo dãy Trường Sơn.

Khi anh Thuận đến thăm Ôn Trúc và cho Ôn hay:

- Thưa ôn.

- Ra khi mô rửa?



- Con mới ra.
- Gia đình khỏe cả hí?
- Dạ. Con ra một mình.
- Ra thăm hay có chuyện chi?

- Dạ, chuyến này con ra để ứng cử Hội đồng Hàng tỉnh.

- Ở thành phố hay ở quận.

- Dạ thưa ở quận Nam Hòa.

- Răng không ra thành phố hay mấy quận lỵ đông dân mà lại ra ứng cử nơi quận Mọi rứa? (Vì quận này, khi chế độ đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa, cho đồn dân các sắc tộc người Thượng về ở quận này, đa phần ở chung quanh đất đai lăng vua Thiệu Trị, nên dân địa phương gọi quận này là quận Mọi...).

Ôn Trúc Lâm của chúng tôi đúng là vị sống theo giới luật của Phật, thấy sao nói vậy, ngay thẳng, không nghĩ gì về vấn đề chính trị, xã hội...

Hai thầy trò nói chuyện một hồi. Ôn xoa xoa qua bảo chúng tôi:

- Tín Nghĩa xuống dưới coi có chi ăn, trưa ni cho Thuận ăn cơm cho vui.

Tôi dạ và xuống bếp dọn cơm để anh Thuận và Sư phụ cùng ngồi ăn ở nhà khách như những vị khách hay lên thăm hỏi hay thừa hành Phật sự với Ôn như thường lệ.

Anh Thuận ngại, không dám ngồi dùng cơm với Ôn Trúc, theo chân cùng chúng tôi xuống bếp.

Dọn cơm hầu Ôn Trúc và anh Thuận xong, chúng tôi chạy lên liêu thỉnh Ôn xuống thọ trai.

Xuống nhà khách, anh Thuận thưa:

- Bạch Thầy, cho con ngồi dưới này với Chúng cho vui. Ít khi về chùa cùng được dùng cơm với Chúng thì phước đức lắm rồi.

Ôn Trúc bảo:

- Tín Nghĩa đem cơm tui xuống đây, ngồi ăn cho vui.

Tôi đưa mâm cơm xuống dọn cùng với quý thầy lớn, còn Đại chúng từ Sa Di trở xuống có một dãy bàn riêng.

Vấn câu chuyện ứng cử, Ôn hỏi rằng lại đi ra ứng cử chi cái quận nhỏ rứa?

Anh Thuận thưa:

- Nhỏ mà nó có cái hay hay,...

Vì Ôn Trúc không rành về chính trị, riêng anh Thuận tâm sự với chúng tôi là: Mục đích ra ứng cử chuyến này là để ra khỏi đời lính, để dễ dàng sinh hoạt... (Lúc này với cấp bậc Trung úy). Nếu ở trong quân đội, rất khó sinh hoạt vì nằm đúng quy luật cứng rắn đời nhà binh. Sau này thành dân sự rồi hầy hay. Vì thế mà tôi nhận ra đơn vị quận Nam Hòa cho chắc ăn...

Đơn vị Nam Hòa có hai vị ứng cử. Một là



anh Thuận, hai là đạo hữu Nguyễn Văn Hảo, đương kim Thư ký của quận.

Anh Thuận ra ở quận này có rất nhiều cái lợi: Đa phần, ba thôn chính dân đông của quận lại là đệ tử của Ôn Trúc Lâm và Ôn Linh Quang. Quận trưởng là Thiếu tá Hoàng Phúc Hiệt, một Phật tử nồng cốt đã từng dạy Anh ngữ cho quý thầy ở Phật Học Đường Báo Quốc; đã từng đứng ra trông coi và xây cất tượng đài Bồ tát Quán Thế Âm (hiện nay là một một trong những Thánh tích có tầm cỡ tại cố đô Huế). Tượng đài xây dựng hoàn tất, ông Quận trưởng được chuyển qua làm Tùy viên Ủy ban Quân sự bốn bên cho đến 30 tháng Tư, rồi

vác chiếu vào trại cải tạo tập trung, gờ gần 10 cuốn lịch. (Ông Quận trưởng là anh rể của chúng tôi, và chúng tôi bảo trợ gia đình của anh qua định cư ở tiểu bang Washington State cho đến bây giờ, đã 87 tuổi. Khi Giáo hội tổ chức Đại hội tại chùa Cổ Lâm, chúng tôi có đưa hai vị gặp nhau để nhớ lại về chuyện xa xưa). Mặt khác, chúng tôi lại là giảng sư ở đây, cũng là Giám đốc xưởng cửa xẻ gỗ Lục Hòa của Giáo Hội, gần điện Hòn Chén, thuộc địa phận quận này. Ngoài giờ trông coi việc của xưởng, chúng tôi thường lên vận động quần chúng Phật tử ba đơn vị khuôn hội cố gắng đi bầu và hết lòng ủng hộ cho Ứng cử viên Tiến sĩ Trần Quang Thuận. Cuối cùng anh Thuận thắng cử về vang.

Thắng cử xong, anh lên Trúc Lâm thăm Ôn, gặp chúng tôi và trở lại Sài Gòn.

Hơn sáu tháng sau, anh vào danh sách Thượng viện của Liên danh Hoa Sen do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đề cử. Anh vào Thượng viện, kiêm luôn chức vụ Hội đồng Hàng tỉnh đơn vị quận Nam Hòa và anh kiêm nhiệm như thế cho đến lúc hết nhiệm kỳ. Thịnh thoàng, vì nhiệm vụ, đôi ba tháng anh ra họp một lần tại tịnh đường Thừa Thiên và cũng lên chùa thăm Ôn Trúc; đồng thời, anh cũng trò chuyện với chúng tôi rất thân mật. Anh không quên cám ơn những gì mà chúng tôi đối với anh trong những ngày bầu cử. Và, chúng tôi cũng không còn gặp lại anh một lần nào nữa. Ngày anh đưa gia đình di tản, anh đã cúng dường Ôn Trúc chiếc Toyota mà anh chỉ sử dụng chưa đầy hai năm. Chiếc xe nay vẫn còn tại Trúc Lâm.

Ngày gặp lại anh Thuận ở Hoa Kỳ

Tôi được định cư vùng đất mới Hoa Kỳ vào ngày 19-09-1979, thành phố Los Angeles, chùa Việt Nam và do được hai Ôn Mãn Giác và Ôn Thiên Ân bảo trợ. Chủ nhật tuần ấy, hai Ôn cho bản thân chúng tôi tiếp xúc với Phật tử chùa, thì gặp ngay anh Trần Quang Thuận và Ôn Trí

Chơn (tức chú Bình của Linh Mục ngày xưa).

Chủ nhật kể, được Ôn Trí Chơn cho về viếng thăm Cộng đồng Phật tử vùng San Diego và chùa Vạn Hạnh. Hòa thượng rất hoan hỷ khi nghe chúng tôi đến ở chùa Việt Nam (Vi chúng tôi và Hòa thượng quen nhau từ thuở thiếu thời, ngài đi du học gần hơn 25 năm mới gặp lại). Hòa thượng niềm nở, cho đi chỗ này chỗ nọ, nói chung là những phong cảnh đẹp của miền nam California.

Khi trở lại chùa, cuối tuần sinh hoạt với gia đình Phật tử Long Hoa. Tuy thời gian sinh hoạt không dài, sau này thầy Thông Hải làm Cổ vấn cho Long Hoa nên hai cháu gái là Như và Liên rất thích giọng Huế kể chuyện; do đó, anh Thuận đưa chúng tôi về nhà cho biết cụ Bà, chị Túy Thiện và gia đình. Sau này chỉ còn thân nhất là cháu Túy Như con gái lớn của anh mà thôi. Hai cậu con trai Trí và Phước thì chỉ biết mà không thân (Anh chị Thuận có bốn cháu, cháu đầu trai là Phước, cháu nhì gái là Túy Như, cháu thứ ba trai là Phước và cháu thứ tư gái là Túy Liên).

Sau khi anh dời nhà về gần Phật Học Viện Quốc Tế, những ngày lễ lớn, những mùa An cư kết hạ tại viện, tự thân chúng tôi qua thăm gia đình anh và trao đổi Phật sự cùng anh. Đặc biệt cụ bà Tôn Thất Hối, nhạc mẫu của anh Thuận, hề gặp chúng tôi qua nhà thăm là cụ liền bảo chị Thuận đẩy xe đưa cụ ngồi gần chúng tôi để nói vài chuyện xưa tích cũ. Cụ còn nói:

- Răng thầy không về ở bên ni cho gần tui, cái áo thầy mượn (tức là mặc), bề ghê (tức đẹp ghê),... Mỗi lần ghé thăm như thế, cụ bà ngồi nói chuyện gần cả tiếng đồng hồ, rồi móc trong túi ra một bì thơ tặng chúng tôi.

Tôi thưa:

- Cụ đã trên 100 tuổi rồi, làm gì ra tiền mà cụ cho thầy.

Cụ bảo:

- Chính phủ có cho, mà tui thì không ăn uống gì nhiều, có vợ chồng Thuận lo liệu hết, tui ăn không ngà (tức ăn không hết). Cụ đưa phong bì xong, bảo chị Thuận đưa cụ vào phòng nghỉ.

Tất cả mùa an cư, lễ lớn ở Viện, anh Thuận đều có mặt và đều có phát tâm cúng dường của gia đình.

Chúng tôi có cơ duyên ra hải ngoại được gặp lại hai vị Đại cư sĩ đó là: Giáo sư Trần Quang Thuận và Giáo sư Bùi Ngọc Đường. (Giáo sư Đường chúng tôi chỉ biết một lần một vào năm 1976, khi cùng với thầy Nguyễn Hạnh đến nhà chơi, nhờ vậy mà biết đến anh và giáo sư Thanh Trúc, anh của thầy Nguyễn Hạnh; sau này cùng định cư ở Los Angeles, lại trở



thành thân quen như gia đình anh Thuận).

Khi Đức Đạt Lai Lạt Ma được Hòa thượng Thiên Ân, Viện trưởng viện Đại học Đông Phương mời để tặng bằng Tiến sĩ danh dự cho ngài, thì Hòa thượng Mãn Giác, anh Thuận và chúng tôi tặng ngài Đạt Ma bài tán: "... Trí Huệ hoằng thâm đại biện tài..."; rồi anh Thuận giải thích bằng Anh ngữ và chúng tôi dâng mâm gạo để ngài làm phép và ban rải cho Phật tử,...

Tất cả Phật sự từ Tổng Hội, qua các Giáo Hội, không lúc nào nhóm họp mà anh không dẫn thân và đóng góp nhiệt tình. Anh có một đặc tính rất dễ thương là hiền dịu và cả nể

nên không mất lòng bất cứ ai dù xuất gia hay tại gia, dù lớn hay nhỏ. Anh là mẫu người chịu nghe thiên hạ đóng góp ý kiến. Đúng là Phật tử Tầm Đức.

Có lần chúng tôi về tham dự Đại hội của Tổng Hội; vì chúng tôi lúc bấy giờ là Tổng vụ Nghi lễ của Tổng Hội vùng Trung Mỹ. Trước đó, anh Thuận được Ôn Mãn Giác giao phó việc gì đó, nhưng không mẫn ý cho lắm. Giữa đại hội đồng đạo quý thành viên vừa xuất gia tại gia, thế mà Ôn la xối xả vào anh Thuận; anh im phăng phắc và đứng dậy thưa:

- Duyên nghiệp đưa con đến thế này, Thầy cũng biết con là học tăng lúc bấy giờ ra sao và cùng học chung với Thầy lớp Đại học Phật giáo như thế nào; thế mà thầy coi con như trẻ thơ không bằng... với lời ấp úng ứa nước mắt. Cả hội trường ai ai cũng cảm động với đức độ nhẹ nhàng của anh Thuận.

Chiều lại, giữa đại hội Ôn Mãn Giác cũng có lời chia xẻ đầy đạo tình và ứa lệ với anh Thuận và Đại hội như một lời xin lỗi. Lại một lần nữa, tất cả đại hội đã đón nhận tấm chân tình thấm thía của vị chân đất Phật sự Tổng hội... Một lời đầy tình đời nghĩa đạo chân tình, dễ thương làm sao !

Tất cả những hạnh nguyện đóng góp của anh Thuận từ chính quyền Đệ Nhất và Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa, qua những chức vụ và Thành viên của các Giáo Hội cùng với những sáng tác Văn Hóa Phật Giáo thì đã có đầy đủ trong tập "Tiểu sử Giáo sư Trần Quang Thuận". Quý đọc giả nào cần tìm hiểu, xin liên lạc với Trưởng nữ của Giáo sư tên Trần thị Túy Như.

Có một điều mà tất cả Đồng hương Phật tử phải nhìn nhận là: Hai vị Đại Phật tử cự Trung Tướng kiêm Nghị sĩ Quảng Uy Tôn Thất Đỉnh và cựu Bộ trưởng kiêm Nghị sĩ Tầm Đức Trần Quang Thuận khi xả báo thân về với Phật, đã được chư Tôn đức Tăng ni, Cộng đồng Phật tử miền nam California cùng với cựu quân nhân cán chính các cấp chung cùng lo tang lễ một

cách trọng thể, đông đúc và trang nghiêm chưa từng có ở vùng Santa Ana. Đó là nhờ sinh tiền hai vị đã lấy cái hùng tâm dũng chí một đời xả thân với Phật pháp, với Giáo hội, với quê hương dân tộc...

Chúng tôi ra hải ngoại được kết tình đạo bạn với hai anh Trần Quang Thuận và Bùi Ngọc Đường. Sau này ra làm việc nhiều với Phật pháp, được có thêm một vị Đại cư sĩ nữa là Giáo sư Tiến sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê cùng nhau làm việc cho đạo không mệt mỏi, không từ nan. Song song cũng còn hai vị Cư sĩ thiệp thể, đàn em của các vị trên với tinh thần hộ đạo cũng không nhỏ là Cư sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào và Cư sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang.

Nhơn viết vài dòng tưởng niệm anh Trần Quang Thuận, qua đây, chúng tôi xin chân thành tri ân và cảm niệm mỗi tình đời nghĩa đạo của bốn vị: Quảng Thành Bùi Ngọc Đường, Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tâm Quang Vĩnh Hào và Tâm Huy Huỳnh Kim Quang đã hết lòng chung lo Phật sự mà không hề có tâm buồn nản, mỗi mệt. Đức Phật sẽ gia hộ cho quý vị và gia đình.

Những kỷ niệm khó quên giữa bản thân chúng tôi và Anh Thuận biết nói sao cho hết. Chúng tôi chỉ biết nhất tâm cầu nguyện:

Nguyện thừa Tam Bảo lực từ bi phóng quang tiếp độ chơn Phật tử Trần Quang Thuận, Pháp danh Tâm Đức, tự Trí Không, sanh năm Canh Ngọ (nhằm ngày 02.07.1930), thượng thọ 88 tuổi, mất ngày 12 tháng 11 năm Đinh Dậu (nhằm ngày 28-12-2017) được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Mùa hạ An cư Kỳ hợi, 2563 - 2019

ĐNT TÍN NGHĨA



PHÍA XƯA LÀ CHIỀU

thơ

Không lâu lắm,

Nhưng cũng vừa đủ nhớ

Một chiều xưa,

Xa lắc một ban chiều.

Ta lẳng đàng cùng mây ngàn viễn xứ

Tâm sự đôi bờ âm lạnh bên cô liêu.

Ta cùng người nửa mái đầu sương bạc

Đường nhân gian rớt xuống mấy cung sầu!

Ngày rất nắng, nổi niêm cơn gió lốc!

Hoàng hôn lên, chìm ngập mắt đêm sâu.

Mái tranh hơ héch

hoang tàn hồn cát bụi

Bờ tre ngậm ngùi

Xao xác lá vàng bay.

Niềm riêng, riêng đã bao ngày

Niềm chung ấy... vẫn nổi nây xót xa!

Dòng đời ngược xuôi

Loay hoay chiều gió

Người lao xao, và bụi cũng lao xao

Sắc màu tung hô, sắc màu huyền ảo

Cái đích xa dần bờ bên chiêm bao.

Mắt ai dừng dừng qua chiều không bến

Sắc sưa men đời mặc cả cuộc trao tay.

Chơn lý, cộng bình

Đâu xóa hết màu đen đỏ

Đen đỏ nào hơn một ván bài.

Từ phía xa chiều

Bên kia là cuộc sống

Từ bên đây

Ta thương nhớ phía xưa chiều.

Ai đã nghe muối xát cày thêm mộng

Cây đã nên chồi, và lá cũng nên yêu.

Chiều nay gọi nhau ra phố

Thấy người, và thấy cả bóng liêu xiêu

Rớt tâm sự qua bao mùa trăng nhớ

Đốc cạn niềm ta một thoáng xưa chiều.

MẶC PHƯƠNG TỬ

BẢO TỒN TRUYỀN THỐNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thích Phước Nguyên

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Dẫn khởi:

Trong những thập niên trở lại đây, nhiều giá trị truyền thống trong Phật giáo Việt Nam dần trở nên mai một và bị lãng quên, hoặc thay thế bởi những xu hướng thời thượng của xã hội. Phật giáo không nắm nơi hình thức khuôn khổ, nhưng nếu không có những quy củ và nguyên lý nhất định, thì khó mà giữ bản sắc thuần túy, nhất là khi giá trị vật chất dần len lỏi vào từng góc ngách của đời sống dân Việt nói chung, và chùa chiền tăng xá nói riêng, nguy cơ mất hướng và vong bản là điều sớm muộn không tránh khỏi. Vì vậy, trong giới hạn của bài viết này, xin được gợi ý một số suy nghĩ ngắn gọn của cá nhân, để các độc giả hữu duyên rộng đường tham khảo.

I. HAI ĐƯỜNG CÔNG PHU

Phật giáo truyền vào Việt Nam, thời gian đã tính bằng ngàn năm, nếu không có nền tảng vững chắc thì há có thể trường tồn được giữa một quê hương dân tộc thừa hưởng được hai nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa với nhiều thăng trầm sâu sắc. Nghi lễ là một trong những chất liệu tạo nên sự hiện hữu và tồn tại đó, không thể phủ nhận tính nghi lễ giúp Phật giáo dễ dàng đi vào cuộc sống thường nhật của các giới, từ thượng lưu cho đến quần chúng. Do vậy, sự hình thành một thời khóa chuẩn mực trong Thiền môn, không phải một sớm một chiều mà có thể hoàn chỉnh. Hai thời công phu như được thấy sử dụng trong các tự viện Bắc truyền hiện nay, đã trải qua một quá trình lâu dài được soạn thảo, thực hành và thực nghiệm một cách nghiêm túc bởi rất nhiều thế hệ Tăng - tục. Khoan nói có người sẽ cho rằng ở đây lấy Tổ sư ra làm lá chắn, rồi viện dẫn kinh Kalama để phân bác. Trước hết chúng ta hãy suy nghiệm, mục đích thực sự của hai thời công phu là gì?

Thời công phu sáng: ở đây có thể gọi chung là "thời Lăng-nghiêm," sở dĩ gọi như vậy là bởi vì hành giả khởi điểm thời công phu này bằng tựa chú Lăng-nghiêm và tiếp sau đó là Đại bị, Thập chú, Bát-nhã tâm kinh và hướng nguyện. Thần chú có phép lạ nhiệm mầu gì đó

hay không, tùy thuộc vào niềm tin và lý giải của mỗi người. Ở đây, chỉ muốn nói đến giá trị của thời công phu sáng, khi hành giả tập trung thân thể, tâm ý, và lời tiếng vào việc trì tụng, toàn thể tâm tư được trôi chảy đều đặn theo lời kinh chú, tâm thức hành giả cũng từ đó mà được khoáng đạt, giúp nhổ gốc các tâm lý xấu, đoạn dứt những suy nghĩ bất thiện. Nên thời công phu này, hiển nhiên là tu tập ĐOÀN ĐỨC (trong tam đức). Nuôi lớn phẩm chất đoạn trừ xấu ác.

Thời công phu trưa: thời công phu này, thường được gọi là thời "Cúng Ngọ" hay "Cúng Phật." Sự cúng kính không phải để phô diễn hình thức, cúng Phật một bát cơm trắng hay các phẩm vật tinh khiết, là để bày tỏ tấm lòng thành kính và ngưỡng mộ với Tuệ giác toàn hảo của chư Phật; trên thì cầu thành Phật trí, trung gian thì cầu Thánh trí của chư Tôn giả Đại sĩ, dưới thì mong rằng tất cả chúng sinh cũng đều được trí tuệ như vậy, Sự thực tập thời công phu này, nuôi lớn TRÍ ĐỨC. Phẩm chất của trí giác, giúp hành giả thấy rõ con đường đang đi và sẽ đi.

Thời công phu chiều: được gọi là thời "Mông sơn thí thực," hay nôm na thường gọi là "Cúng cô hồn": "cầu nguyện cho những tâm





hồn cô độc.” Những chuyện thường bị công kích là hoang đường viển vông, nhưng lại mang một dáng hình bi nguyện của nhà Phật. Trong thời kinh du dương, vang vọng tiếng mõ chiều, hành giả bày tỏ lòng Từ với tất cả hữu tình trong thế gian, ban trải tâm Từ đến muôn loài chúng sinh, xả bỏ lòng xan tham, ôm lấy những mảnh đời cô độc trường kỳ, không có bến bờ nương tựa, chỏ hữu tình một chút hơi ấm của cửa Phật rộng mở. Thời công phu như thế, hành giả nuôi lớn AN ĐỨC. Trải rộng phẩm chất ân nghĩa chí tình đến xa gần: *“Lòng nào lòng chẳng thiết tha. Cõi dương còn thế nữa là cõi âm.”*

Như vậy hai đường công phu phân chia làm ba thời, đầy đủ ba phẩm đức: ĐOẠN ĐỨC, AN ĐỨC, TRÍ ĐỨC. Hai thời công phu như vậy, dầu không phải chính do đức Phật thiết định, nhưng được trích lục và tập thành từng những lời dạy trong các kinh tạng và nghi thức của các thế hệ Tăng lữ tiền bối. Nó không những phản ánh quan điểm tu tập, bối cảnh đời sống và nghi lễ của các thời đại Phật giáo Việt Nam trong quá khứ, mà chứa đựng trong đó là cái khí chất tinh thần uy dũng bất khuất của chư vị Tiên nhân đã hy hiến cho vận mệnh Phật giáo, bằng máu và nước mắt, bằng tất cả tâm tủy, để chèo chống con thuyền đạo pháp đi giữa chông chênh của bão táp ma quân. Do vậy, sự gìn giữ hai đường công phu là giữ gìn trái tim của Phật giáo Việt Nam, mang trong đó hoài bão dựng xây cơ đồ Chánh giáo.

II. PHÁP Y

Nhiều quan điểm kỳ thị y phục Trung Quốc, dẫn tới tẩy chay hoặc biến chế Pháp phục của Tăng lữ sang một hình thái khác thường, nếu không muốn nói là dị hợm. Trong đây, điểm trọng yếu nhất mà bài viết này muốn nói là chiếc Pháp y của Phật giáo Bắc truyền, thường bị các bộ phái Phật giáo khác công kích cho là sản phẩm “Made in China.”

Chiếc Pháp Y có ý nghĩa gì ở đây?

Chiếc Pháp y dù được chế tác theo truyền thống Nam phương hay Bắc phương, cũng đều mang trong nó một tinh thần phản chiếu và thượng tôn giới luật mà hành giả thọ nhận. Chiếc Pháp y, hoặc năm điều, hoặc bảy điều, hoặc chín điều... khi giới tử phát nguyện lãnh

thọ giới pháp Tỷ-kheo, tiếp nhận chiếc Pháp y từ chư vị Giới sư, không đơn thuần là nhận một tấm vải được may vá theo cách thức nào đó, mà cốt lõi là tiếp nhận cả một gia tài của Phật của Thầy Tổ, đó là sự truyền thừa tinh thần và ý chí, cái ý chí khát khao một đời sống Phạm hạnh trong sạch, tiếp nhận Pháp y và khoác lên chiếc Pháp y bất kể là truyền thống nào, dưới hình thức nào, cũng mang trong đó một tâm nguyện giữ gìn bản thể hòa hiệp và thanh tịnh của Tăng-già Việt Nam qua nhiều thế hệ truyền thừa, làm sở y vững chắc cho các hàng Phật tử hữu duyên quy ngưỡng.

III. CHÙA THÁP & TÔN TƯỢNG

Trong những thập niên gần đây, khi mà kiến trúc chùa tháp và Tôn tượng Phật, Bồ-tát theo phong cách các miền Bắc và Trung, dần bị chối bỏ và thay thế bởi những kiến trúc ngoại lai, thì những ai quan tâm đến vấn đề gìn giữ cổ cựu này đều cảm thấy đau xót và bất lực. Người ta có thể sẵn sàng thay thế một ngôi chùa cũ bằng một ngôi đại tự nguy nga, một pho tượng cũ kỹ bằng một tượng Phật dát vàng rực rỡ. Cũ hay mới, nguy nga to lớn hay nhỏ bé đơn sơ, tùy thuộc vào thị hiếu và nhu cầu sử dụng của các tự viện. Nhưng việc gìn giữ và phục hồi những kiến trúc mỹ nghệ Phật giáo Việt Nam là điều đáng quan tâm. Bởi, nó phản chiếu những khát vọng, niềm tin, tập quán, các giai đoạn lịch sử, các bản sắc văn hóa vùng miền qua những lối thiết tạo đó. Mất đi một ngôi chùa cổ, một pho tượng cổ, là mất đi cơ hội để thế hệ hậu sinh tìm về với cội nguồn tổ tiên, làm lu mờ đi cái tâm nguyện và hình dung của lịch sử Phật giáo và dân tộc Việt Nam, giữa muôn trùng thay đổi của thời gian, bây giờ gia tài đó chỉ còn là bóng mờ quên lãng. Những nhà chuyên môn và cảm tình về kiến trúc, điêu khắc và hội họa Phật giáo, cần tiến hành nhanh hơn nữa, để giữ lại một chút tàn dư còn sót lại giữa lòng đất mẹ hôm nay.

IV. NGÔN NGỮ

Trong nhiều bản kinh Đức Phật đã cho phép các hàng đệ tử được tu tập và hành trì bằng chính phương ngữ của mình. Thuật ngữ Hán-Việt Phật học được sử dụng tại Việt Nam từ hậu bán thế kỷ trước trở về đây, đã đi vào ổn định. Không nên vội vã đề ra những ngôn ngữ mới lạ gây rào cản cho những người học Phật. Chúng ta phải chấp nhận tính tương đối trong ngôn ngữ và khu biệt tầng lớp độc giả của từng loại hình kiến thức. Một sinh viên dầu là khoa Mắt của Đại học Y dược, cũng khó mà đọc hiểu sách chuyên ngành Thần kinh học (neurology); cũng vậy chị dệt vải trồng rau, cũng khó mà tiếp cận thuật ngữ Siêu hình học (metaphysics). Như vậy độc giả sách Phật giáo cũng thế, người muốn tìm hiểu đạo Phật phải chấp nhận đi từ cơ bản, tiếp cận những thuật ngữ chuyên môn trong kinh luận. Phật giáo thường được mô tả là “tùy duyên” và “nhập

thế," nhưng cũng không phải vì vậy mà tùy tiện kéo Phật giáo ngang bằng với thời đại, xóa sổ những ngôn ngữ vốn đã định hình nên một hệ thống giáo nghĩa vững chắc cho nền Phật học Việt Nam.

Kết luận:

Về mặt tư tưởng, đã có nhiều nỗ lực phiên dịch kinh điển Phật giáo trực tiếp từ Sanskrit và Pāli, nhằm tránh những ảnh hưởng không cần thiết từ Trung Hoa, nhưng việc nắm vững dụng ngữ Hán - Việt, cũng như truyền thống văn hóa Phật giáo Việt Nam qua cách hiểu và sử dụng thuật ngữ Phật học Hán - Việt là điều hết sức quan trọng, giúp thành hình những bản dịch chuẩn mực và trong sáng trong Việt văn.

Phật giáo chỉ là Phật giáo khi độc giả và hành giả thoát ly tất cả ý thức hệ bảo thủ bộ phái, và quan sát một cách toàn diện; tất cả bảo thủ và điểm đứng cá nhân chỉ đưa tới khuyết điểm tâm linh và tụt hậu tri thức, cần phải vượt ra khỏi các rào cản này để nhìn nhận và học hỏi đạo Phật. Phật giáo chỉ thực sự được thể nghiệm toàn diện và toàn hảo khi mà tự ngã cá nhân được loại trừ khỏi tiến trình giải thoát và giác ngộ.

Chủ nghĩa hoài nghi có thể tốt cho những trường hợp nào đó và trong một số khu vực nhất định, mà ở đó tập quán và văn hóa bản địa có thể khác biệt. Tại Việt Nam, khái niệm "xâm thực văn hóa" đã được đề cập rất nhiều, ở đây không cần thiết phải nói dài dòng thêm. Chỉ nói riêng truyền thống Phật giáo Việt Nam, về hình thể và tinh thần cần được đầu tư bảo tồn một cách nghiêm túc. Các thể hệ Tăng-già và Cư sĩ Phật tử lão thành đã có rất nhiều đóng góp cho chính thể tư tưởng Phật học Việt Nam qua nhiều thời đại, chứng tích ghi dấu vẫn còn vẹn nguyên. Trên nẻo về của truyền thống văn hóa Phật giáo Việt Nam, chúng ta đã làm những gì và cống hiến những gì để bảo tồn giá trị vô giá này, di sản Phật-Tổ như thế, rồi sẽ đi về đâu?

Xin mượn thi kệ của sư Đức Thành hội thoại với vua Trần Thái Tông trong *Khóa Hư Lục* để kết thúc:

古今無異路

達者共同途

陛下將謂得

道獨世尊麼

"Cổ kim vô dị lộ,

Đạt giả cộng đồng đồ.

Bệ hạ tương vị đắc

đạo độc Thế-Tôn mạ?"

*Dịch:

Xưa nay không khác lối,

người đạt cùng nẻo đường,

Bệ-hạ há bảo chỉ Thế-Tôn đắc đạo ư?

(*Khóa Hư Lục*, Trưởng lão Thanh Kiểm

dịch)

VÔ TRỤ XỨ AM, 01.9. Kỳ Hối (2019)

TÌNH YÊU HỒI!

*Tình yêu không có tay
Sao níu nhau quá chặt
Đâu có siết sợi dây
Mà buộc nhau quá chắc!*

*Tình yêu không có chân
Có sao xông xộc tới
Đói ai mà cắn nôi
Thà chết không chịu dưng!*

*Tình yêu không có mắt
Tất nhiên phải mù lòa
Làm sao thấy được xa!
Cho nên thường vấp vấp.*

*Tình yêu không có cánh
Sao bay bổng lên mây?
Làm gì có đường bay
Cho nên thường lạc hướng.*

*Tình yêu không phải nắng
Sao sưởi ấm tim ta?
Cũng không phải Hằng Nga
Vây mà sao say đắm?*

*Tình yêu thường lãng mạn
Làm choáng váng tâm ta
Làm chao đảo cả hai
Khó đau mà êm ái!*

*Người ta sợ tình yêu
Như sợ loài ma trời
Nó làm ta thương nhớ
Chết đuối trong luân hồi!*

thơ

DIỆU VIÊN

San Jose, 2019

CHÍNH TRƯỜNG CẦN CÓ NHỮNG TIẾNG NÓI TRÍ TUỆ CỦA PHẬT GIÁO

TỶ KHUÛ SUJATO

Bản dịch: *Một nhóm Phật tử Bắc Mỹ*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

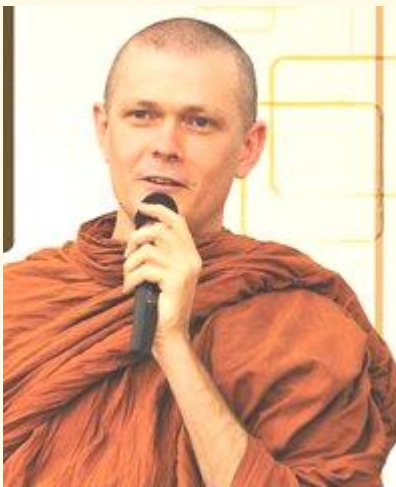
Con đường của Đức Phật là con đường xuất thế, từ bỏ mọi ham muốn và quyền lợi thế tục. Vì vậy, người ta ngạc nhiên khi thấy những Phật Tử thuần thành, nhất là giới xuất gia, lấy lập trường trên những vấn đề chính trị.

Ngày 14 tháng Năm vừa qua, một số các vị lãnh đạo Phật giáo ở Mỹ, trong đó có vị Trưởng lão đáng kính, Thầy Bodhi, đã có một buổi họp ở Nhà Trắng để thảo luận những vấn đề quan trọng, khẩn cấp và hiện đại, trong đó có vấn đề thay đổi khí hậu.

Sự kiện này đã gây ra một số phản nộ trên mạng; thật ra đây không phải là việc khó làm. Một số lập luận rằng tu sĩ Phật Giáo phải hoàn toàn tránh xa lãnh vực chính trị.

Tuy nhiên, việc tăng sĩ tham gia vào chính trị không có gì là khác thường. Ở Thái Lan, có một đạo luật dành cho Tăng đoàn. Tăng sĩ nước này đã từng tham gia các cuộc biểu tình trên đường phố, đấu tranh cho quyền lợi của mình. Dường như không có trường hợp tăng sĩ Thái Lan biểu tình đấu tranh cho quyền lợi của bất cứ ai khác.

Cũng vậy, ở Miến Điện, cũng có Đạo Luật dành cho Tăng đoàn, và tăng sĩ ở đây đã sống nhiều thập niên dưới một trong những chế độ bạo tàn nhất thế giới. Trong hoàn



cảnh đó, đương nhiên họ phải đối phó với những vấn đề có ít nhiều sắc thái chính trị. Gần đây, có ba tăng sĩ người Miến được Quốc Hội Tôn Giáo Thế Giới trao tặng Giải World Harmony Awards—Giải Xây dựng thế giới hòa hợp—vì đã đứng lên phản đối sự tàn sát người thiểu số Rohingya. Thầy Seindita, một trong ba tăng sĩ nói trên, nói rằng nếu có ai muốn hại người Rohingya, "họ phải giết tôi trước."

Ở Tích Lan (Sri Lanka) một số tăng sĩ đứng ra lập đảng riêng của họ và dành được một số ghế trong quốc hội. Ở Việt Nam, những việc tương tự cũng đã

xảy ra. Ở Tây Tạng, lẽ dĩ nhiên *Tăng đoàn* là nhà nước. Như vậy, ở bất cứ nước nào, bạn cũng sẽ thấy tăng sĩ có dính dáng vào việc chính trị.

Lập luận Tăng đoàn không nên dính dáng vào chính trị là một việc làm ngây thơ: mọi người đều dính dáng vào chính trị, dù muốn hay không. Sống trong một tu viện ẩn lâm, giữa nơi hoang dã, là một hành động có những hệ quả chính trị sâu xa. Tôi đã từng sống ở những nơi như thế và từng thấy các tăng sĩ đã phải làm gì để có thể duy trì những tu viện này. Bạn phải quan hệ với những công ty khai khẩn, đốn gỗ, du lịch, cấp giấy nhập cảnh, xây cất, các sinh vật thuộc loài được bảo vệ, những phần tử buôn lậu nha phiến và súng ống, nhập cư trái phép, phạm pháp v.v... Đây là thế giới chúng ta đang sống,

và thế giới thì luôn có một khía cạnh chính trị trong đó. Vấn đề không phải là nên hay không nên dính dáng đến chính trị. Vấn đề là nên dính dáng như thế nào.

Trong nhiều thí dụ về các xã hội Phật giáo truyền thống mà tôi vừa nêu ra, điều thường thấy là giới tăng sĩ đứng sát cánh với nhà nước. Phật giáo, khi ấy, đóng vai trò một tôn giáo cổ vũ cho chủ nghĩa quốc gia, mà mục đích là để bảo đảm sự trung thành với giới cầm quyền. Điều này rõ ràng là trái ngược lại với giáo pháp. Nhìn vào cuộc đời đức Phật để tìm sự hướng dẫn, ta thấy tuy đức Phật không bao giờ tránh né tham dự vào chính trị, nhưng thật ra Ngài làm điều ấy trong một cách khác biệt.

Ở nhiều nơi, những nhân vật chính trị như vua chúa, bộ trưởng, hay tướng lĩnh, đã gặp gỡ Đức Phật để tham vấn về nhiều lĩnh vực. Đôi khi chỉ là những câu hỏi thông thường, nhưng cũng có những câu hỏi cụ thể về vấn đề quốc gia. Trong mỗi trường hợp, Đức Phật đều đưa ra những lời khuyên được cân nhắc và hữu ích.

Thực vậy, ngay cả những việc thoát nhìn có vẻ bình thường nhưng lại có thể mang theo nó những sắc thái chính trị; chẳng hạn như khi đức Phật khuyên vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) lúc ông vua này có vẻ buồn rầu vì được tin đứa con mới sinh của mình là con gái, rằng có con gái cũng tốt như là có con trai. Lời khuyên này rất có ý nghĩa vì liên quan đến những vấn đề thừa kế, dòng dõi không thể tránh khỏi trong hoàng tộc.

Tăng đoàn cần phải lên tiếng một cách độc lập, với óc phê phán và có đạo đức. Chúng ta nên ủng hộ chính phủ, khi họ làm những điều tốt, chẳng hạn như khuyến khích sự hòa đồng giữa các tôn giáo. Chúng ta nên phản đối, khi họ làm những điều sai, chẳng hạn như gây chiến tranh và phá hoại môi trường. Tăng đoàn không nên tham gia quốc hội hay cấu kết với chính quyền nhưng cần phải thẳng thắn lên tiếng về

những vấn đề đạo đức quan trọng.

Một điều đặc biệt quan trọng là Tăng đoàn cần phải xác nhận rõ một quan điểm đạo đức phổ quát, dựa trên mối quan tâm của Đức Phật đối với "mọi chúng sinh." Chúng ta phải vượt lên những quan tâm hẹp hòi của chủ nghĩa dân tộc. Những thử thách có ý nghĩa đạo đức quan trọng nhất của thời đại chúng ta, chẳng hạn như vấn đề thay đổi khí hậu, là ở bình diện toàn cầu, và quá ít phát biểu cho toàn thế giới được đưa lên trên vấn đề này.

Ở Úc Châu, giới chính khách thường cho biết là cộng đồng Phật giáo đã quá im lặng, họ muốn chúng ta lên tiếng nhiều hơn. Tôi có nhiều dịp tiếp xúc với các hàng chính khách, từ những thành viên hội đồng thành phố cho đến vị thủ tướng. Cùng với các lãnh đạo của nhiều tôn giáo khác, chúng tôi đã trao đổi với những viên chức này về vấn đề thay đổi khí hậu, về sự hài hòa, về hòa bình, về sự biết đủ, về lòng bác ái.

Có quá nhiều tham ái và quá ít trí tuệ trên thế gian này, vì thế chúng ta không nên xem nhẹ ảnh hưởng mà chúng ta có thể có. Đa số chính khách suốt ngày chỉ nghe những vận động vì tư lợi; với họ, dù chỉ là một chút trí tuệ, một tiếng nói nhỏ bé nhưng chân thật và có chiều sâu tâm linh, cũng là một điều rất đáng ghi nhớ.

Theo tôi, những gì Thầy Bodhi và các vị lãnh đạo Phật giáo khác đang làm ở Mỹ là tuyệt diệu. Nó khiến cho tôi thấy hãnh diện là một tín đồ Phật Giáo. Tôi đã quá thường thấy sự hèn nhát về mặt đạo đức và sự đứng đưng được nguy trang như những đức hạnh tâm linh. Chúng ta nên phản nộ trước nhiều sự việc xảy ra trên thế giới, và chúng ta nên tìm cách để thay đổi chúng. Nếu bạn phản đối việc này, hãy suy nghĩ xem bạn đang làm gì. Bạn đang lấy đi một vài tiếng nói hiếm hoi của trí tuệ, tình thương và sự dung hòa trên thế gian này, và từ chối không cho chúng một chỗ đứng. Bạn đang làm cho trí tuệ lặng im.

Làm như vậy là bạn đang làm công việc của Ma Vương. Không có gì làm cho Ma Vương yêu thích hơn là các bậc lãnh đạo tâm linh sống im lặng trong các tu viện và thiền viện và kêu gọi mọi người từ bỏ thế gian. Như thế thì Ma Vương mới có thể tiếp tục làm công việc của mình không bị gián đoạn. Đây chính là việc Ma Vương đã làm khi Đức Phật giác ngộ: khuyên Ngài nên hoàn toàn từ bỏ thế gian. Đức Phật từ chối. May mắn thay nhờ thế mà chúng ta biết theo gương Ngài để biết cách xử trí với những vấn đề trên một cách cân bằng, khôn khéo và hữu ích.





Ti khưu Sujato là một tu sĩ Phật giáo người Úc, một bậc thầy dạy giáo pháp và thiền tập, thành lập viên và cứu viện chủ tu viện ẩn lâm Santi ở Úc Châu. Sư còn là một học giả về những thời đại sơ khởi của Phật Giáo (kinh Phật nguyên thủy, trước khi đạo Phật bị chia

thành nhiều tông phái khác nhau) - Early Buddhism.

Bản dịch: Một nhóm Phật Tử Bắc Mỹ

Nguyên tác Anh ngữ:

Politics needs wisdom of Buddhist voices

BHIKKHU SUJATO Source: <http://www.bangkokpost.com/opinion/opinion/583215/politics-needs-wisdom-of-buddhist-voices>

© Post Publishing PCL. All rights reserved.

The Buddha's path is a path of renunciation, letting go of all worldly desires and interests. So it's often seen as strange when devout Buddhists, especially Buddhist monastics, take a stand on political issues. On May 14, a number of Buddhist leaders in the US, including the respected senior monk Bhikkhu Bodhi, held a meeting at the White House, where they discussed matters of urgent contemporary importance, including climate change.

This sparked a deal of outrage on the internet; which, admittedly, is not hard to do. Some people argued that Buddhist monastics should just stay completely away from the political arena.

But involvement of monks with politics is nothing unusual. In Thailand, the Sangha is governed by an act of parliament. Monks have participated in street rallies, protesting to ensure that the monks keep their privileges; I haven't heard of Thai monks protesting on behalf of anyone else's interests.

In Myanmar, too, there is a Sangha Act, and the monks have lived inside one of the world's most brutal regimes for decades; obviously there have been political ramifications that the monks have to deal with, one way or another.

Just recently, three Myanmar monks received World Harmony Awards from the Parliament of the World's Religions for standing against the persecution of the Rohingya. One

of the monks, Rev Seindita, said that if anyone wants to hurt the Rohingya, "they will have to kill me first". In Sri Lanka some monks formed their own party and won seats in parliament. In Vietnam similar things have happened. In Tibet, of course, the Sangha was the government. So whatever country you are in, you'll find monastics involved in politics.

To argue that Sangha should not be involved in politics is naive: everyone is involved in politics, whether you like it or not. Staying in a forest monastery in the middle of the wilderness is an act of deep political consequences. I've lived in such places, and I have seen what monks must do to manage monasteries in such places. You have to deal with developers, loggers, tourists, visas, building, protected species, drug smugglers, weapons dealers, illegal immigrants, crime, and on and on it goes. This is just the world we live in, and the world has a political dimension.

The question is not whether you are political, but how.

In many of the examples of traditional Buddhist societies I have mentioned above, the majority situation is that the Sangha aligns itself with the nation-state. Buddhism becomes a nationalist religion, whose purpose is to ensure allegiance to the governing powers.

This is, of course, completely against the dhamma. If we look at the Buddha for guidance, we see that he never shied away from engagement with politics, but he did it in rather a different way.

In multiple places, the Buddha is approached by political figures, whether kings, ministers, or generals, and asked various questions. Sometimes these are just general questions, but sometimes they are specifically to do with matters of state. In each case the Buddha would give considered and useful advice. Indeed, even apparently innocent events can take on a political dimension; consider, for example, the time when the Buddha encouraged King Pasenadi, who was sad to hear that his new-born child was a girl, by saying that a girl could be just as good as a boy. This is highly significant, given the inevitable questions of inheritance and lineage that accompany kingship.

The Sangha should speak with an independent, critical, ethical voice. There are some things that governments do that are good, like try to encourage harmony between religions, and we should support them. There are other things that governments do that are bad, like going to war and destroying the environment, and we should oppose them. The Sangha shouldn't go into parliament, or get into bed with a government, but they should be outspoken on important ethical issues.

It is especially crucial that the Sangha articulates a universal ethical vision, based on

the Buddha's concern for "all beings". We must transcend petty concerns of nationalism. The most important ethical challenges of our time, like climate change, are global, and there are far too few voices willing to speak for the world.

In Australia, politicians have repeatedly said they hear too little from the Buddhist community, and want us to be more outspoken. I have been involved with multiple visits to politicians, from local council members to the prime minister. With religious leaders from many backgrounds, we have spoken to our politicians about climate change, about harmony, about peace, about contentment, about compassion.

There is so much greed in this world, and so little wisdom, that we should not underestimate the impact we can have. Most politicians hear little all day but self-interested lobbying; for them even a little wisdom, a small voice backed by sincerity and spiritual depth, is memorable.

I think what Ven Bodhi and the other Buddhist leaders are doing in the US is wonderful. It makes me proud to be a Buddhist. Too often I have seen moral cowardice and apathy disguise itself as spiritual virtues. We should be outraged by many of the things happening in our world, and we should try to make a difference.

If you oppose this, think what you are doing. You are taking some of the few voices of wisdom, compassion, and moderation in this world, and denying them a place. You are silencing wisdom. By doing so, you are doing the work of Mara.

Mara would love nothing more than to have spiritual leaders stay shut up in their monasteries and meditation centres and tell people to let go of the world. Then he can get on with his work without interruption. This is precisely what he did when the Buddha became awakened: encouraged him to be totally detached from the world. The Buddha refused. Thank goodness we have his example for how to engage in such matters in a balanced, wise and useful way.

Bhikkhu Sujato is an Australian-born Buddhist monk, dhamma and meditation teacher, founder and former abbot of Santi forest monastery in Australia. He is also a scholar of early Buddhism.

NGỒI LẠI VỚI MÙA THU

*Lắng lòng nghe một chiếc lá rơi
Mùa Thu vừa đến nhẹ bên đời
Chiều phai, giọt nắng còn vương đọng
Như thắm tiếc nuôi một ngày trôi...*

*Mới vừa xuân, thoáng đã vào thu
Tháng năm chìm khuất rặng sương mù
Bốn mùa thắp thoáng qua ngày mộng
Vô thường chưa mỗi gót phiêu du...*

*- Lắng lòng nghe... tiếng của dòng sông...
Buồn, vui, thương, ghét... cuộc long đong.
Sóng tình chưa phút nao dừng lại
Viễn xứ... nào ai biết... tại lòng!*

*- Dĩ vãng trôi, tương lai cũng trôi...
Giác mơ thành hiện thực đây vui!
Hiện thực kết nên ngày lịch sử
Rời Lịch sử tìm... mây trắng trôi...*

*Lắng lòng nghe hơi thở mùa thu
Ngừng theo tiếng gọi của tâm tư.
Hồ thu viên sỏi vừa rơi nhẹ
Đã thấy nghìn trùng xa cõi Như...*

*Khép làn mi, khép cửa thời gian...
Nghiêng bên dòng nước gập dung nhan...
- Ngày mai có thể không hề đến
Chiếc lá vừa rơi... Mộng đã tàn!!...*

thơ

NHƯ NHIÊN
THÍCH TÁNH TUỆ

TIN PHẬT, TIN PHÁP, TIN TẮNG

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Chúng ta đang sống trong thời cách mạng thông tin. Nơi đó, lợi và hại cùng đi bên nhau, thiện và ác cùng sinh khởi dễ dàng từ một bàn phím. Chiến trường có khi hiện ngay trên màn hình vi tính, đao kiếm là những ngón tay quẹt trên điện thoại. Những lời bình ngạn và ác ý trên mạng xã hội cũng có sức mạnh đẩy một số ca sĩ nổi tiếng vào trầm cảm, có khi tới mức tự sát. Những hình ảnh sửa đổi, giả mạo, gán ghép khi phóng lên mạng đã trở thành vũ khí bồi nhọ mới. Những lời quy chụp vô căn cứ đưa lên YouTube lại được nhiều người tin tưởng và hùa theo chửi mắng. Không chỉ là quân đội nước này với nước kia, chính người đời thường với kỹ năng công nghệ cũng có thể gài bẫy nhau, hại nhau cả trăm đường. Chỉ một vài bản tin nhỏ, có khi được viết một chiều và không nói hết sự thực, ngay hôm sau đã trở thành những cú xì căng đan chấn động xã hội. Nạn nhân có thể là cả một dân tộc, như khi bản đồ Biển Đông bị vẽ lại và phổ biến khắp thế giới mạng. Nạn nhân cũng có khi là nữ ca sĩ Nhật Bản hay Đài Loan, có khi là chư tăng Việt Nam hay Nam Hàn, và rất nhiều trường hợp tương tự.

Trong một thế giới khắp trời là mưa bom, mưa đạn, mưa bàn phím... như thế, nhiều người trong chúng ta thấy bất an. Nhưng hãy tin rằng có chuyện gì trên đời này mà lìa nhân quả được đâu. Ngay cả khi cho rằng người này, người kia lăng lờ giảng câu, sao không tự trách mình động tâm mới dính bẫy. Trong khi đó, một số Phật tử than thở rằng thời này là Mạt pháp, vì cách Phật đã xa, muốn sống như thời Tượng pháp cũng tìm không ra, huống gì là nghĩ tới thời Chánh pháp, thời của cơ duyên thân cận Đức Phật. Một số Phật tử kém kỹ năng gạn lọc sự thực, lại tin vào các tà sư đang thuyết tà giáo trên YouTube, và TV. Nhiều Phật tử không bận tâm gì tới pháp nghĩa, trong khi bị "hút hồn" vì các phương tiện phim ảnh đang làm cho hình ảnh các Thầy đẹp hơn, làm cho giọng nói các Thầy truyền cảm hơn, làm cho các bản nhạc Thiền ca dễ làm say đắm lòng người hơn. Một số Phật tử

đọc các bản tin đời thường của một vài trường hợp, lại sinh ra ngờ vực và mất dần lòng tin vào Tăng bảo. Trong khi đó, một số Phật tử khác tự cho mình có vai trò hộ pháp, lên mạng nâng lời bất kính, nhưng than ôi, không thấy nổi luật nhân quả tỏ tường – một khi đã gõ chữ, phóng đao kiếm chữ nghĩa lên Internet, vĩnh viễn sẽ không thu hồi lại được.

Hãy giữ lòng kiên cố thanh tịnh, tin vào Phật, tin vào Pháp, tin vào Tăng. Hãy thấy rằng ngay trong khoảnh khắc này, khi chúng ta tỉnh thức, quan sát và nhìn thấy tâm mình không tham sân si, đó chính là đang Thấy Phật, là đang sống đời thường với Chánh Pháp; ngay trong lúc này, nếu sinh tâm lười biếng là rơi vào thời Tượng pháp, và khi động tâm say đắm trần cảnh là đã rơi vào thời Mạt pháp. Hãy thấy rằng ngay khoảnh khắc này, nhìn thấy tâm mình vốn rỗng rang, thấy thực tướng vô tướng, thấy gương tâm trong trẻo và bất động cho dù trước mắt và bên tai hiển lộ các cảnh sinh rồi diệt; hãy tin đó chính là Chánh Pháp vượt thời gian, chứng nghiệm được, và Thấy Pháp chính là Thấy Phật. Hãy tin vào Tăng, đó là đoàn thể các bậc Thánh và những người đang học Thánh đạo; và Tăng Bảo cũng chính đang hiển lộ trong tâm mình, khi tự nhìn vào tâm và thấy các niệm chúng sinh đang tịch diệt vào Niết Bàn Diệu Tâm. Như thế, chúng ta chưa từng xa Phật một khoảnh khắc nào. Không nhất thiết phải ngồi Thiền mới thấy Pháp, không nhất thiết phải nhập thất một tuần hay một tháng. Đức Phật dạy rằng Pháp hiển lộ ngay ở đây và bây giờ, dạy rằng Niết Bàn hiển lộ là ngay khi tâm không tham sân si.

Nói như thế để cảnh giác Phật tử rằng chớ sanh tâm xem thường Tứ chúng đang học đạo, và chớ bao giờ mất lòng tin vào Tam Bảo. Xin nhớ rằng ngay cả bậc Thánh Dự Lưu, cũng có khi phạm giới.

Trong Tương Ưng Bộ, Kinh SN 55.24, có một người dòng họ Thích, với tên là Sarakani. Vị này là một nam cư sĩ, được Đức Phật tuyên

bổ rằng đã chứng quả Thánh Dự Lưu, với lòng tin kiên cố vào Phật Pháp Tăng, tuy là chưa được trí tuệ, chưa được giải thoát. Vị này từng có lúc phạm giới, và từng có lúc uống rượu. Khi cư sĩ Thích Sarakani từ trần, nhiều người thắc mắc vì sao Đức Phật nói rằng cư sĩ này sẽ không thối đạo. Đặc biệt, Đức Phật khi giải thích, nói theo hình thức nhấn mạnh với hình ảnh nếu cây rừng biết phân biệt thiện thuyết với ác thuyết.

Kinh SN 55.24 viết, trích bản dịch của Thầy Thích Minh Châu:

"Lúc bấy giờ, họ Thích Sarakani mệnh chung và được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chứng quả giác ngộ. Tại đây, một số đông họ Thích tụ họp lại với nhau, chỉ trích, phê bình, bàn tán: "Thật là lạ lùng! Thật là hy hữu! Ngày nay ai cũng có thể thành bậc Dự lưu, vì rằng họ Thích Sarakani đã mệnh chung, được Thế Tôn tuyên bố là bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Họ Thích Sarakani đã phạm giới và uống rượu".

...[Đức Phật giải thích với ngài Mahānāma như sau]:

...Này Mahānāma, họ Thích Sarakani đã lâu ngày quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm sao có thể đi đến đạo xứ? ...Ở đây, này Mahānāma, có người thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật ... đối với Pháp ... đối với chúng Tăng, không có trí tuệ hoan hỷ, không có trí tuệ tốc hành, không thành tựu giải thoát. Vị ấy sau khi đoạn diệt ba kiết sử, là bậc Dự lưu không còn bị thối đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ. Người này, này Mahānāma, được giải thoát khỏi địa ngục, được giải thoát khỏi loài bàng sanh, được giải thoát khỏi nợ quỳ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đạo xứ...

...Nếu những cây ta-la lớn này, này Mahānāma, biết những gì là thiện thuyết, ác thuyết, thời Ta cũng sẽ tuyên bố những cây ấy là những bậc Dự lưu, không còn bị thối đạo, quyết chắc chứng quả giác ngộ, huống nữa là họ Thích Sarakani." (1)

Để thấy được tầm quan trọng của lòng tin kiên cố, nơi đây chúng ta trích Tăng Chi Bộ, Kinh (120) Thấy Được Bất Tử. Kinh này ký số là AN 6.120-139, bản dịch của HT Thích Minh Châu, cho biết nhiều cư sĩ nhờ lòng tin tịnh tín mà chứng ngộ được bất tử. Trích:

"—Thành tựu sáu pháp, này các Tỷ-kheo, gia chủ Bhallika... gia chủ Sudatta

Anāthapindika... gia chủ Citta Macchikāsandika... Hatthaka Alavaka... Mahānāma Sakka... gia chủ Ugga người Vesālī... gia chủ Uggata... Sūra Ambattha... Jivaka Komārabhacca... gia chủ Nakulapitā... gia chủ Tavakannika...gia chủ Pūrana... gia chủ Isidatta... gia chủ Sandhāna... gia chủ Vijaya... gia chủ Vajjīyamahito... gia chủ Mendaka... cư sĩ Vāsettha... cư sĩ Arittha... cư sĩ Sāragga đi đến cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử. Thế nào là sáu?

Với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, với lòng tịnh tín bất động đối với Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát.

Thành tựu sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, cư sĩ Sāragga đi đến cứu cánh nơi Như Lai, sống thấy được bất tử, chứng ngộ được bất tử." (2)

Nghĩa là, tịnh tín bất động đối với Phật, Pháp, Tăng, với Thánh giới, với Thánh trí, với Thánh giải thoát.

Bản Anh dịch của Bhikkhu Sujato là: "Experiential confidence in the Buddha, the teaching, and the Sangha, and noble ethics, knowledge, and freedom."

Tin vào Thánh giới là tin rằng giới luật nhà Phật sẽ dẫn vào Thánh đạo. Tin vào Thánh trí là tin rằng kiến thức chúng ta học và thọ nhận được sẽ giúp vượt qua bể khổ. Tin vào Thánh giải thoát là tin rằng có một Niết Bàn cho các vị Thánh đã xa lìa tham sân si.

Như thế chỉ mới với lòng tịnh tín kiên cố cũng đã có vô lượng công đức, cũng đã vượt qua biết là bao nhiêu chặng đường gian nan.

Với lòng tin kiên cố như thế, chúng ta sẽ giữ giới hạnh nghiêm trang hơn, tự gìn giữ kỹ hơn cho mình cả trong đời và trên mạng, và ngay cả khi thấy có ai bị xem là phạm giới cũng không dám vội phán đoán. Hãy nhớ rằng một khi bàn phím đã phóng binh khí lên Internet, là vĩnh viễn không thu hồi lại được.

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 55.24: <https://suttacentral.net/sn55.24/vi/minhchau>

(2) Kinh AN 6.120-139: <https://suttacentral.net/an6.120-139/vi/minhchau>

ĐỪNG CHẤP CÁI TÔI THÁI QUÁ!

Thích Hạnh Tuệ

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Những khổ đau bất an trong cuộc đời mỗi người đa phần xuất phát từ chấp thủ cái tôi, cái của tôi, và không hiểu biết một cách rõ ràng như thật về chúng gây ra. Chúng ta hãy tự tỉnh giác quan sát một cách sâu sắc chính bản thân mình xem có đúng như vậy không?

Cái tôi gây ra phiền não khổ đau trong đời sống hàng ngày mà ai cũng dễ dàng thấy được như:

Mình muốn mọi người xung quanh làm theo ý mình, muốn người khác nghe lời của mình, nếu nghịch ý là mình bực bội sân hận.

Mình tự xem mình là trung tâm, là quan trọng, ai cũng phải kính trọng, khen tặng, chú ý đến mình, xem trọng mình, đến đâu mình cũng phải được chào đón vồn vã. Mình sẽ khó chịu nếu bị những người khác lơ là hoặc xem thường.

Trong giao tiếp xã hội, công việc, bạn bè, gia đình, lúc nào mình cũng muốn nâng cao cái tôi của mình lên.

Nếu ai đụng chạm vào cái tôi của mình, thì mình sẽ ăn thua đến nơi đến chốn.

Đến xây mồ mà cho ông bà, mình cũng phô cái tôi của mình ra, phải xây cao hơn, to hơn hoành tráng hơn những mồ mà bên cạnh. Nghĩ lại, thật là đáng thương cho cái tôi vô minh.

Thậm chí có người còn nghĩ theo hướng phải nâng niu, tô bồi đánh bóng cái tôi của mình, thì mới được mọi người kính trọng, nể vì; nếu không sẽ bị khinh thường.

Xu hướng sống thích phô trương hình thức bề ngoài cho hoành tráng nhưng thực chất thì chỉ là thùng rỗng kêu to, phổ biến trong đời sống hiện đại ngày nay, nhất là trong giới trẻ cũng do không hiểu biết như thật về cái tôi mà phát sinh thành trào lưu, gây ra không biết bao nhiêu tai hại cho bản thân và xã hội.

Biểu hiện dính mắc thái quá vào cái của

tôi trong đời sống thì càng dễ thấy: Thân thể của tôi, sắc đẹp của tôi, chức vụ của tôi, người thân của tôi, tài sản - tiền bạc - nhà cửa của tôi, ý kiến của tôi, cấp dưới của tôi, cấp trên của tôi, tương lai của tôi...

Gốc rễ của sự phô trương đánh bóng cái tôi, sự dính mắc chấp thủ cái của tôi, nói theo thuật ngữ Phật học là sự chấp ngã và ngã sở phát sinh từ sự không hiểu biết như thật về bản chất của cái tôi, cái của tôi và tác hại của sự cố chấp dính mắc thái quá gây ra cho mình và người.

Đức Phật luôn dặn dò các đệ tử: Chấp ngã và ngã sở là một trong những nguồn gốc căn bản của mọi sự luân hồi, khổ đau, buồn phiền, sầu não. Người tu tập vượt qua ngã chấp là thành bậc Thánh La-hán vượt qua biển khổ luân hồi sinh tử.

Trong đời sống bình thường, nếu nói hoàn toàn không chấp vào cái tôi và cái của tôi thì quá khó, hiếm người làm được. Nhưng ta nên hiểu một cách rõ ràng mình bạch rằng, càng chấp cái tôi và cái của tôi thì càng khổ, bớt chấp được chừng nào thì bớt khổ chừng ấy. Trước tiên, ta phải có tâm thế này, rồi ta học theo lời Phật dạy, thực hành tu tập pháp quán vô ngã để ta bớt chấp dần dần tiến tới không còn chấp nữa.

Khởi đầu *Bát-nhã tâm kinh*: Bồ-tát Quán Tự Tại đi sâu vào tuệ giác như thật, thấy rõ năm uẩn không thật có nên vượt ra ngoài mọi mọi sự đau khổ.

Tinh yếu cốt tủy của bản kinh nằm ở mấy dòng này.

Năm uẩn ở đây gồm: sắc (thân thể), thọ (cảm giác), tưởng (tri giác), hành (tâm tư), thức (nhận thức). Muốn bớt chấp ngã, dần đến không còn chấp ngã thì phải quán chiếu thật rõ ngã vốn không thật có, chỉ là tổ hợp của năm yếu tố vốn giả hợp tạo thành.

Chúng ta có thể tập quán chiếu như lời Đức Phật dạy trong kinh *Vô ngã*:



- Hãy quán chiếu thật rõ ràng rằng bản chất của thân thể này vốn vô ngã, vốn không thật có. Nếu thân là ngã thì trên đời này không có tình trạng thân bị bệnh tật và ta có được một thân thể khỏe mạnh như ta mong muốn: Thân thể của tôi phải như thế này, hoặc thân thể này phải như thế kia... Nhưng trên thực tế, không phải như vậy. Chúng ta phải thấy rõ rằng vì thân thể vốn không thật có, không có tự ngã nên thân sẽ có bệnh, sẽ biến hoại, sẽ già nua, sẽ chết chóc; những gì ta mong muốn về thân thể này không thể được như ý ta muốn.

- Hãy quán chiếu như thật rằng bản chất của cảm giác con người vốn là vô ngã, vốn không thật có. Nếu các cảm giác đều có tự ngã thì trên đời này không có tình trạng cảm giác bị khổ và ta có được các cảm giác tốt đẹp như ta mong muốn: Cảm giác của tôi phải như thế này, hoặc cảm giác này phải như thế kia... Nhưng trên thực tế, không phải như vậy. Chúng ta phải thấy rõ rằng, cảm giác này vốn không có tự ngã, không thật có nên dòng cảm giác bị khổ chi phối; những gì ta mong muốn về cảm giác này không thể được như ý ta muốn.

- Hãy quán chiếu như thật rằng bản chất của tri giác con người vốn là vô ngã, vốn không thật có. Nếu các tri giác đều có tự ngã thì trên đời này không có tình trạng tri giác bị khổ và ta có được một tri giác tốt đẹp ta mong muốn: Tri giác của tôi phải như thế này, hoặc tri giác này phải như thế kia... Nhưng trên thực tế, không phải như vậy. Chúng ta phải thấy rõ rằng tri giác này vốn không có tự ngã, không thật có nên những tri giác bị khổ chi phối; những gì ta mong muốn về những tri giác không thể được như ý ta muốn.

- Hãy quán chiếu như thật rằng bản chất của tâm tư con người vốn là vô ngã, vốn không thật có. Nếu các tâm tư đều có tự ngã thì trên đời này không có tình trạng tâm tư bị khổ và ta có được một tâm tư tốt đẹp như ta mong muốn: Tâm tư của tôi phải như thế này, hoặc tâm tư này phải như thế kia... Nhưng trên thực tế, không phải như vậy. Chúng ta phải thấy rõ rằng tâm tư này vốn không có tự ngã, không thật có, nên những tâm tư bị khổ chi phối; những gì ta mong muốn về những tâm tư không thể được như ý ta muốn.

- Hãy quán chiếu như thật rằng bản chất của nhận thức con người vốn là vô ngã, vốn không thật có. Nếu các nhận thức đều có tự ngã thì trên đời này không có tình trạng nhận thức bị khổ và ta có được một nhận thức tốt đẹp như ta mong muốn: Nhận thức của tôi phải như thế này, hoặc nhận thức này phải như thế kia... Nhưng trên thực tế, không phải như vậy. Chúng ta phải thấy rõ rằng nhận thức này vốn không có tự ngã, không thật có, nên những nhận thức bị khổ chi phối; những gì ta mong muốn về

những nhận thức không thể được như ý ta muốn.

Chúng ta quan sát một cách tinh táo và sâu sắc sẽ thấy rõ, thân thể của ta vốn vô thường, mang đến khổ đau, chịu sự biến hoại như một quy luật. Để vượt qua những nỗi khổ do thân thể vô thường, ta hãy thường tự nói với mình rằng: Thân thể này không phải là tôi, không phải của tôi, cũng không phải là tự ngã của tôi. Và ta tiếp tục quan sát sâu sắc để thấy rõ cảm giác vô thường, tri giác vô thường, tâm tư vô thường, nhận thức vô thường mang đến khổ đau, chịu sự biến hoại như một quy luật. Để vượt qua khổ não do sự vô thường của mọi cảm giác, tri giác, tâm tư, và các nhận thức, ta hãy thường tự nói với mình rằng: Tất cả thứ này không phải là tôi, không phải của tôi, cũng không phải là tự ngã của tôi.

Ngoài ra, trong cuộc sống thường nhật, chúng ta hãy tập thêm:

Bỏ ngay cái kiểu sống sĩ diện hão, thể diện hão, đẳng cấp hão, vì đó là đổi trả. Mình có thể thể hiện cái tôi đúng với thực chất, đúng với hoàn cảnh thực tế. Miễn cưỡng đời thường mà nói, nhu cầu cái tôi và cái của tôi được tôn trọng đúng mức là nhu cầu tương đối có thể chấp nhận nhưng phải đúng với thực chất.

Hơn nữa là dù người khác có đụng chạm vào cái tôi và cái của tôi, nếu không quá đáng, thì mình độ lượng khoan dung bỏ qua, dù được kính trọng hay xem thường mình cũng hoan hỷ không chấp. Tức là mình sẽ bớt bức mình khổ não.

Dù mình thật sự có đạo đức, tài trí hơn người thì mình cũng phải tỉnh giác tập bỏ tính tự phụ, kiêu căng, cao ngạo mà đối xử bình đẳng với mọi người.

Dù ở trong hoàn cảnh nào, vị trí nào, môi trường nào nếu sống với cái tôi và cái của tôi càng lớn thì càng khổ não, càng trở ngại; sống với cái tôi càng nhỏ, càng khiêm tốn thì càng vui vẻ, càng hạnh phúc thuận lợi.

Hàng ngày tu tập đức khiêm hạ, tiêu mòn bớt ngã chấp thì sẽ đến gần với đạo hơn, gần bờ giải thoát hơn, cuộc sống sẽ an vui hạnh phúc hơn.

Là đệ tử Phật, chúng ta thường xuyên tỉnh giác thực tập không dính mắc vào thân thể, không dính mắc vào cảm giác, không dính mắc vào tri giác, không dính mắc vào tâm tư, không dính mắc vào nhận thức. Chính nhờ không bị dính mắc, không bị trói buộc bởi năm uẩn, chúng ta dần dần sẽ đạt được trạng thái an vui, hạnh phúc và giải thoát từng phần tiến đến giải thoát hoàn toàn.

Thật là:

*Thấu lẽ không chấp ngã
Khổ não bám vào đầu
Bằng ngã chấp tan dần
Ưu phiền theo gió bay.*

EM QUA PHỐ THỊ BÂY GIỜ

em đi qua phố hiện tiền
tình ca gá nghĩa gọi tên nước nhà
em về qua phố phồn hoa
thù kia oán nợ la đà rụng rơi
em ngang qua phố tanh hôi
vàng trắng tân cựu giao bôi kiếp người
em băng qua phố bốc mùi
cán cân lịch sử tiến lùi đa đoan
em đi qua phố hư không
Phật cùng Chúa mãi chơi rong chưa về
em về qua phố phân chia
bàn cờ thế sự chia lìa oan khiên
em qua phố đồ ba miền
màu vàng vương giả gọi tên là NGƯỜI
em đi, đi mãi nửa đời
ngó quanh trời đất bụi ngùi hát ca
bài kinh lịch đảo quê nhà
còn nghe vọng giữa sơn hà mông mông...

ĐƯ ẰNG LƯU TỒN

phố cũ lâu xưa vắng một người
bồn hoa chậu kiếng vẫn song đôi
em chừ đâu nhỉ người tình cũ
giác mộng phù trầm hắt bóng tôi.



HỮU VÔ MẶT TẬN CA

mai kia có những con đường
mở ra vô tận mà dường như vô
khép vào vô trụ nhà mồ
sinh linh hữu hạn lô xô vô cùng
liên tồn sử lịch nghiệp chung
hiện thân bào ảnh mông lung cửa thiên
mai kia có những sư điên
vỗ bầu hát ngọng giọng rên vô thường
trang kinh lật ngã bốn phương
tứ thời bát tiết một muôn hữu tình
chàng ngời niệm chú mặt kinh
cổ lai quý sứ hạ mình xuống chơi
mai kia pháp chạy trong đời
lời vàng lòng lộng đất trời bó chân
thông tay xuống phố trần ngàn
hóa thân nhập hội nâu sồng tụng ca
giang sơn giả nghĩa thái hòa
thịnh suy ân dụ vì ba khó lường
vì mô vĩ mộ siêu thường
long rong rồi cũng cúng dường yêu ma
mai kia sư cỡi trắng tà
lời kinh tiếng kệ hăng hà bôi đen
hư sinh bùa chú hiện tiền
bôn lưu một chỗ cuồng điên siêu hình
từ trong tử nầy ra sinh
bập bùng con sóng vô minh gả đời
gả tôi hóa lại gả người
một thân gạ gám gả lời hữu vô
mai kia tận thế nhà mồ
còn tôi ở lại bốn mùa vô tri...

(2011)

thơ

PHÙ DU

LÀM SAO GIỮ NƯỚC

Huỳnh Kim Quang

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong bài viết có tựa đề "Advice for Our Vietnamese Friends on China" [Lời Khuyên Những Người Bạn Việt Nam Của Chúng Tôi Về Trung Quốc] đăng trên tạp chí American Thinker hôm 27 tháng 9 năm 2019, nhà bình luận chiến lược David Archibald đã đưa ra lời báo động rằng Trung Quốc đang chuẩn bị tấn công Việt Nam. Trong bài viết này, Archibald cũng đã nhắc đến nhiều cuộc chiến tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam trước các cuộc xâm lăng của Trung Quốc từ đầu kỷ nguyên Tây Lịch.

Họa xâm lăng từ phương Bắc là nan đề lớn nhất của dân tộc Việt Nam từ xưa tới nay. Thời nào cũng có, chỉ là mỗi thời đại cường độ và sắc thái của những cuộc xâm lăng từ phương Bắc cũng khác nhau. Cùng với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, chiến tranh ngày nay càng tinh vi và khốc liệt hơn các thời kỳ trước đây. Với phi đạn đủ tầm đủ cỡ, với pháo đài bay và chiến đấu cơ siêu thanh, với tàu ngầm và hàng không mẫu hạm, với thủy lôi và phi cơ không người lái, cuộc chiến bây giờ có mức sát thương và tàn phá kinh hoàng.

Tất nhiên, tất cả những loại vũ khí dù có hiện đại và khủng khiếp đến đâu thì cũng không thể đe dọa và dập tắt lòng yêu nước của người dân Việt có thể xả thân để bảo vệ giang sơn gấm vóc mà nhiều đời tổ tiên ông bà đã hy sinh xương máu để gây dựng và giữ gìn. Như di huấn của Vua Trần Nhân Tông đã minh thị:

*"Một tấc đất của Tiên nhân để lại,
cũng không được để lọt vào tay kẻ khác."*

Hay như lời của Vua Lê Thánh Tông đã nói với các quan trông coi biên giới phía Bắc năm 1473 đã được ghi trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư rằng, *"Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nên vứt bỏ? Người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước núi, một tấc đất của Thái tổ làm mỗi cho giặc, thì tội phải tru di!"*

Nhưng làm sao để giữ nước khi phải đương đầu với một Trung Quốc có nền kinh tế và quân sự lớn mạnh đứng hàng thứ hai trên thế giới chỉ sau đại cường Hoa Kỳ?

Nói về mặt kinh tế và quân sự, Việt Nam không phải là địch thủ ngang tầm với Trung Quốc. Nhưng ngoài yếu tố kinh tế vững mạnh, khả năng quân sự tương xứng và trình độ chiến lược chiến thuật kỹ thuật cao để chiến thắng trong một cuộc chiến vệ quốc còn có yếu tố then chốt khác mà tiền nhân chúng ta đã vận dụng là lòng dân và nội lực dân tộc.

Khi Vua Lê Đại Hành (941-1005) hỏi về vận nước dài ngắn ra sao Thiền Sư Pháp Thuận (914-990) trả lời rằng:

*"Quốc tộ như đằng lạc
Nam Thiên lý thái bình
Vô vi cư điện các
Xử xử tức đao binh."*

(Vận nước như mây quấn
Trời Nam mở thái bình
Vô vi ở cung điện
Khấp nơi hết chiến tranh.)

"Vận nước như mây quấn" là nguyên lý thứ nhất mà Thiền Sư Pháp Thuận đưa ra là chỉ cho sự bền vững và thái bình của đất nước tùy thuộc vào sức mạnh đoàn kết và thống nhất của lòng dân trên dưới. Muốn cho toàn dân trên dưới một lòng thì giới lãnh đạo đất nước phải thi hành quốc sách theo nguyện vọng của dân, phải lấy dân làm gốc, phải biết tôn trọng và bảo vệ quyền sống và quyền làm người của toàn dân, phải đặt quyền lợi quốc





gia dân tộc lên trên quyền lợi của đảng phái, chủ nghĩa, ý thức hệ chính trị.

Áp dụng nguyên lý này của Thiền Sư Pháp Thuận, khi nước ta (Đại Việt) đương đầu với cuộc xâm lăng lần thứ 2 của quân Nguyên Mông vào năm 1284, Thái Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và Vua Trần Nhân Tông đã triệu tập một Hội Nghị Diên Hồng chưa từng có trong lịch sử nước nhà để lắng nghe ý kiến của các vị bô lão khắp nước về việc chống quân Nguyên Mông. Nhờ trên dưới toàn dân đã một lòng nên dù tương quan lực lượng của Đại Việt yếu kém so với đại quân Nguyên Mông vẫn có thể giành chiến thắng vẻ vang đuổi quân thù ra khỏi bờ cõi.

Lòng dân thống nhất như vậy là nhờ giới lãnh đạo đất nước biết thực hiện nguyên lý thứ hai của Thiền Sư Pháp Thuận: "Vô vi cư điện các." Giải thích về nguyên lý "vô vi" này, sử gia Lê Mạnh Thát đã viết như sau trong "Bài Thơ Vận Nước và Tư Tưởng Chính Trị Của Thiền Sư Pháp Thuận:

"Vây rõ ràng, khi nói đến vô vi trên điện các, Thiền sư Pháp Thuận đã muốn đề xuất một mẫu người lý tưởng cho vua Lê Đại Hành trong việc trị vì đất nước, một mẫu người có trí, có đức. Người lãnh đạo phải sở hữu những phẩm chất tài và đức này thì đất nước mới thái bình thịnh trị, nơi nơi mới chấm dứt chiến tranh. Khi một đất nước đã thế, tất nhiên vận nước sẽ dài lâu, và vận mạng của triều đại cũng nhờ thế mà tồn tại với đất nước."

Giải thích thêm về nguyên lý cốt lõi của việc trị nước này, sử gia Lê Mạnh Thát đã viết:

"Đúng thế, không có đất nước nào có thể tồn tại khi lòng dân ly tán và những người lãnh đạo lại thiếu tài, thiếu đức. Hai tính chất này đối với sự tồn tại của một đất nước, một triều đại, không bao giờ mất tính thời sự của nó. Trong lịch sử dân tộc, gặp những khi một sự việc như thế xảy ra, không biết bao nhiêu

xương máu đã đổ ra để tìm cho được manh mối, nguyên do vì sao đất nước bị ngựa nghiêng, dân tình bị khổ. Lời cảnh báo của Thiền sư Pháp Thuận về độ dài ngắn của vận nước, do thế, đã trở thành một lời huyền khái, một tuyên ngôn về tư tưởng dựng nước và giữ nước. Nó đã trở thành nền móng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền dân tộc."

Nói về tài đức của nhà lãnh đạo quốc gia, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có ghi lại câu chuyện về lòng từ bi rộng lớn của Vua Lý Thánh Tông như sau:

"Mùa đông năm 1055, Thánh Tông từng nói với các quan hầu cận: "Ta ở trong cung sâu, sưởi là than, mặc áo hồ cừu mà còn lạnh như thế này, huống chi những kẻ ở trong tù, khổ khổ vì trói buộc, phải trái chưa phân minh mà quần áo không đủ, thân thể không có gì che, nên mỗi khi bị cơn gió lạnh khắc nghiệt thì há không chết được người vô tội hay sao! Ta vô cùng thương xót". Tiếp đó, ông sai quan Hữu ty cấp mền, chiếu trong kho cho tù nhân và yêu cầu cung cấp cho người tù hai bữa ăn đầy đủ mỗi ngày. Cùng năm đó, Thánh Tông truyền lệnh giảm một nửa tô thuế cho dân cả nước."

Nhà lãnh đạo quốc gia không thể chỉ biết nghĩ đến quyền lợi riêng tư của cá nhân, gia đình và đảng phái của mình mà bỏ mặc dân đen. Thậm chí còn lợi dụng chức quyền để hà hiếp, bóc lột, áp bức, bòn rút, tham nhũng của dân và của quốc khổ để vinh thân phì da bất kể đến dân lành lầm than, đói rách và đau khổ. Một nhà nước như thế không thể nào thống nhất được lòng dân để tạo sức mạnh nội lực dân tộc chống lại những cuộc xâm lăng của ngoại bang.

Chưa hết, nội lực của dân tộc còn phải được xây dựng trên một nền văn hiến rực sáng mà biểu tượng rõ nét nhất là chất lượng của nền văn hóa thăng hoa.

Nền văn hóa của một dân tộc bao gồm tất cả những sinh hoạt đa dạng và phong phú của người dân về triết lý, tư tưởng, tôn giáo, đạo đức, giáo dục, văn chương, nghệ thuật, luật pháp, ẩm thực, y phục, v.v... được biểu hiện qua tư duy, ngôn ngữ và hành động thường nhật của từng cá nhân và cộng đồng xã hội.

Khi một đất nước với đầy dẫy những hành vi áp bức, bóc lột, tham nhũng, lạm quyền, mua quan bán chức từ chốn công đường đến học đường, trộm cắp khắp nơi, bạo hành nhân nhân từ gia đình đến xã hội, tàn phá môi trường để làm ăn buôn bán, lãnh đạm thờ ơ với những bất công của xã hội, bóp nghẹt tiếng nói của người khác, sử dụng lời lẽ thô tục nơi công cộng là một đất nước đã phá sản nền văn hóa thăng hoa sẽ di hại nhiều thế hệ nếu không kịp thời điều chỉnh, sửa đổi. Một nền văn hóa như thế không thể nào có đủ yếu tố hữu hiệu để xây dựng nội lực cho dân tộc hầu tạo sức mạnh cho cuộc chiến tranh vệ quốc.

Và như một hệ lụy không thể tránh khỏi, một đất nước như vậy sẽ rất dễ bị ngoại bang thao túng, lũng đoạn và đánh bại trên cuộc chiến đa diện và phức tạp trong thời đại chiến tranh toàn diện ngày nay.

Cuộc chiến văn hóa này là cuộc chiến mà hiền thần Nguyễn Trãi đã nêu ra trong Bình Ngô Đại Cáo:

*"Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn,
Dĩ chí nhân nhi địch cường bạo."
Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,
Lấy chí nhân để thay cường bạo.
(Ngô Tất Tố dịch)*

Dùng 'đại nghĩa' đối với 'hung tàn' để chỉ cho tâm thức thấu tình đạt lý và đầy khoan dung độ lượng của dân tộc Việt Nam không như tâm thức và hành động hung tàn bạo ngược của quân Minh xâm lược. Dùng 'chí nhân' để nói đến cái lòng nhân cao cả của người Việt không như hành động 'cường bạo' thô bỉ và thấp hèn của giặc Minh.

Đại nghĩa và chí nhân là những đặc tính của một nền văn hóa thăng hoa cao độ. Một dân tộc có nền văn hóa thăng hoa cao độ như thế thì dù giặc ngoại xâm có hung tàn bạo ngược đến mức nào cũng bị đánh bại.

Tổ tiên chúng ta đã biết xây dựng nội lực dân tộc hùng tráng như thế đó để giữ gìn đất nước.

Còn thế hệ con cháu hôm nay đã làm được gì cho nội lực dân tộc vững mạnh để chống ngoại xâm?



MẸ VIỆT NAM TÔI MÃI VẪN CÒN ĐÂY

*Bọn bá quyền chẳng bao giờ ngừng nghỉ
Giây từng giây muốn chiếm nước non ta
Dân Việt thề quyết chiến không hề tha
Vì xương máu của Tổ Tiên bồi đắp.*

*Kẻ hung tàn đừng mong ngày khóa lấp
Trời Biên Đông lãnh hải côi vô bờ
Đất nước ta chẳng có thể thờ ơ
Ngàn trang sử đã nói lên điều đó.*

*Bao thế hệ cùng vững tâm gắn bó
Mẹ Việt Nam tôi mãi vẫn còn đây
Tay trong tay luôn gìn giữ đắp xây
Quyết không để giặc Tàu vào xâm chiếm.*

thơ **TÁNH THIỆN**
Dallas Texas, 4-10-2019

TÍN TÂM

Tùng Sơn Nguyễn Quang Dục

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Sống vào thời đại toàn cầu hóa với nền văn minh điện tử, chỉ cần gõ mật mã vào máy điện toán, hay điện thoại cầm tay và trong giây phút mọi người có thể liên lạc, thông tin hình ảnh tiếng nói cho nhau, cho dù ở bất cứ địa điểm nào trên hành tinh trái đất hoặc ngoài không gian. Đây là phát minh kỳ diệu, đóng góp của khoa học vào đời sống nhân loại. Nhưng ở mặt khác, vì tính chất nhanh chóng, dễ dàng không cần kiểm chứng đã tạo ra tình trạng có quá nhiều thông tin đến mức có thể nói ngập lụt trong biển tin tức khiến cho có người bán tin bán nghi tự hỏi cái gì là thật và cái gì là giả. Cái gì là chân lý là niềm tin cần phải theo đuổi, gìn giữ và cái gì cần phải bỏ đi.

Hơn nữa từ khi sinh ra đời cho đến khi có hiểu biết, trí khôn, con người luôn luôn tò mò tìm hiểu về sự vật xung quanh. Đồng thời cũng theo thời gian tạo dựng cho chính mỗi người một niềm tin về cái gì đó trong cuộc sống. Niềm tin này có thể phát xuất từ truyền thống gia đình, tập tục của xã hội, giáo dục học đường, kinh nghiệm sống, v.v... Khi niềm tin trở thành đức tin hay tín tâm nó trở thành sức mạnh, động lực thúc con người tiến tới, nỗ lực học hỏi, làm việc, thay đổi trở thành mẫu người nào đó hay cố gắng hoàn thành mục tiêu nào đó đã được tin rằng là đúng là phải. Tất cả những trạng thái tâm lý tích cực hay tiêu cực đều nằm trong hai chữ tín tâm. Có nghĩa hướng niềm tin vào mục đích cao thượng, phụng sự tha nhân, yêu thương, tha thứ để thăng hoa đời sống đó là tích cực, còn hướng niềm tin vào mục đích ảo tưởng, hận thù, tham

vọng quyền lực xấu chẳng hạn những thành phần tín đồ Hồi giáo cực đoan kêu gọi thánh chiến bằng cách khủng bố, giết người vô tội, đó là mặt tiêu cực của tín tâm. Niềm tin có thể thay đổi mờ nhạt đi theo thời gian, nếu nó không được thể nghiệm, thực chứng trong đời sống.

Về khía cạnh tôn giáo, tín tâm cũng có nghĩa là đức tin tức hướng niềm tin vào mục đích đi tìm chân lý, hay đối tượng như chư Phật, chư thánh thần, các đấng thiêng liêng để tỏ lòng kính trọng hay để cầu nguyện. Tín tâm cũng có thể gọi là khởi Bồ Đề Tâm, bước đầu tiên mở cánh cửa đi vào con đường đến giác ngộ, giải thoát. Dù sao tín tâm, niềm tin không đến từ bên ngoài hay ai đó ban phát cho mà phát sinh từ nội tại bên trong tâm hồn. Chẳng hạn ai đó tin rằng bản thân có thể phát huy tài năng nào đó, chính đức tin này giúp họ khai mở trí tuệ, phát huy tài năng có sẵn trong người, cũng như biết được sở trường hay sở đoản của chính mình. Theo sự nghiên cứu cho thấy những người có tín tâm đều có chung đặc tính là kiên nhẫn, kiên cường theo đuổi mục đích mà họ tin, dù rằng trên đường đi có gặp những chông gai, chướng ngại, khó khăn.

Với sức mạnh tín tâm đưa thế giới tâm linh hành giả vào cảnh giới cao hơn, không chỉ giúp hành giả vượt thắng những Ma chướng tức là tham sân si, mạn, nghi, ác kiến lúc nào cũng tiềm ẩn trong tâm thức, mà còn giúp con người thăng hoa đạt được trí tuệ sáng suốt, tâm trở lên thanh tịnh.

Nhìn vào cuộc đời Đức Phật trên con đường đi tìm chân lý trong suốt sáu năm trường tu hành đã trải qua bao nhiêu thử thách, bao nhiêu cam go, khổ hạnh vẫn không chứng ngộ. Sau quá kiệt sức nhờ ly sữa của cô thôn nữ giúp phục hồi lại sức và cuối cùng đạt đạo thành Phật chứng quả vô thượng chính đẳng chính giác sau 49 ngày liên tục ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ Đề. Đây là biểu tượng cho sức mạnh vô biên tín tâm của bậc vĩ nhân.

Về mặt từ ngữ, chữ Tín tiếng Phạn gọi là "Sradha" có nghĩa tác động tinh thần làm cho tâm trí trở lên trong sáng không còn vẩn đục, cũng có nghĩa bước đầu tiên vào đạo. Chữ Tâm tiếng Phạn gọi là "Citta" có nghĩa những đối tượng sự vật hiện hữu bên ngoài tác động lên sự suy nghĩ. Theo Duy Thức Học tâm thức ở



đây được gọi là A Lại Da Thức. Giáo lý nhà Phật giảng đức tin có khả năng trợ giúp hành giả, làm tăng trưởng, nuôi dưỡng hạt giống tốt, những đức tính tốt trong con người, vượt qua những ma chướng, nghiệp chướng trên con đường tu tập, để đạt đến vô thượng chính đẳng chính giác (1).

Hành giả tin vào luật nhân quả, quả báo, luân hồi, tin rằng mọi người là Phật sẽ thành, tin rằng mọi người có khả năng chuyển nghiệp xấu sang tốt, sẽ tránh làm điều ác, cố gắng làm điều thiện. Hơn nữa hành giả nhận thức sâu sắc tinh thần "tự giác giác tha" sự thay đổi thanh tịnh hoá tâm linh phải do chính bản thân, từng cá nhân nỗ lực tu tập thực hành chứ không ai khác có thể giúp chúng ta làm công việc này. Đó chính là tinh thần "Bạn hãy tự chính mình là ngọn đuốc, chánh pháp chính là ngọn đuốc dẫn dắt." (2)

Người có tín tâm hiểu mọi sự vật trên thế gian bao gồm người, trời đất và vũ trụ luôn luôn biến chuyển, thay đổi, do đó tâm thức không dao động trước những đổi thay, ngược lại bước vào cảnh giới an nhiên tự tại. Trong bài thơ "Vô thường" Giáo Sư Nguyễn Cao Thanh viết:

*"Đôi mắt trong xanh cũng sẽ mờ
Thời gian nhuộm tóc trắng như tơ
Người xưa đạo ấy thành cơn mộng
Cánh cũ giờ đây hóa giấc mơ"*

Với chỉ có Tín tâm bạn sẽ có được:

*"Sức mạnh vô cùng tận của lời nguyện.
Tội chướng, nghiệp chướng sẽ tiêu tan.
Đạt được trí tuệ vô biên của chư Phật.
Mọi phiền não tiêu tan, tâm trở lên thanh tịnh."*

Chúng ta thử hỏi đức tin có giúp gì cho sức khỏe hay không? Câu trả lời là có. Nhìn về mặt y học, tín tâm giúp cho con người sức mạnh tinh thần song song với đó tạo nên sức mạnh có khả năng miễn dịch đối kháng những vi trùng xâm nhập vào cơ thể. Chúng ta thử hỏi yếu tố gì để một người 80 tuổi vẫn có thể leo đến đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn cao nhất thế giới với chiều cao 8,850 mét.(3)

Theo nhiều công trình nghiên cứu y-học hiện đại, đức tin đóng vai trò quan trọng trong công việc chống lại bệnh tật, tăng cường hệ thống miễn dịch, giúp rất nhiều trong việc phục hồi sức khỏe. Bởi vì khi bệnh nhân chuyển từ

trạng thái tâm lý bi quan, chán nản sang trạng thái tích cực, tin tưởng, hy vọng, yêu đời đã đang giúp sức cho những tế bào tốt trong cơ thể thêm sức mạnh chống đỡ tiêu diệt những tế bào xấu đang hoành hành. Điều này chứng minh cho thấy sự tương quan mật thiết giữa

tâm và thân trong đời sống. Đức tin mới chỉ là bước đầu, điều kiện cần thiết để thay đổi, chuyển biến con người chưa hoàn thiện, còn thiếu sót, còn si mê thành con người hiểu thấu đáo, giác ngộ hoàn toàn, cộng thêm vào đó một yếu tố không kém phần quan trọng là sự thực hành nghiêm chỉnh điều đã tin thì mới đạt kết quả tốt đẹp.

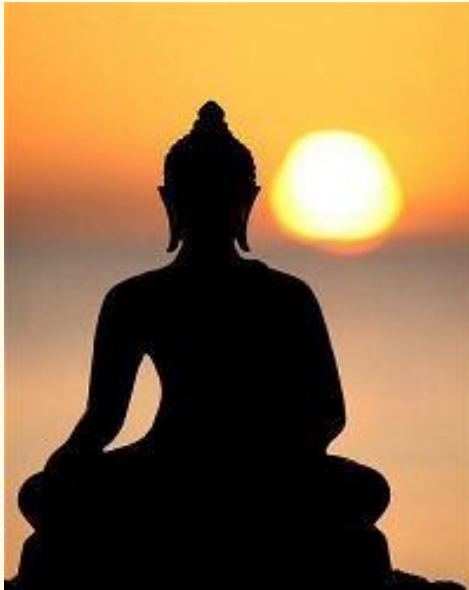
Tu tập Thái Cực Thiền Quyền Dưỡng Sinh để đạt có hiệu quả cao nhất cho tinh thần và thể chất cần phải có tín tâm hay niềm tin, và điều quan trọng phải bắt đầu thực hành ngay. Có nghĩa chúng ta phải chuyên tu tập luyện 108 thể hằng ngày, áp dụng 13 yếu quyết trong khi tập, giữ cho tâm an, không lo lắng phiền não. Bởi vì "sai lầm lớn nhất

trong cuộc đời là những điều cần phải làm ngay như tu tập căn tính thì không chịu lo, hoặc làm rất từ từ, còn những cái không nên làm hoặc không cần thiết như chạy theo nhu cầu vật chất thì vội vã hùng hục làm."(4) Hơn nữa thời gian lãng phí trôi như dòng sông không chờ đợi chúng ta cũng như cái chết đến nhanh hơn lửa và nước. Tăng trưởng tín tâm phát xuất từ thực hành thể nghiệm bản thân bước vào cảnh giới "Thân động như thủy, tâm bất động như sơn." Hơn thế nữa không chỉ trợ giúp đức tính khiêm tốn, nhẫn nại, thành thật và cung kính mà còn hỗ trợ chúng ta sống an trụ trong hiện tại, không còn phân biệt giữa ta và người, thuận với đạo lý với trời đất, vũ trụ và cũng là trở về chân ngã.

(nguồn: ngocbao.org)

Chú thích:

- (1) Tín năng trường dưỡng chư thiện căn.
Tín năng siêu xuất chúng ma lộ.
Tín năng thành tựu Bồ-đề đạo.
- (2) The Buddha, Trevor Living
- (3) Yuichiro Miura được xem như người già nhất thế giới đã leo đến đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn vào tuổi 80, ngày 23 tháng 5 năm 2013. Ông ta đã từng leo núi này vào lúc 70 và 75 tuổi.
- (4) Đồ Nhiên Thảo



TRI ÂN VÀ ĐẢNH LỄ NHỊ VỊ TÔN SƯ

Kính dâng nhị vị Tôn Túc PGVN hiện đại
Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và Thiền Sư Thích Thanh Từ



1.
Về thôi, cuộc lữ ngắn dần
Về đây hiện hữu trong ngàn hư vô

2.
Thầy ngồi một cõi Tâm An
Niềm vui hạnh phúc ngập tràn thiền môn
Bao bài pháp giảng vô ngôn

3.
Núi bạc đầu sừng sững
Lưng trời vạt nắng rơi
Nửa cầu vồng lơ lửng
Nhẹ nhàng thở ba hơi!

4.
Thầy ngồi yên
Tứ chúng đông an
Ơn Thầy bát ngát vô vàn
Khắc ghi!

5.
Từ thuở ban sơ ta đến đây
Học hiểu và thương, học mỉm cười
Chợt nghe trống vắng hồn lữ khách
Thấp thoáng cũng tròn cõi mộng du

6.
Chín mươi hơn mòn mỏi
Chờ học trò lớn khôn
Con vẫn chưa tỉnh ngộ
Đưa tay chào vô ngôn

7.
Bụi đường còn vương chưa về được
Thầy cũng lặng thinh chỉ mỉm cười
Trăm luân khó ai ai tự biết
Thầy bảo nhớ không? Mộng! Kiếp này!

8.
Hứa với lòng về thăm Thầy tổ
Mòn mỏi rong chơi khắp Đông Tây
Về chưa lữ khách hồn non dại
Quy tổ nhập môn trí tuệ đây!

9.
Gởi lại trời Tây, huyễn
Dương cầm
Tình ca thưở mộng mới
tình chung
Tìm về Đông độ, đàn Bầu cầm
Ôi cõi ban sơ, biển, núi, rừng

10.
Đi về bóng ngả chiều tà
Cỏ cây giẫm mãi nắng ngà hoàng hôn

11.
Nắng vàng phủ lối con về
Đường quê cô quạnh hẹn thề là đây
Đôi thông bát ngát bóng mây
Nội tâm bồi dưỡng ngát ngậy cõi lòng
Đôi vai nhật nguyệt sắc không
Ung dung thông thả bến không nhẹ hùi

12.
Cõi trăm luân ngắn lại
Đi và về không hai
Đến đi hằng tự tại

13.
Thầy vẫn ngồi yên lặng
Nhìn con thơ mỉm cười
Con cúi đầu đánh lễ

14.
Lòng buông
Vượt bến sông mê
Thân tâm thường định đề huề Như Lai

15.
Thầy ngồi bốn cửa bình an
Thiên hà đại định khinh an cõi trần-
Bản môn
Bất nhiễm
Sắc không
Rõ ràng thường biết tánh Không bạt ngàn!

PAYING GRATITUDE, RESPECT, AND HOMAGE TO ZEN MASTERS THICH NHAT HANH AND THICH THANH TU

1.

*Let's come back, our life is getting shorter
Coming home itself is a present in the realm of emptiness.*

2.

*The masters just sat in peace
Joy, hope, and happiness spread beyond the Zen gates
Just sitting silently, the Dharma lessons are taught
Covering discourses and countless sutras.*

3.

*White mountain-tops are a stunning beauty
In the back of the sky, the sunset ray is falling
Half of the rainbow is magnificent
Ah, just three gentle deep breaths!*

4.

*From the beginning I came here
Learn to understand and love, learn to smile
Suddenly, the soul of the traveler is empty
Looming over the course of life! And then stops
dreaming.*

5.

*Over ninety years of life
Wait for the student to grow up
Ah, who is still not awaking
In gratitude, raising a salute to the silent teaching*

6.

*Road dust is still not settled and is unable to return
The masters still sit and smile silently
The suffering and miserable, only we must know for
ourselves
The masters asked, "Tell me, is this life, a dream, or
what!?"*

7.

*Promise with all my heart to visit the ancestor land
Experiencing life in the East and in the West
Is it time to come back, the soul-searching traveler?
Your ancestor land has all the seed of wisdom and
enlightenment.*

8.

*Leaving behind the West, ah, this valued piano
A song of dreams is the common love
Coming back to the East, oh, that single-string instrument
Oh, a primitive realm, just like the seas, mountains,
and forests.*

9.

*Coming back the shadows are fading
Grasses trampled on the edge of the sunset rays*

10.

*The golden sun covered my way home
Ah, this is truly a lonely country road
The rolling pine hill is dancing with the clouds overhead
Taking a vacation for the inner mind, fostering calmness
On the shoulders, the moon and the sun, are just an
emptiness
Be freely and leisurely strolling the harbor of duality.*

11.

*This episode, a realm of life, is getting shorter
Coming and going is just the same
We should be free wherever we truly are.*

12.

*The masters still sat quietly
Look at their smiling children
Who bowed their heads in respect*

13.

*Letting go, letting go
Our attachments and thoughts also let go
The mind, body, and heart are one with the Tathagata*

14.

*They are just sitting there
Yet all is calm and at ease
The zen monasteries are purified and beautified
Knowing that everything is just fine the way it-is.*

thơ

TÂM THƯỜNG ĐỊNH



DẠY VÀ HỌC

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Theo thánh hiền ta xưa. Là người có ba điều khó làm, cần phải thành tựu đó là:

- Nhỏ mà không học.
- Lớn mà không đem sở học để dạy người.

- Giàu mà không bố thí giúp người.

Học ở đây không phải suốt ngày ôm sách vở tụng đọc hết cuốn này đến cuốn khác như con vẹt hay như cái máy mà là hiểu biết hành động nhuần nhuyễn như một.

Trong sách *Thuyết Uyển* có câu chuyện rằng:

Ông Công Tôn Minh đến học thầy Tăng Tử, ở nhà thầy đã ba năm mà không mấy khi đọc sách. Thầy Tăng Tử hỏi:

- Người đến đây học đã ba năm, ta xem ý người ít khi học tập học vở như các anh em là tại làm sao?

Công Tôn Minh cung kính thưa rằng:

"Thưa thầy con vẫn học. Con thấy trong nhà trước mặt song thân lúc nào thầy cũng tỏ ra hiểu thuận hòa nhã cho đến giống vật như chó mèo thầy cũng không quở mắng bao giờ,

ấy thế mà chúng tự hòa lành.

Thầy ứng tiếp bạn bè ung dung nhưng lễ kính, kẻ dở người hay ai cũng được khiếp phục.

Thầy ở triều đình bề ngoài nghiêm trang trong bụng nhân tử chăm chú lo cho đất nước, không ái ố tư riêng người nào. Ba điều ấy con miệt mài học mãi mà chưa được, có đâu không học mà dám ở cửa nhà thầy."

Tăng Tử nghe đoạn bài tạ mà rằng:

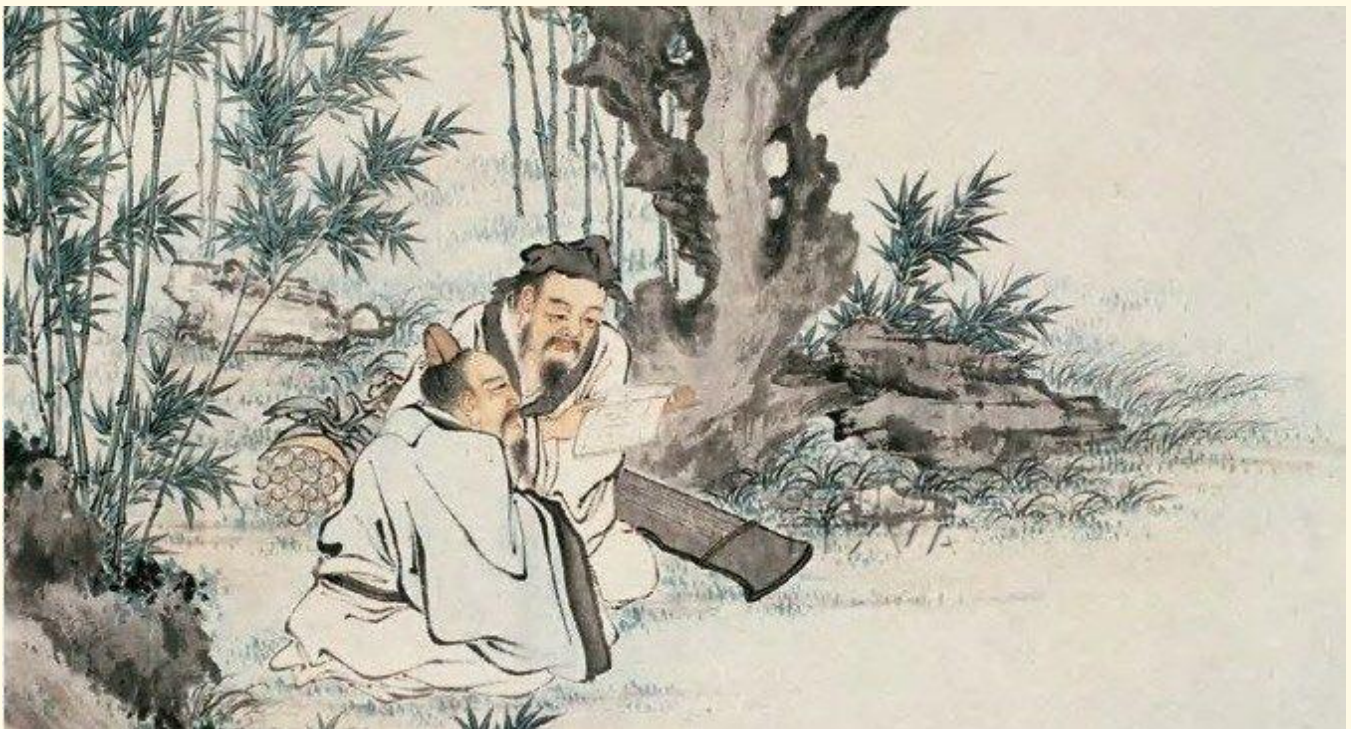
- Ta nay không bằng ông.

Học như Công Tôn Minh là thực học.

Dạy như Tăng Tử là thực dạy.

Bài tạ học trò như Tăng Tử là một hành động siêu giáo dục, là một sự bạn ân huệ, là một sự bố thí cao cả mà cả thầy lẫn trò tư cách phẩm hạnh đều được nâng lên làm bằng bạc tâm hồn người đọc về sử này. Thầy ấy, trò ấy, quả là những tấm gương để anh em chúng ta noi theo.

(Trích *52 Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)



TRỞ VỀ MỤC LỤC



KIẾT TẬP KINH ĐIỂN

(*Lá Thư Đầu Tuần* — tài liệu tu học của GDPTVN)

Ngay sau khi đức Phật nhập Niết Bàn không có một lời dạy nào của Ngài được ghi chép lại bằng câu văn có trong sách vở, các đệ tử của Ngài đã nghĩ ngay đến việc lưu truyền lại Giáo Pháp của Thế Tôn bằng cách kết tập lại những điều giáo huấn của Ngài.

Khi đức Phật tại thế, Ngài chỉ dùng khẩu thuyết, các đệ tử chỉ nghe rồi tụng đọc lại cho nhớ nên việc kết tập các lần đầu cũng chỉ là tụng đọc mà thôi, mãi đến 200 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn mới viết thành văn tự.

I. LỊCH SỬ KIẾT TẬP GIÁO LÝ ĐỨC PHẬT:

A. Lúc Phật còn tại thế:

Lúc Phật còn tại thế, ngoài việc thuyết pháp cho đại chúng Ngài còn nói pháp cho đủ mọi hạng người: từ vua chúa, hoàng tử, bà la môn đến người trí thức, thương gia, bình dân cho đến cả những người cùng khổ, hành khất, Ngài tùy theo trình độ căn cơ của mỗi người mà giáo hoá. Cùng một vấn đề nhưng tùy từng đối tượng Ngài trình bày rộng hẹp sâu cạn khác nhau. Những lời dạy này gọi là “Kinh” và những điều luật hướng dẫn cho tăng già thực hiện để tu tập gọi là “Luật.” Tất cả gọi chung là Giáo Pháp. Giáo Pháp này hằng ngày được các đệ tử tụng đọc ghi nhớ chứ không ghi lại bằng sách vở.

B. Các thời kỳ kết tập kinh điển:

1/ Thời kỳ kết tập thứ nhất: bốn tháng sau khi đức Phật nhập Niết Bàn các đệ tử của Ngài họp hội nghị tại thành Vương Xá để kết tập lại Giáo Lý của Ngài.

Kỳ kết tập này do Tôn Giả Ma Ha Ca Diếp chủ tọa gồm 500 đại đệ tử NGÀI A NAN tụng đọc những lời thuyết giáo Phật đã giảng dạy (Kinh) Ngài Ưu Ba Ly (Upali) tụng đọc các giới luật (Luật). Hội nghị có thảo luận nhưng không sửa đổi thêm bớt. Như vậy kỳ kết tập kinh điển này chỉ có Kinh và Luật.

2/ Thời kỳ kết tập thứ 2: kỳ kết tập này được tổ chức 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn.

Do Trưởng lão Yasa triệu tập (165 tuổi) gồm 12 ngàn tăng sĩ, họp tại Vaisaly.

Trong hội nghị này có nhiều ý kiến, đề nghị sửa đổi một vài điểm về giới luật cho hợp với hoàn cảnh xã hội, văn hóa kinh tế của xã hội Ấn Độ cách thời kỳ Phật tại thế 100 năm. Nhưng số Tăng sĩ bảo thủ thì cho rằng: không có gì cần thay đổi. Sau đó nhóm đề nghị sửa đổi rời hội nghị, về họp tại Vajji dưới sự chủ tọa của Vajjiputta chấp thuận sửa đổi một vài điều về Luật, còn Kinh không thay đổi, lập nên Đại Chúng Bộ (Wahasaghicca). Số tăng sĩ còn lại họp dưới quyền chủ tọa của Revala, quyết định không sửa đổi bất cứ một điều Luật nào. Ta có thể tạm gọi bộ phái này là Nguyên thủy. Như vậy kỳ kết tập kinh điển lần thứ 2 chỉ có thay đổi một ít Giới Luật đối với Đại Chúng Bộ mà thôi chứ không thay đổi về Kinh.

Một trăm năm sau thời kỳ kết tập kinh điển lần thứ 2 thì trong Đại Chúng Bộ, vì không thống nhất một số quan điểm nên lại phân chia thành 8 bộ phái nữa, với 4 lần phân chia (Nhất Thuyết Bộ, Thuyết Xuất Bộ, Kê Dẫn Bộ, Đa Văn Bộ, Thuyết Giả Bộ, Chế Đa Bộ, Tây Sơn Bộ, Bắc Sơn Bộ) vị chi là 9 bộ Phái Nguyên thủy trong thời gian đầu, thống nhất rất lâu nhưng về sau cũng chia ra 10 bộ phái nữa (Thuyết Nhất Thế Hữu Bộ, Độc Tử Bộ, Pháp Thượng Bộ, Hiển Vi Bộ, Chánh Thượng Bộ, Mật Lâm Sơn Bộ, Hóa Địa Bộ, Pháp Tạng Bộ, Ấn Quang Bộ, Kinh Lượng Bộ) vị chi là 11 bộ, tổng cộng hai phái có tất cả 20 bộ.

3/ Kết tập kinh điển lần thứ 3: Kết tập kinh điển lần thứ 3 được tổ chức 200 năm sau đức Phật nhập Niết Bàn (274 TTL) do Vua A Dục triệu tập, gồm 100 vị Đại trưởng lão họp tại Pataniputra (tức là Bihar và Patra ngày nay) và do Moggaliuputtissa chủ tọa, sau chín tháng làm việc đã kết tập cuốn Kathavatthu (một cuốn của bộ luận A Tỳ Đàm). Như vậy sau lần kết tập kinh điển này mới có đủ “KINH,” “LUẬT,” “LUẬN.” Hội nghị này không những có nhiều ý kiến dị biệt về “Luật” mà còn cả về “Kinh” của rất nhiều hệ phái khác nhau

nhưng kết quả đã gạn lọc được các quan điểm sai lầm dị giáo, dung hòa được những quan điểm dị biệt và nhất trí một bộ giáo lý gọi là “Thượng Tọa Bộ” (Theravada). Ngoài ra hội nghị còn chấn chỉnh Tăng giới, đào thải những vị Tăng phạm giới, sống không hòa hợp.

Sau hội nghị kết tập này, Thượng tọa Mahinda con trai của vua A Dục đã đem ba tạng kinh (Kinh , Luật , Luận) cùng với số giải đã kết tập sang Tích Lan (*hiện nay còn lưu trữ, không thất thoát?*)

4/ Kỳ kết tập kinh điển lần thứ 4: Tổ chức 600 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn (thế kỷ I TL) do vua Ca-Ni-Sắc-Ca (Kaniska), một vị vua có tinh thần hộ pháp lớn lao như vua A Dục; triệu tập gồm 500 vị Bồ Tát, 500 vị tỷ kheo, 500 vị cư sĩ họp tại thành Ca Thấp Di La dưới quyền chủ tọa của 2 Ngài Hiếp Tôn Giả và Thế Hữu.

II. BẮC TÔNG VÀ NAM TÔNG:

Trong các thời kỳ kết tập, 2 thời kỳ đầu đọc tụng theo ký ức chứ không có ghi chép; thời kỳ thứ 3 và thứ 4 mới ghi chép thành sách. Các Tăng già phía Bắc ghi chép bằng tiếng Phạn, các Tăng già phía Nam ghi chép bằng tiếng Pali.

Từ đó, trong xứ nói tiếng Pali thì kinh điển Pali được truyền bá, các nước nói tiếng Phạn thì kinh điển Phạn được truyền bá. Nếu lấy Trung Ấn làm cứ điểm thì đầu tiên qua Nam Ấn, đến Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam. Được truyền bá kinh tạng Pali, gọi là Nam phương Phật giáo hay là Nam tông. Còn Bắc Ấn đến Népal, Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản được truyền bá kinh tạng Phạn, gọi là Bắc phương Phật giáo hay Bắc tông (Phật giáo du nhập vào Việt Nam bằng cả hai con đường, phía Bắc và phía Nam).

Vậy thì Bắc phương hay Nam phương, giáo lý cũng từ một gốc, nhất là một gốc lấy từ lần kết tập kinh điển lần thứ 3, thứ 4. Nhưng tùy theo ảnh hưởng xã hội, văn hóa, kinh tế của từng dân tộc khác nhau ở các nước phía Bắc và ở các nước phía Nam mà có sự phát huy giáo lý và vận dụng tu tập có khác nhau. Bắc phương thì có phóng túng, ít câu nệ hình thức, Nam phương thì thủ cựu, tôn trọng hình thức.

Nhờ có các thời kỳ kết tập kinh điển mà Giáo Pháp còn tồn tại đến ngày nay.

(trích Tài liệu Tu học Bạc Trì của Huỳnh Trưởng, năm thứ nhất)



THIÊN SƯ KHÁNH HÒA VÀ CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG Ở NAM KỲ

(Chương XXVII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THIÊN SƯ PHÁP HẢI VÀ THIÊN SƯ CHÍ THÀNH

Về các thiền sư Huệ Quang và Khánh Anh, ta sẽ có dịp nói tới trong một chương sau. Ở đây ta phải nhắc tới thiền sư Pháp Hải, một người đã từng triệt để tùy hỷ và ủng hộ công trình của Khánh Hòa.

Pháp Hải sinh năm 1895 tại làng Thong Dong ở Sa Đéc, tên đời là Nguyễn Văn An, xuất gia năm mười bảy tuổi, hòa thượng chùa Tây Hưng tịch, ông đến cầu học với hòa thượng chùa Long Phước, Vĩnh Long. Năm hai mươi tám tuổi, ông trú trì chùa Phước Sơn ở quận Trà Cú tỉnh Trà Vinh. Năm 1933 và 1934, ông đảm trách việc giảng dạy cho Liên Đoàn Học Xã do Khánh Hòa tổ chức tại các chùa Long Hòa, Thiên Phước và Viên Giác. Khi Hội Lưỡng Xuyên Phật Học thành lập, ông nhận chức vụ trú trì chùa Long Phước, trụ sở của hội, đồng thời ông cũng làm giáo sư cho Phật học đường Lưỡng Xuyên. Sáu năm sau, ông nhận lời về trú trì chùa Hiệp Châu ở Sóc Trăng để hướng dẫn Phật sự cho chi hội Kế Sách của Hội Lưỡng Xuyên Phật Học. Bốn năm sau, ông trở lại chùa Long Phước. Sau khi Giáo Hội Tăng Già Nam Việt được thành lập tại chùa Ấn Quang Sài Gòn (1951), ông được mời ra làm trú sự trưởng cho Giáo Hội tại Vĩnh Long. Ông mất năm 1961 vào ngày mồng sáu tháng Tám âm lịch, hưởng thọ sáu mươi sáu tuổi.

Cộng tác với Khánh Hòa còn có nhiều vị cơ sở hữu tâm, phần lớn đều xuất phát tại Trà Vinh, trong đó ta phải kể các ông Phạm Văn Liêu, Nguyễn Văn Khỏe và Phạm Văn Luông. Ngoài ra còn có các ông Nguyễn Văn Thọ (mà sau này xuất gia có pháp hiệu là Trường Lạc, từng phiên dịch và sáng tác nhiều tài liệu Phật học), Huỳnh Thái Cửu, Ngô Trung Tín, Trần Văn Giác, Thái Phước, Thái Khánh, Lữ Long Giao,

Trần Thẩn và Nguyễn Văn Nhơn. Chủ bút Duy Tâm Trần Huỳnh là một cư sĩ có kiến thức Phật học khá sâu sắc, đã soạn được nhiều tài liệu giáo khoa Phật học như bộ Phật Học Giáo Khoa Thư (hai cuốn), và phiên dịch nhiều kinh điển Hán tự ra quốc văn, đóng góp rất đáng kể cho công trình phổ thông hóa Phật học tại Nam Kỳ.

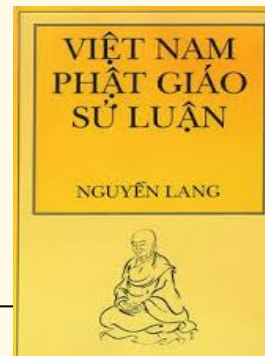
Tới đây tưởng nên nhắc tới một vị cao tăng đồng thời với thiền sư Khánh Hòa: Thiền sư Chí Thành mà thiền sư Khánh Anh cho là thuộc hạng "chân tu bậc nhất." Thiền sư Chí Thành sinh năm 1861 tại Quảng Nam. Ông là cháu nội của Hộ quốc công Nguyễn Công Thành dưới triều Tự Đức. Sau khi phong trào Văn Thân khởi nghĩa thất bại ở miền Trung, ông vào xuất gia tại chùa Giác Viên ở Chợ Lớn đó là vào năm 1880, ba năm tròn chuyên làm những công quả như gánh nước bữa củi, giã gạo. Sau đó ông nhập thất và tịnh khẩu, nghĩa là không nói, trong vòng ba năm nữa.

Năm 1982, ông tổ chức cứu trợ nạn nhân bão lụt tại Gò Công, trận Nhâm Thìn này đã tiêu diệt tới 16.000 người. Một mình ông đi thu thập được năm mươi thi hài nạn nhân, đem khâm liệm, mai táng và tụng kinh siêu độ. Đến năm 1895, ở Châu Đốc lại bị thủy tai. Ông đốc suất ghe xuồng ra cứu vớt được hơn 500 người và cho về chùa, nuôi cho đến khi nước rút. Trong mười hai năm, ông tịch cốc, chỉ ăn rau trái.

Sau đó bị mật thám Pháp nghi ngờ làm quốc sự, ông bị bắt giam và bị cầm giữ mười tháng.

Năm 1927 ông chứng minh lễ khai giảng lớp tăng học chùa Giác Hoa ở Sóc Trăng, và năm 1929, chứng minh giới đàn chùa Trùng Khánh, Phan Rang.

Phần lớn hành tung của thiền sư Chí Thành còn nằm trong vòng bí mật. Trong thời gian hành đạo tại chùa Giác Viên, không ai biết



ông xuất thân nhà quyền quý và là người có học. Tại Châu Đốc, suốt mấy chục năm trời, người chung quanh không ai biết ông là người có học thức. Thiền sư Phổ Huệ ở chùa Tịnh Lâm Bình Định có vào thăm và ở lại chùa Phi Lai một tháng. Khám phá con người thật của Chí Thành, ông làm bài thơ sau đây để tán dương:



*Dương thế Phi Lai chân đạo tôn
Chí Thành khí sắc cổ phong tồn
Phong lưu bất tấy tâm thường tịnh
Diệu nghĩa năng tham tự tính dung
Vân khứ vân lai vô trú trước
Hoa khai hoa tạ tổng thành không.
Phong quang hảo cực tư thời tặng
Sạ nhược linh san lạc bất ung.*

Ngư Khê tổng Tinh Trai ở Vĩnh Long cũng làm bài thơ tặng Thiền sư như sau:

*Phi kinh trượng cước xả phàm chân
Y bát tương truyền bản tính chân
Đại đức quảng khai thanh tịnh lộ
Chí Thành phổ hóa hải sơn nhân
Kim thân tổ hội liên hoa tọa
Ngọc điền huy hoàng động vũ tân
Công đức khả gia xứng bổ tát
Thanh sơn bất lão biến từ vân.*

HỘI PHẬT HỌC KIÊM TẾ VÀ TẠP CHÍ TIẾN HÓA

Bất mãn với hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học và bất mãn luôn với đường lối hoạt động của thiền sư Khánh Hòa mà ông cho là ôn hòa đến mức thụ động và cổ hủ, Thiền Chiếu đi tìm con đường khác. Nhưng ở đâu ông cũng gặp những phần tử bảo thủ. Lúc đó ông về chùa Hưng Long ở Ngã Sáu Chợ Lớn. Sau những va chạm liên tiếp, ông phần chí bỏ luôn chùa Hưng Long, cởi áo tu, về ở nhà một người bạn ở Gò Vấp tên là cư sĩ Thuần Viên. Đến năm 1936, ông tìm về Rạch Giá với thiền sư Trí Thiền, ngày trước đã từng cộng tác với Khánh Hòa và hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học và đề nghị Trí Thiền thành lập một tổ chức Phật Giáo thật sự tiến bộ. Cuối cùng Hội Phật Học Kiêm Tế được thành lập tại Rạch Giá, lấy chùa Tam Bảo ở làng Vĩnh Thanh Vân làm trụ sở. Điều lệ của Hội Phật Học Kiêm Tế được phê chuẩn vào ngày 23.3.1937. Thiền sư Trí Thiền tức Nguyễn Văn Đồng làm chánh tổng lý của hội. Hai chức vụ phó tổng lý được hai vị Nguyễn Văn Ngo

(trú trì chùa Thập Phương) và Ngô thành Nghĩa (trú trì chùa Phước Thanh) đảm nhiệm. Tạp chí Tiến Hóa cho ra số đầu vào ngày đầu năm năm 1938; Phan Thanh Hà đứng tên chủ bút. Thiền Chiếu không giữ chức vụ nào trên mặt giấy tờ cả; ông chỉ làm việc phía sau. Những bài trên Tiến Hóa do ông viết được ký tên bằng bút hiệu. Chủ

nhiệm của Tiến Hóa là ông Đỗ Kiết Triệu.

Danh từ Phật Học Kiêm Tế nói lên ý hướng của những người chủ trương: đây không phải là một cái hội để chỉ học Phật mà còn là một cái hội để thực hành kinh bang tế thế nữa. Danh từ Tiến Hóa cũng nhằm nói lên lập trường tiến bộ của hội. Ngay sau khi hội thành lập, một Viện Mồ Côi được tổ chức tại chùa Tam Bảo.

Tạp chí Tiến Hóa số ra mắt đã đăng hình cô nhi viện này, một cô nhi viện có thể gọi là cô nhi viện Phật giáo đầu tiên tại Việt Nam tổ chức theo kiểu Tây phương. Tiến Hóa số 1 cũng đăng hình hội Phật Học Kiêm Tế cứu trợ nạn nhân bão lụt tại Rạch Giá và cho biết rằng hội đã nuôi ăn từ 200 đến 300 nạn nhân bão lụt tại trụ sở của hội trong thời gian hai tháng. Ngoài chủ ý muốn chứng minh rằng hội Phật Học Kiêm Tế không phải là hội "chịu nói suông," Tiến Hóa lại tuyên bố rằng tờ báo không những sẽ "tuyên truyền" cho Phật học mà còn "tuyên truyền" cho "bất cứ học thuyết nào có đủ phương pháp làm chúng sanh khỏi khổ được vui." Theo Tiến Hóa, những học thuyết nào có tính cách từ bi bác ái thì đều được Tiến Hóa công nhận là "Phật pháp" cả (34).

Ký giả Trầm Quân của Tiến Hóa giữ mục triết học thường thức. Bắt đầu từ số 1 ông viết về đề tài "Triết học là gì?". Trong số 4, ông đã trình bày Duy Vật Biện Chứng Pháp. Từ các số 6 trở đi, ông phê bình những hình thức khác nhau của Duy Tâm Luận.

Đứng về phương diện lý thuyết. Tiến Hóa chủ trương những điều sau đây:

1- Người Phật tử mới phải có sự giác ngộ mới. Những sự giác ngộ mới này do các khoa học khám phá. Người Phật tử phải học khoa học để biết rằng không có cõi Cực Lạc ở phương Tây và cũng không hề có Thiên Đường cùng Địa Ngục. Phải học kinh tế học để biết rằng quan niệm giàu nghèo tại mạng là sai, rằng những đau khổ của con người là do những chế độ chính trị đè nén và những cuộc khủng hoảng kinh tế, chứ không phải do một vị thần linh ban phúc giáng họa.

2- Phật Thích Ca chỉ là bậc "sáng suốt

hoàn toàn” trong thời đại của Ngài mà thôi. Bây giờ cái biết của nhân loại đã trở thành rộng lớn; phải nắm hết tất cả những cái biết về các khoa học ngày nay thì mới được gọi là Phật. Về địa lý chẳng hạn, ngày xưa Phật chỉ biết được địa dư trong nước Ấn Độ, ngày nay ta có thể học để biết được địa dư cả thế giới. Chữ “Phật” bây giờ phải được hiểu là tổng thể những hiểu biết của các ngành khoa học chứ không thể hiểu theo nghĩa một cá nhân giác ngộ. Phật đã từng nói: “Chúng sinh chưa thành Phật thì ta không thể thành Phật.” Câu nói này theo Tiến Hóa, “chứng tỏ rằng đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói thật với chúng ta rằng đầu cả nhân có sáng suốt đến bậc nào cũng chưa phải hoàn toàn sáng suốt” và “tri thức của Phật hồi thời đại ấy không bằng tri thức của toàn thể nhân loại sau này” (37).

Những chủ trương trên kia cho thấy lập trường rất mới mẻ và táo bạo của hội Phật Học Kiêm Tế nhưng đồng thời cũng chứng tỏ rằng gốc rễ Phật học của các lý thuyết gia Tiến Hóa chưa sâu vững.

Đã đành rằng cái khổ của sự nghèo đói là một phần là do sự thiếu học và sự bóc lột kinh tế, nhưng hai nguyên do đó không phải là những nguyên nhân duy nhất, đành rằng “Phật” có nghĩa là hiểu biết nhưng cái hiểu biết ở đây không phải là những tri thức chất chứa do sự học hỏi, mà là cái biết của thật trí bát nhã giải phóng được tâm hồn người. Đã đành rằng muốn cải tạo xã hội thì phải cải tạo “cảnh,” nhưng theo đạo Phật “cảnh” là một phần của tâm, bởi vì “tâm cảnh bất nhị.” Cái ý thức mà Tiến Hóa cho là tâm ấy chỉ là một trong những tác dụng phân biệt của tâm mà thôi. Với lại làm sao cải tạo “cảnh” nếu không có được nhận thức chín chắn về ý hướng và đường lối cải tạo?

Ưu điểm của lập trường Tiến Hóa là sự chú trọng tới hành động. Tiếc thay, Tiến Hóa đã không tạo được một con đường thức hiện có căn cứ vững chãi trên nguồn trí tuệ giác đạo Phật. Thay vì sáng tạo một con đường tranh đấu bất bạo động lấy lực lượng đông đảo của Phật giáo làm hậu thuẫn, thì Tiến Hóa mượn con đường

tranh đấu bạo động của chủ nghĩa Mác Lê Nin. Phù hợp với lập trường này, ký giả Giác Tha liên tiếp kêu gọi “thủ tiêu hình thức và tinh thần tôn giáo của Phật giáo,” (38) hủy bỏ tất cả những kinh sách và những tập quán có khuynh hướng hữu thần và yếm thế. Trong số các kinh sách này có kinh Địa Tạng Bồ Nguyện. Ngay từ số 2 (tháng Hai 1938) Tiến Hóa đã kích bác các báo Pháp Âm và Duy Tâm vì đã dịch kinh Địa Tạng. Theo Tiến Hóa, kinh này có một nội dung hoang đường, trái hẳn với căn bản nghĩa của đạo Phật.

Về vấn đề Tăng sĩ, Tiến Hóa chủ trương hủy bỏ truyền thống tăng sĩ “đầu trơn áo vuông,” theo gương phái tân tăng ở Nhật Bản Tomomatsu (Hữu Tùng Viên Đế) tại Sài Gòn, thấy ông sư trẻ tuổi này nói được nhiều ngoại ngữ, tính tình mới mẻ với báo chí... ký giả Tự Giác rất lấy làm khâm phục. Ông khuyến “từ rày về sau, người tu Phật nên bỏ hẳn cái lối đầu trơn áo vuông, theo gương các sư Nhật.” Ông thêm: “Nhưng ai có muốn ăn chay hay đọc thân thì tùy ý” (40).

Những bài báo nói trên của Tự Giác và Giác Tha đã khiến cho Từ Bi Âm lên tiếng (41) rằng Tiến Hóa là một tạp chí Cộng Sản và thân Nhật. Tiến Hóa phủ nhận điều này. Giác tha nói đến tình trạng Phật giáo trong hai nước Hoa-Nhật, đến cảnh tự viện bị tàn phá bởi bom đạn, đến tăng sĩ hai nước bị động viên vào quân ngũ và kêu gọi gấp rút triệt để cải cách Phật giáo để tránh cho Phật giáo “cái họa diệt vong.” Ông ca ngợi tám mươi nhân vật Phật giáo Nhật vì hành động chống chiến tranh mà bị chính phủ Nhật bắt giam. Ông đọc được tin này ở Tân Hoa Nhật Báo ra ngày 2.6.1938. Báo Đông Pháp ra ngày 13.11.1937 lại đăng tin một vị tăng sĩ Trung Hoa là Liễu Như cùng một số tăng gia nhập phong trào kháng chiến giải phóng dân tộc nhằm đánh đuổi quân Nhật về nước. Giác Tha nói đến các vụ này trong bài Tinh Thần Vô Úy Của Phật Giáo, và mong rằng Phật tử Việt Nam phải hăng hái nhập thế trong tinh thần ấy.

(còn tiếp)



Ông Trần Văn Giác (người đứng thứ năm, hàng trước, từ trái sang phải)
Chùa Long Phước, Hội Lương Xuyên Phật Học, Trà Vinh
(khoảng thập niên 30)

quangduc.com

((34) Kính Cáo Độc Giả, Tiến Hóa số 1, tháng Giêng 1938.

(37) Tự Giác viết trong Tiến Hóa số 2 (1.2.1938)

(38) Giác Tha viết trong Tiến Hóa số 8 (tháng Tám 1938) và số 9 1938).

(40) Tomomatsu là tân tăng phái Tịnh Độ Chân Tông. Theo Tiến Hóa số 9 (tháng Chín 1938) thì trong Chiến Tranh Hoa Nhật ông đã viết một bài tuyên bố rằng “không có cõi Tây Phương Cực Lạc”.

(41) Số 151 (tháng Bảy 1938)

THÂU NGẮN ĐƯỜNG ĐI

Làng thôn kia cách kinh thành
Tỉnh ra trăm dặm quả tình xa xôi
Trong làng có một giếng khơi
Nước trong, ngon ngọt khác đời lâu nay,
Vua ra lệnh dân làng này
Phải lo chở nước mỗi ngày về kinh
Cho vua uống với triều đình.
Dân làng từ đó tội tình khổ đau
Tới lui mệt mỏi dãi dầu
Chịu đời không thấu rủ nhau trốn dần
Đến phương xa cho yên thân,
Trưởng thôn làng biết chuyện dân muợn phiền
Nên ông triệu tập dân liền
Họp thành đại hội một phiên bất thường
Ông tuyên bố giọng khẩn trương:
“Bà con đừng có tìm đường đi đâu
Tôi vào gặp vua thỉnh cầu
Xin tìm biện pháp giúp mau dân làng
Đổi thay khoảng cách con đường

Đang dài trăm dặm còn chừng sáu mươi
Bà con đi lại thành thơ
Không còn khó nhọc như thời xưa kia.”
Sau khi hội họp trở về
Trưởng thôn làng vội vã đi vào triều
Yêu cầu vua chỉ một điều
Đổi thay khoảng cách đường theo ý làng.
Nhà vua phê chuẩn dễ dàng
Chỉ thay tên gọi quãng đường này thôi
“Một trăm” nay gọi “sáu mươi”,
Dân nghe tin đó mọi người đều vui
Tự nhiên cảm thấy gần rồi
Dù trong thực tế có lời rĩ tai:
“Đường như cũ, vẫn còn dài
Nào đâu rút ngắn sao ai cũng mừng?”
Dân làng nghe rõ tỏ tường
Chẳng tin lời đó, đồng lòng tin vua
Cùng nhau ở lại làng xưa
Không hề còn muốn di cư đổi rời.





TO SEND PURE SPRING WATER

Once upon a time, there was a village, which was located five Yojanas away from the city and supplied pure spring water. The king ordered the water to be sent to him in the palace every day by the villagers. Becoming utterly weary of the irksome task, they all wanted to move away to some remote place.

To them, the village chief said, "Don't go away. I'll talk with the king for you to alter the distance between here and the palace from five Yojanas into three Yojanas. It would be closer for coming and going without much weariness."

The chief hastened to report to the king who changed the mileage. People were delighted at knowing this. Some of them said that there was no difference whatsoever. Most still stayed on, because of their newly reassured confidence in the king. So are the people in various walks of life.

Those who devote themselves to the right religion for crossing the Five Paths toward the Nirvana City, intend to abandon their faith when they are weary and exhausted. Traveling by the transmigration boat, they are unable to make their way toward the shore.

However, Buddha, the king of the Law, has many expedient means from the One Vehicle to the Three Vehicles. Those who follow the Hinayana sect are glad to hear those words and find it easier to practice. Therefore, they spare no effort to do good deeds and improve themselves spiritually so as to make their way of transmigration toward the other shores. Afterwards, they realize that there is no Three Vehicles but ones. Because of the confidence in Buddha's words, they do not want to abandon their faith by then.

This is just like the story of the villagers ending pure spring water.

*

*Truyện này thí dụ người đời
Phát tâm Chánh Pháp tu thời thiết tha
Luân hồi, sinh tử mong qua
Nhưng thời gian học thấy là dài thay
Nên mệt mỏi, rồi loay hoay
Nửa đường thoái chí ngưng ngay tu hành.
Đức Như Lai rất tinh anh
Nhất thừa Ngài lại nói thành ra ba
Hàng hạ căn khắp gần xa
Nghe xong cảm thấy thật là dễ tu.
Sau khi họ chứng Tiểu thừa
Như Lai mới dạy đúng như ban đầu
Rằng: "Phật Pháp đã từ lâu
Nhất thừa là đúng, có đâu ba thừa
Nhớ rằng Sự Thật từ xưa
Luôn luôn chỉ một, hầu như vậy rồi."
Người tu lúc đó nghe lời
Lòng tin tưởng Phật tức thời vững thêm
Đường tu Chánh Đạo an nhiên
Đại thừa Bồ Tát tiến lên tâm thành.*

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

*(Phần tiếng Anh trích dẫn trong
"Sakyamuni's One Hundred Fables"
của Tetcheng Liao)*

NHỮNG QUY LUẬT CHI PHỐI NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

Thích Nữ Hằng Như

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường nghe những lời bàn tán có tính cách phê phán như: "*Nhân cách của ông A thật là hoàn hảo*" hay "*Tư cách người đó không ra gì...*" hoặc "*Sống sa đọa quá làm mất cả nhân cách*" v.v... và v.v... Vậy nhân cách là cái gì? Thông thường, người ta giải nghĩa Nhân là người, Cách là tư cách, là phẩm chất, là giá trị, là tư cách làm người... Như vậy Nhân cách là một thứ giá trị, phẩm chất đạo đức của mỗi con người được xây dựng và hình thành trong suốt thời gian con người đó tồn tại trong xã hội.

SỰ THÀNH HÌNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TRONG ĐỜI SỐNG THẾ GIỚI

Theo Triết học Tây phương thì Nhân cách con người được thành hình do hai yếu tố.

- **Yếu tố bên ngoài:** Môi trường gia đình, trường học, xã hội là những yếu tố bên ngoài, là nguồn gốc trực tiếp cung cấp kiến thức và kinh nghiệm để hình thành Nhân cách của một con người. Người ta thường nói người giàu kiến thức sẽ có Nhân cách tốt. Điều này cũng không chắc. Vì ở đời có nhiều người kiến thức uyên thâm, địa vị cao sang trong xã hội, mà cách ăn ở của họ rất là tệ bạc, như bất hiếu với cha mẹ, coi thường vợ con, ăn chơi đàng điếm, khinh khi người nghèo khó, hiếp đáp kẻ thế cô v.v... Những người như thế bị xem là người thiếu Nhân cách. Ngược lại cũng có người không được cắp sách đến trường, sống đời nghèo khó, nhưng lại là người ăn ở có đạo đức, sống ngay thẳng không luôn cúi, nịnh bợ... được xem là người có Nhân cách cao thượng đáng quý. Cho nên Nhân cách con người còn tùy thuộc thêm một yếu tố khác nữa. Đó là Yếu tố bên trong thuộc về sinh lý và tâm lý của con người.

- **Yếu tố bên trong:** Là bản tánh tích cực hay tiêu cực của từng cá nhân. Cũng theo Triết học Tây phương, khi con người vừa mới sinh ra đã có một "*bộ gene*" riêng của mình, rất hiếm người này giống người kia cho dù là

anh, hay chị em sanh đôi cũng có điểm khác nhau. Do vậy, mỗi người có khí chất, tính tình và khả năng tư duy khác nhau. Cho nên con người dù sống trong một thời đại, một xã hội cùng giai tầng, giai cấp, cùng một môi trường giáo dục giống nhau, hay thậm chí cùng một gia đình nhưng mỗi người có phẩm chất giá trị riêng của mình. Yếu tố bên trong này góp phần hình thành Nhân cách đặc biệt riêng tư của mỗi cá nhân.

- **Về mặt tích cực:** Người có Nhân cách tốt là người sống biết người biết ta, nhờ có kiến thức nên biết ứng xử trong mọi tình huống, biết cách làm hài lòng người khác, luôn tạo cho mình một trạng thái vui vẻ, biết lúc nào cần cố gắng, biết lúc nào nên buông bỏ, biết phân biệt phải trái, thiện ác và đặc biệt là sống phải đạo, biết khoan dung, hy sinh, độ lượng, quan tâm và thông cảm với mọi người. Người có Nhân cách đạo đức cao quý này không những nêu gương tốt cho gia đình con cái mình, mà còn là



một công dân tốt đối với nhân quần xã hội. Có người sau khi mất đi còn được sử sách ghi chép lại để làm gương cho những thế hệ sau này.

- **Về mặt tiêu cực:** Con người dù Nhân cách tốt cách mấy cũng không tránh được trạng thái hỷ, nộ, ái, ố... khi gặp chuyện. Vì thế Nhân cách con người cũng có lúc đổi thay, nhất là khi gặp những thất bại trong đời sống như công việc làm ăn thua lỗ, gặp chuyện buồn phiền trong gia đình, con cái hư hỏng phạm pháp tù tội, gặp nạn phân ly chia cắt với người thân yêu, chịu nhiều khổ đau hết lần này sang lần khác... Do đó, Nhân cách con người cũng có thể từ tốt chuyển thành xấu. Hơn nữa tư cách con người cũng thay đổi tùy theo môi trường sống bên ngoài. Nếu sanh ra và lớn lên trong một xã hội đồi trụy thì Nhân cách con người cũng đồi trụy theo, vì xung quanh mình ai cũng thế.

Nhìn chung, sống ở thế gian này, người có Nhân cách tốt cũng nhiều mà thiếu Nhân cách cũng không phải là ít. Cuộc sống thì lúc nào cũng thay đổi, khi vậy khi khác. Cho nên muốn giữ Nhân Cách là phải giữ suốt đời, nếu không thì những cám dỗ đam mê ngoài xã hội (tài, sắc, danh, thực, thù) sẽ lôi kéo và nhận chìm mình vào hố sâu tội lỗi, khiến cho mình mất đi cái Nhân cách cao quý mà mình đã dày công xây dựng.

NHÂN CÁCH CON NGƯỜI TRONG ĐẠO PHẬT

Trong giáo lý nhà Phật, Nhân cách con người cũng được xem trọng. Những ai muốn quy y Tam Bảo trở thành Phật tử thì người ấy phải chịu thọ năm giới luật do Đức Phật đưa ra. Đó là:

- **Thứ nhất:** Không giết người, hại vật, ngược lại nên giúp người cần giúp, cứu vật cần cứu, hoặc phóng sanh để chúng có cuộc sống tự do.

- **Thứ nhì:** Không trộm cắp, lường gạt lấy của không cho.

- **Thứ ba:** Không có ý hay hành động tà dâm, xâm phạm tiết hạnh với người không phải là vợ hay chồng của mình.

- **Thứ tư:** Không nói dối, không nói hai chiều, tiếng bình dân gọi là "*đâm bị thọc thọc bị gạ*" gây chia rẽ thù oán giữa người này với người kia. Không nói những lời hung dữ độc ác khiến cho nạn nhân sợ hãi và đau khổ. Không nói chuyện phiếm cũng không nói lời ngon ngọt để tự tăng bốc mình hoặc lừa gạt tình tiền của người khác.

- **Thứ năm:** Không uống rượu say cũng không sử dụng những chất ghiền nghiện làm tâm trí lu mờ, ngu si... khó tránh những hành động xấu xa, hại người.

Là người Phật tử không phân biệt giai cấp giàu nghèo, không phân biệt người có kiến thức uyên bác, hay người học vấn kém... Nếu tuân thủ năm giới suốt đời thì đó là người Phật tử chân chánh. Những người giữ trọn năm giới sẽ



là những người có đầy đủ Nhân cách. Họ là những người cố đạo đức, có lòng từ bi hỷ xả, biết thương và giúp đỡ mọi người, biết tôn trọng và tuân thủ luật lệ quốc gia. Người như thế đổi tự thân mình, cuộc sống chắc chắn được an vui hạnh phúc, đối với cộng đồng xã hội, họ là những thành viên tốt.

Nếu tất cả mọi người đều giữ trọn năm giới theo lời Phật dạy, thì cộng đồng trú xứ nơi họ cư ngụ luôn được trật tự. Văn minh nơi đó được phát triển. Xa hơn nữa là tất cả mọi người trên thế giới đều được sống trong an ninh, hoà bình, thịnh vượng.

Theo quy luật Nhân quả trong nhà Phật, thì người giữ trọn năm giới đời này, khi thân hoại mạng chung, người ấy có đủ tư cách trở lại làm người ở đời sau.

NHỮNG QUY LUẬT CHI PHỐI NHÂN CÁCH CON NGƯỜI THEO QUAN NIỆM CỦA ĐẠO PHẬT

Đức Phật dạy đời sống con người bị chi phối bởi hai quy luật. Đó là **Lậu Hoặc** và **Tương Quan Nhân Quả**.

I. LẬU HOẶC: Nghĩa đen là những chất mũ ri ra từ thân cây. Nghĩa bóng là những tư tưởng dơ bẩn xấu xa huân tập trong tâm từ nhiều đời và bây giờ vẫn tiếp tục huân tập, gọi là Lậu hoặc hay Nghiệp. Lậu hoặc bao gồm những sợi dây trói buộc tâm con người bởi những liên hệ truyền thống gia đình, tôn giáo, văn hoá, xã hội... thuật ngữ gọi là **Kiết Sử**, hay những ấn tượng xúc cảm đau buồn sợ hãi, bao gồm tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... những thứ này, nó ngấm ngầm trong tâm, thuật ngữ trong nhà Phật gọi là **Tuỳ Miên**. Tất cả những mớ ô nhiễm Lậu Hoặc, Kiết Sử, Tuỳ Miên, Tham, Sân, Si này tác động vào ý nghĩ, lời nói, hành động... chi phối Nhân cách của con người.

II. TƯƠNG QUAN NHÂN QUẢ: Thêm một quy luật chi phối Nhân Cách của con người nữa là "*Quy Luật Tương Quan Nhân Quả*." Quy luật này được ghi nhận như sau:

*Cái này có, cái kia có
Cái này sanh, cái kia sanh
Cái này không, cái kia không
Cái này diệt, cái kia diệt.*

Định luật này mô tả hệ mình làm việc gì thì mình sẽ nhận cái kết tùy thuộc vào việc mình đã làm, hệ "cái này có thì sẽ sinh ra cái kia." Trong nhà Phật nói rằng: "Gieo Nhân nào thì nhận Quả nấy" không cách nào tránh khỏi.

Giáo lý nhà Phật giải thích con người sanh ra từ Nhân Quả tức là từ Nghiệp. Đời sống của con người sang giàu, hạ tiện, đẹp, xấu... là do Nghiệp mình đã gieo trồng từ nhiều đời trước. Mình gieo Nhân nào thì mình sẽ nhận Quả nấy khi đủ duyên. Kinh Tăng Chi Bộ rãi rạc trong nhiều phẩm, Đức Phật có nhắc nhở: "*Tôn giả là chủ của Nghiệp, là thừa tự của Nghiệp, là khởi nguyên của Nghiệp, là bà con của Nghiệp, là chỗ nương tựa của Nghiệp. Phạm là Nghiệp thiện hay ác được làm, tôn giả sẽ là người thừa tự Nghiệp ấy.*" Những Nghiệp tốt xấu này khi đủ duyên, nó sẽ trở Quả. Và Quả này ảnh hưởng tới suy nghĩ, hành động tức Nhân cách của con người.

HÀNH TRÌNH TÂM LINH

Muốn làm một người có Nhân Cách, người Phật tử tại gia cần giữ Giới đức tức năm giới nêu trên suốt đời. Nhưng nếu muốn tiến xa hơn trên con đường Tâm Linh hành giả cần tu tập để Thân và Tâm thoát khổ. Sự kiện này rất cần thiết vì nó ảnh hưởng sâu sắc đến Nhân Cách của con người.

- Ban đầu với trí năng tình ngộ, hành giả cần nghiên cứu, học hỏi về bốn phương tiện mà Đức Phật đã dạy. Đó là Thiền Quán, Thiền Chỉ, Thiền Định và Thiền Huệ. Hành giả liễu tri:

- **Thiền Quán:** Là pháp tu tập nhìn liên tục hiện tượng thế gian bằng con mắt tâm, tức tuệ tri để nhận ra bản thể của vạn pháp là Vô Thường, Khổ, Vô Ngã. Kết quả hành giả chuyển đổi Nhận thức của mình về cuộc đời, mình sẽ không quá đau khổ khi gặp chuyện bất trắc, sẽ không than thân trách phận làm khổ mình khổ người, sẽ không có những hành động hạ phẩm giá của mình khi gặp chuyện trái ý.

- **Thiền Chỉ:** Thực tập các chiêu thức nhìn xa, nhìn gần, nhìn lưng chừng, nghe âm thanh, thư giãn lưỡi, thiền hành... giúp tâm được yên lặng thanh thản an vui. Cuộc sống mình có an vui, hạnh phúc thì mình mới có thể đóng góp công sức, giúp đỡ những người xung quanh một cách tích cực. Từ đó, tạo riêng cho mình một nhân phẩm tốt đẹp được nhiều người quý mến kính trọng.

- **Thiền Định:** Tâm yên lặng vững chắc, cô lập Lậu hoặc, Kiết sử, Tùy miên. Từ trạng thái tâm hoàn toàn định tĩnh, tiềm năng giác ngộ phát sáng kiến giải nhiều điều mới lạ như: trực giác, siêu trực giác, tánh sáng tạo, tử bi hỷ



SOI BÓNG

*Vần thơ cũ đã úa màu
Vẫn còn đâu đó nhịp cầu thành thang
Chiều buông rải ánh nắng vàng
Hô trong soi bóng ngõ ngàng trắng xóa
Người về, người đã về chưa?
Đời cô lữ mãi nắng mưa tự tình
Xoè tay đếm mộng phù sinh
Tạ từ dâu bể riêng mình viễn du.*

thơ

MẶC KHÔNG TỬ

xả. Ban đầu đơn sơ, nếu tu tập miên mật trí huệ tâm linh phát huy tới vô lượng.

Người tu thiền đạt đến trạng thái này thì thân tâm người đó luôn được an lạc thanh thoi. Họ bước ra khỏi cái vòng kiềm toả của thế gian. Mỗi cử chỉ, lời nói hay hành động của họ đều biểu hiện một phong thái thông dong tự tại, khiến cho những ai đến gần họ cũng cảm nhận được từ trường từ bi hỷ xả mà phát tâm quy ngưỡng kính phục. Đây chính là Nhân cách của một vị Thiền sư vậy!

Thích Nữ Hằng Như
02/10/2019

THÔNG BÁO

Thực Hiện Bộ 2 Của Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý văn thi hữu và độc giả,

Trong Lời Đầu Sách của Bộ I Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo xuất bản vào đầu năm 2010, chúng tôi có nói đến sự thiếu vắng rất nhiều tác giả viết về Phật Giáo trong bộ sách này. Đó hoàn toàn là vì lý do khách quan, bởi vì vào thời điểm đó do 2 yếu tố hạn chế: phương tiện thu thập tài liệu và sự đáp ứng của các tác giả viết về Phật Giáo tại hải ngoại.

Sau khi Bộ I Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo được ấn hành và phổ biến cho đến nay đã tròn 9 năm, chúng tôi nhận được nhiều sự khuyến khích từ chư tôn đức Tăng Ni, quý văn thi hữu và độc giả khắp nơi cho việc thực hiện tiếp Bộ II. Nhưng vì cơ duyên chưa đầy đủ và cũng có phần vì công việc bận rộn nên dù rất muốn làm tiếp Bộ II mà hoàn cảnh không cho phép. Mãi đến nay mới có thể chuẩn bị bắt tay vào công việc này. Rất mong sự cảm thông và hỗ trợ của chư tôn đức Tăng, Ni và văn thi hữu.

Mục đích chính của Ban Chủ Trương khi thực hiện Bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo, như đã được nhận mạnh trong Lời Đầu Sách của Bộ I, là xem đây như một văn khố lưu trữ những sáng tác phẩm của chư tôn đức Tăng, Ni và các văn thi hữu viết về Phật Giáo để làm tài liệu tham khảo và nghiên cứu cho những người đi sau.

Để thực hiện Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo chúng tôi xin chư tôn đức Tăng, Ni và văn thi hữu tại hải ngoại, **chưa góp mặt trong Bộ I**, hãy tiếp tay hỗ trợ bằng 2 cách:

1) Khuyến khích, kêu gọi và giới thiệu cho Ban Chủ Trương những tác giả hiện sinh sống tại hải ngoại đã có các sáng tác văn thơ về Phật Giáo;

2) Tác giả có đóng góp văn thơ Phật giáo tại hải ngoại, xin gửi cho chúng tôi các tài liệu sau đây:

- Một tấm hình chân dung,
- Một bản sơ lược tiểu sử của tác giả, gồm các chi tiết chính như sau: Họ tên, Pháp danh, năm sinh, quê quán, nghề nghiệp, cộng tác với báo chí, trang mạng toàn cầu,... (đánh máy dạng Word),
- Danh sách các tác phẩm đã xuất bản hoặc bài viết đã đăng (đánh máy dạng Word),
- Ít nhất 5 bài thơ (đánh máy dạng Word), hoặc
- 3 bài văn (đánh máy dạng Word).

Thời hạn chót gửi tài liệu là cuối tháng 12 năm 2019.

Mọi liên lạc về tài liệu cho Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo xin gửi về địa chỉ email: vanhocphatgiaovnhnsk@gmail.com

Rất mong được sự hợp tác tận tình của chư tôn đức Tăng, Ni và quý văn thi hữu để Bộ II Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo được hoàn thành mỹ mãn.

Kính cảm ơn chư tôn đức Tăng, Ni và quý văn thi hữu.

Kính chúc chư vị đạo nghiệp viên thành, thân tâm thường an lạc.

Kính thông báo.

California, ngày 12 tháng 10 năm 2019

Ban Chủ Trương:

Thích Nguyên Siêu

Thích Tâm Hòa

Quảng Thành Bùi Ngọc Đường

Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

Tâm Quang Vĩnh Hảo

TU HÀNH CẦN PHẢI VỮNG TÂM

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Con đường tu hành vốn dĩ không bằng phẳng, nhiều chông gai, nếu không bền tâm vững chí thì lắm lúc cũng bị lung lay, chuyển hướng. Để đi đến đạo quả hay chí ít là giữ vững chí hướng xuất trần thì giới, định, tuệ là ba chân vạc kiên cố để trụ vững giữa bão giông nghiệp lực và tám ngọn gió đời.

Nhất là khi người tu đang chơi vơi giữa một bên là rũi bỏ ngũ dục và một bên kia là chứa nếm được đạo vị, hạnh phúc của đời cũng không mà hỷ lạc của đạo cũng không. Ngay đây nếu giới không chắc, tâm không định, tuệ không sáng thì chí nguyện tu hành cũng dễ bề ngã nghiêng, thối thất.

"Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. An xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền."

Khi ấy ma Ba-tuần nghĩ: 'Hôm nay Sa-môn Cù-đàm đang ở nước Xá-vệ, vườn Cấp Cô Độc, có đệ tử là Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ, ở trong tinh xá chúng Tỳ-kheo-ni, tại vườn vua nước Xá-vệ. Sáng sớm đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. An xong, trở về tinh xá, cất y bát, rửa chân xong, lấy tọa cụ vắt lên vai phải, vào rừng An-đà tọa thiền. Nay ta nên đến đó làm trở ngại'. Liên biến thành thiếu niên tướng mạo đoan chánh, đến chỗ Tỳ-kheo-ni ấy nói với Tỳ-kheo-ni rằng:

- A-di muốn đi đâu?

Tỳ-kheo-ni đáp:

- Hiền giả, tôi muốn đi đến chỗ thật xa.

Lúc ấy, ma Ba-tuần liền nói kệ:

*Đời không thể ra khỏi/ Viễn ly để làm gì?
Trở về hưởng ngũ dục/ Chớ về sau hối hận.*

Khi ấy Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ tự nghĩ: 'Người này là ai mà muốn khùng bổ ta? Là người hay phi nhân? Hay là người gian xảo?'. Cô liền nghĩ đây ắt là ác ma muốn nào loạn ta.

Biết rõ rồi, liền nói kệ:

*Đời có thể ra khỏi/ Ta tự biết sở đắc/
Này ác ma hèn hạ/ Người không biết đạo kia/
Như dao bén tác hại/ Ngũ dục cũng như vậy/
Như thân bị xẻo thịt/ Khổ thú uẩn cũng vậy/*

*Như điều người vừa nói/ Người vui hưởng ngũ dục/
Người đó không thể vui/ Nơi đó đáng sợ hãi/
Lià tất cả hỷ lạc/ Vứt bỏ mọi tối tăm/
Vi diệt tận tác chúng/ An trụ lià các lậu/
Biết rõ người ác ma/ Hãy mau chóng tự diệt.*

Bấy giờ ma Ba-tuần tự nghĩ: 'Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ này đã biết rõ tâm ta.' Rồi buồn bã không vui, liền biến mất."

(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 1198)

Pháp thoại này ghi nhận sự kiện ma Ba-tuần muốn nhiễu loạn Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ bằng luận điệu làm gì có sự giải thoát mà miệt mài dẫn thân thiên định, hãy nhanh chóng quay về hưởng dục kéo về sau tiếc nuối, hối hận trong muộn màng.

Hẳn chúng ta chưa đủ phước để ma Ba-tuần chiếu cố (thường các vị gần đắc quả giải thoát thì Ba-tuần mới ra tay), và chúng ta cũng không biết chuyên ấy hư thực thế nào nhưng tiếng nói của nội ma từ trong vọng tâm thôi thúc thì ai cũng thấy biết được.

Hãy tiếp tục đọc hành trên con đường thiên định hay dừng lại và vui với bả lợi danh. Đây là câu hỏi lớn và thật sự đấu tranh với ma chướng trong nội tâm của người tu chân chính. Cho nên tu hành trước phải thấy đạo, sau đó mới vững tâm tiến đạo.

Tỳ-kheo-ni A-lạp-tỳ đã thấy đạo, biết rõ ngũ dục chỉ tạm vui nên kiên định, quyết chí vượt ra ngoài sinh tử. Những ai chiến thắng từ trong nội ma thì ngoại chướng sẽ tiêu trừ, sẽ thẳng tiến đến đạo quả giải thoát.



Bài xướng:

TINH TẤN

Thiết nghĩ đời người chẳng bao lăm,
 Trao đời đạo nghiệp nguyện tinh cần.
 Vun mầm đức tuệ, xây niềm lạc,
 Tươi nước bi từ dựng cảnh an.
 Biển khổ trầm luân, nên chuyển bớt,
 Sông mê ái nhiễm, gắng xa dần.
 Vui buồn thế sự buông, buông thả...
 Chớ để u hoài uổng thốn tâm!

TỪ VÂN HOÀI CẢM

Tuyết trắng hôm nao nhuộm trắng đời
 Lặng nhìn thông phủ, áng mây trời
 Từ Vân Phật ngữ an lòng thế
 Tịnh Mãn Tăng lưu nhẹ đất trời
 Kiến tạo già lam, hoa tuệ thắm,
 Huân tu đạo nghiệp, nghiệp trần vui.
 Tâm không, nhẹ rộng nhân hạ cõi
 Phật sự viên thành vang khắp nơi

HOÀI CẢM

Cảm nghe gió thoảng gọi hồn ai
 Ngắm núi nhìn sông mộng cuối ngày
 Tháp thoáng hình hài ru nỗi nhớ
 Tựa hồ mặt nước rữ niềm cay
 Quê xưa muôn thuở trắng ngà rơi
 Bên cũ ngàn năm mây trắng bay
 Vô vật vô nhân vô thậm sự (*)
 Cảm nghe gió thoảng gọi hồn ai!

TRÚC NGUYÊN - THÍCH CHÚC HIỀN

(cảm đề)

Chú Thích:

(*) Không vật không người không đa sự (Biệt
Cảm Phòng - Thơ Tuệ Sỹ)

Bài họa:

TINH TẤN

Chẳng hỏi dương trần tạm mấy lăm,
 Ngày đêm học đạo biết chuyên cần.
 Trừ tiêu vọng chấp thì thường lạc,
 Niu kéo tham cầu rõ hồng an.
 Lợi lộc quàng xiên nên xả bớt,
 Niềm tin lẫn lóc quyết so dần.
 Ta Bà đã xuống là duyên phúc,
 Phập pháp tu tròn chính nẻo tâm.

CHIỀU THÁP CỔ

Chiều tan tháp cổ ẩn sương đời,
 Suối chảy trắng vờn lấp lánh trời.
 Lặng cảnh thiên am, ngậy cõi thế,
 Bình tâm nẻo mộng, xứng người trời.
 Già lam hòa chúng vun tình thắm,
 Chân lý ân Thầy chớ nghĩa vui.
 Thấu đạt pháp thâm an khắp chốn,
 Xin nguyện lợi lạc khắp nơi.

TỊCH TĨNH (Thủ vĩ ngâm)

Tịch tĩnh non chùng chẳng bóng ai,
 Minh trong cốc vắng dường đêm ngày.
 Lùi xa cõi thế, hờn đau tạm,
 Tránh hết tình đời, oán khổ cay.
 Trước kệ hoài an, bền pháp khởi,
 Bên rèm thật lặng, thấu mây bay.
 Đường trần mây khoáng ta vui trọn,
 Tĩnh tĩnh non chùng chẳng bóng ai.

MINH ĐẠO

(cảm họa)



CƠM NO, ÁO ẤM, KHÔNG KHÍ TRONG LÀNH...

(trích từ Phần 4, tác phẩm *Hạnh Phúc là Điều Có Thật*)

Nguyễn Minh Tiến

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Khi chúng ta quan tâm đến đời sống của một ai, ta thường cầu chúc cho người ấy luôn được cơm no, áo ấm. Và từ lâu chúng ta quen nghĩ rằng đó là những nhu cầu tối thiểu cho cuộc sống của một con người. Có một điều chúng ta quên đi không nghĩ đến, vì chúng ta thường quá dễ dàng có được, đó là không khí ta hít thở mỗi ngày. Nhưng dường như đã đến lúc vấn đề cần thay đổi, vì không khí trong lành chung quanh ta đang bị đe dọa, và chúng ta phải hoàn toàn tỉnh táo mới có thể bảo vệ được bầu không khí này cho chính chúng ta và con cháu ta mai sau.

Chỉ cần ta nhớ lại, sẽ không có gì cần phải tranh cãi về tầm quan trọng của hơi thở. Ta có thể tạm gác một vài bữa ăn, thậm chí là nhiều bữa; ta có thể chịu đựng rét buốt một vài ngày, thậm chí là nhiều ngày... nhưng chúng ta hoàn toàn không có khả năng tạm ngưng hơi thở dù chỉ là trong thời gian rất ngắn.

Hơi thở quan trọng không chỉ vì nó nuôi sống cơ thể ta bằng dưỡng khí, cũng như thức ăn, nước uống được đưa vào cơ thể... mà còn vì nó gắn bó chặt chẽ với nhịp điệu sinh hoạt toàn thân và tinh thần của chúng ta. Khi ta thanh thản, bình an, hơi thở của ta nhẹ nhàng, khoan khoái. Khi ta lo lắng, sợ sệt, hơi thở trở nên nặng nề, khó chịu. Khi ta giận dữ, nóng nảy, hơi thở ta gấp rút, mệt nhọc... Điều rất lạ là chúng ta thường không mấy khi lưu tâm đến

mối quan hệ thực tế rất quan trọng này.

Cũng giống như nụ cười, hơi thở cũng là tặng vật quý giá tự nhiên dành cho chúng ta. Vì thế, hơi thở là của ta, và ta cần quan tâm đúng mức đến nó, như đã từng quan tâm đến cơm ăn, áo mặc mỗi ngày.

Khi chúng ta chú ý đến hơi thở, chúng ta sẽ thấy rằng qua hơi thở ta có thể giữ được tâm trạng bình thản của mình. Những khi ta lo lắng, sợ hãi, chỉ cần ta giữ hơi thở cho đều đặn trong chốc lát, ta sẽ thấy trong lòng trở lại bình thản, tự nhiên. Những khi nóng giận, tức tối, chỉ cần giữ hơi thở cho thanh thản, bình thường, trong chốc lát ta sẽ lấy lại được sự an ổn trong lòng.

Hơi thở là cầu nối giữa chúng ta và cuộc sống. Hơi thở còn, chúng ta còn tồn tại. Hơi thở dứt, cuộc sống chúng ta mất. Vì thế, khi ta chú tâm đến hơi thở, ta ý thức rõ ràng được sự tồn tại của chính mình trong từng khoảnh khắc của cuộc sống.

Rất thường khi chúng ta không hề chú ý đến hơi thở của mình, vì đó là một tiến trình tự nhiên đến mức không cần quan tâm. Nhưng nếu chúng ta bắt đầu thực tập việc chú tâm vào hơi thở, ta sẽ thấy ngay được ý nghĩa quan trọng của việc này.

Từ lâu, những bộ môn luyện khí công đã hiểu được rất rõ tầm quan trọng của hơi thở. Công phu luyện tập được khởi đầu từ việc luyện hơi thở để làm phương tiện chính yếu rèn luyện các bộ phận khác của cơ thể. Người luyện khí công đạt kết quả tốt luôn phải biết cách chú tâm vào hơi thở và điều khiển



được hơi thở theo ý muốn của mình.

Tuy chúng ta không phải ai cũng muốn rèn luyện khí công, nhưng để có thể sống tốt, tất cả chúng ta đều nên tập thở.

Có rất nhiều hình thức đơn giản để rèn luyện hơi thở. Thật ra, tất cả các bài thể dục mà chúng ta áp dụng đều cần thiết phải được kết hợp hài hòa với việc luyện hơi thở thì mới có thể phát huy được hết tác dụng tích cực của chúng.

Chúng ta có thể bắt đầu bằng việc giữ hơi thở hoàn toàn tự nhiên và chỉ cần chú tâm vào đó. Khi hơi thở đi vào, ta tinh thức nhận biết nó đang đi vào, và ta biết ta còn đang tồn tại. Khi hơi thở đi ra, ta tinh thức nhận biết nó đang đi ra, và ta biết ta vẫn còn tiếp tục được sống. Thở vào, thở ra, chúng ta đều tinh thức nhận biết. Và như vậy, ta gắn bó một cách tinh thức với cuộc sống, không xao lãng bất cứ một phút giây nào trôi qua.

Thông thường, khi chúng ta mới bắt đầu chú tâm vào hơi thở, chỉ một lúc sau hơi thở sẽ dần dần trở nên nhanh hơn, dồn dập hơn. Nhưng vì ta đang chú tâm, nên ta dễ dàng nhận ra ngay sự thay đổi không cố ý này. Điều này cũng dễ hiểu. Khi chúng ta chưa quen với sự tập trung chú ý, đầu óc chúng ta sẽ thấy hơi căng thẳng một chút trong giai đoạn khởi đầu. Và chính sự căng thẳng nhẹ đã làm cho hơi thở ta trở nên dồn dập hơn đôi chút. Bình thản, chúng ta điều hòa nhịp thở trở lại như bình thường, và tiếp tục chú tâm vào hơi thở. Chỉ cần qua vài ba lần, chúng ta sẽ thấy quen thuộc và không còn thấy có gì khó khăn nữa. Mỗi lần luyện tập có thể kéo dài tùy thích và tùy thuộc vào thời gian thuận tiện mà ta có thể dành ra trong ngày. Tuy nhiên, điều tốt nhất là nên sắp xếp bố trí thời gian sao cho đều đặn trong mỗi ngày.

Khi đã quen với việc tập thở, chúng ta nên duy trì và phát triển ngày càng thường xuyên hơn. Chúng ta sẽ bắt đầu có thể tập thở trong khi đi đường, lái xe, hoặc ngồi trên xe buýt. Chúng ta cũng có thể tập thở vào những quãng nghỉ giữa giờ trong ngày lao động hoặc những lúc tạm dừng công việc. Mỗi lần tập thở là ta tự nhắc nhở mình và quay về được với đời sống thực tiễn trong hiện tại. Lâu dần, hơi thở ta sẽ trở nên nhẹ nhàng, hiền hòa, và tâm hồn ta cũng theo đó trở nên ngày càng thanh thản, êm dịu hơn.

Ta cũng nên dành một ít thời gian cho việc luyện tập thở sâu. Điều này là cần thiết, vì nó giúp làm tăng thêm dung tích buồng phổi của chúng ta, nhất là với các bạn trẻ còn đang ở độ tuổi phát triển. Thông thường, chúng ta rất ít khi thở đầy buồng phổi của mình, và kéo dài qua nhiều ngày như vậy, ta tự tạo cho mình một thói quen cảm thấy rất khó thở thật sâu. Mỗi ngày nếu chúng ta dành ra ít phút để luyện tập thở sâu, ta sẽ khôi phục lại được khả năng hoạt động tốt hơn của buồng phổi, và điều đó rất có lợi cho sức khỏe.



Khi chúng ta có luyện tập hơi thở, mỗi việc làm của chúng ta sẽ dần dần tự nhiên gắn bó với nhịp điệu hơi thở. Người có luyện tập hơi thở, khi làm bất cứ việc gì cũng đều có sự nhịp nhàng và có sức chịu đựng bền bỉ hơn. Các vận động viên thể thao đều luôn biết cách phải kết hợp hơi thở như thế nào trong khi luyện tập cũng như thi đấu.

Sự chú ý vào hơi thở cũng giúp chúng ta gắn liền tâm ý với mọi hoạt động của cơ thể. Chúng ta không bị cuốn hút vào sự xao lãng mà luôn luôn tỉnh táo nhận thức rõ từng giây phút trôi qua trong cuộc sống.

Môi trường quanh ta cũng là điều quan trọng trong việc thực hành luyện tập hơi thở. Nếu bạn sống ở miền quê, bạn có cơ may được hít thở không khí trong lành nhiều hơn. Tôi nói nhiều hơn, vì ngay cả miền quê giờ đây cũng đã có ít nhiều ô nhiễm. Người ta phun thuốc trừ sâu và nhiều hóa chất khác bừa bãi khắp nơi; các trại chăn nuôi không đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; và một số nhà máy cũng đang dần mọc lên ở các vùng quê... Có vẻ như con người giờ đây thật khó mà tìm được một nơi có không khí hoàn toàn trong lành...

Còn đối với cư dân thành phố, việc hít thở không khí trong lành giờ đây đã trở thành một điều gần như là thuộc về sự hưởng thụ xa xỉ. Bởi vì bạn phải lái xe hàng trăm cây số mới có thể làm được điều đó. Còn thứ không khí bình thường mà mọi người chen nhau hít thở hàng ngày là thứ không khí mà chỉ những phòng thí nghiệm khá tối tân mới ra mới có thể cho chúng ta biết rõ được trong đó có những gì.

Đã đến lúc các nhà quản lý môi trường, và cả bản thân mỗi chúng ta nữa, cần phải làm một điều gì đó để cứu vãn tình thế, để con cháu chúng ta còn có cơ may được sống trong những thành phố có đủ không khí trong lành...

Và có lẽ để nhắc nhở cho nhau về điều này, chúng ta cũng nên thay đổi lời chúc tụng vẫn dành cho nhau từ xưa nay. Hãy nói: "Mong sao cho gia đình bạn luôn có được cơm no, áo ấm và không khí trong lành."

(Nguồn: Rộng mở tâm hồn: <http://rongmotamhon.net>)



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHĂNG PHẢI VƯƠNG GIA

Thầy hấp hối, môn đồ pháp quyến khóc rên rỉ, sấm quan tài to như áo quan của vua, hoa chưng ngập đất, khăn, áo, cờ, xí... rợp trời luôn. Lại còn cho người sang Xiêm đặt nệm tượng sáp đem về thờ, bất ngờ thầy hồi dương tỉnh lại, quở:

- Thân tử đại này mượn cơm gạo từ đất, hơi thở từ gió... nay trả lại cho đất, nước, gió, lửa; có gì mà phải khóc? Ta là kẻ xuất gia nào có phải vương gia, sao còn mê muội theo thói thường của thế tục gia, phô diễn rình rang!

Trong bọn có kẻ thưa:

- Thầy là bậc đại sư, tốt đạo đẹp đời nên phải làm vậy để tán dương công đức!

Thầy rơi lệ:

- Tán dương hay tướng nạn (gian) đây? uống cơm gạo của đàn na tín thí, liệu mà tỉnh mau!

THÂN MÌNH CHƯA XONG

Ở hồ bơi nọ, có tay bơi xoàng lắm nhưng hay làm màu, quanh năm chưng hoa quả, tiệc tùng, hoa ngón mỹ ngữ đầy cao vọng:

- Tôi sẽ cứu vớt hết người và vật chết chìm!

Ngày kia ra sông lớn, thấy người chìm. Anh ta nhảy xuống vớt nhưng nước chảy xiết cuốn trôi cả hai. Đám đông đứng trên bờ la hét nhưng chẳng làm gì được hơn. Một người có vẻ nho nhã khẽ ngâm:

*Phận mình nghiệp nặng
chẳng xong*

*Tự thân chẳng dặng mà
mong cứu người*

*Màu mè chỉ giỏi nói lời
Vụng công chìm nổi một
đời ổng sao!*

MỜ LON

Chuyện bà lớn lu chưa xong, giờ lại có bà lớn lon. Số

là có doanh nghiệp đăng quảng cáo:

- Mở lon thường thức và trúng thưởng.

Trên bộ có bà tức khí sừng cồ:

- Quân phản động xỏ xiên, nhỡ đứa nào thêm dầu vào thì có phải chết bỏ bu không? Mở lon với chài khui, cấm tiết! Phạt nặng cho chữa tư tưởng đồi trụy!

Thiên hạ ngơ ngác không hiểu sai chỗ nào, người thì bảo bà ấy bảo vệ cái lon cho nó trinh tiết. Bộ ấy cũng còn có người có học, y vẫn:

- Năm xưa cụ Huỳnh làm bài thơ "Đập Đá Ở Côn Lôn," giờ nhỡ bọn phản động thêm dầu vào thì sao?

Chưa biết bà bộ nói sao nhưng thiên hạ có kẻ lạnh miệng:

*Mở lon tư bản đa trí trá
Xuống lệnh quan bà lắm
nhiều nhương!*

NHÀ ĐẤT

Ở xứ nọ bước vào thời quá độ lên thời đại đồ này, đồ nọ nên nhiều chuyện dân gian cười mếu máo mà chẳng biết thưa gửi vào đâu. Số là xứ ấy đất chật người đông, lại vào lúc tư bốn nhảy vào làm ăn nên đất đai quý lắm. Người ta bảo "Tấc đất tấc vàng" là sự thật chẳng phải nói tỉ dụ đâu. bấy giờ phi quan và gian thương cầu kết nhau, hễ mảnh đất nào mà bán được là lập tức qui hoạch ngay. Bởi vậy bất cứ ai cũng có thể mất nhà, mất đất như chơi. Tiếng oán thán thấu trời xanh.



Có gã kia tức khí viết lên tường rằng:

Nhà đất qui hoạch lấy đất dân mua bán cho thuê mà trở nên giàu có

Nhất đà phát triển tiếc nhà quan tích oán tỵ căm ấy là gốc họa vong

NHẤT ĐỐI NHẤT LỘ

Y lên ngôi cửu ngũ, lập tức dẹp bỏ quốc sách "Thao quang dưỡng hối" của đại ca. Y tự phụ mình giỏi hơn, quyền lực hơn nên đề ra: "Nhất đối nhất lộ." Y tỏ rõ cuồng vọng làm bá chủ như tổ tiên xa xưa của y. Y tung tiền cho vay khắp bốn phương, bọn tiểu yêu ở các tiểu quốc tham tiền y nên sập bẫy, thế là y xiết nợ bằng cách: chiếm đóng đất, hải cảng, phi cảng... Y lại toan tính lập van lý trường thành trên biển và độc chiếm bể Đông. Thiên hạ đưa y ra toà và hội đồng làng xử y thua, duy có một kẻ cũng là đồng chủ nhân bể Đông nhưng lại im thin thít. Người nhà bất bình lắm:

*Cuồng mộng đại Hán xâm lăng
lấn đất cướp bể Đông*

*Tình giặc tiểu quốc tranh đấu
giữ gìn cậy phương Tây.*

ÔNG TRÙM LÀNG MỌ (2)

Y vốn nổi tiếng dê xồm có hạng, một tay bốc hốt "già không bỏ nhỏ không tha." Y thô lỗ, cuồng vọng, gian trá và ích kỷ... mà ai ai cũng biết. Thiên hạ bốn bên đều xem thường y. Duy có bọn cuồng y thì cho y là cứu tinh xuất thế như y đã từng hoang tưởng như vậy. Tuần rồi hội đồng làng chọn người có công cổ vũ cho hoà bình, y phân nản:

- Hội đồng lú lẫn, lẽ ra người nhận cái giải đó phải là ta!

Người trong thiên hạ cười sái cả quai hàm. Có người cắc cớ hỏi:

- Thế cái giải rút lưng quần đầu không quàng lên cổ cho y?

Bao nhiêu đồng minh và đàn em thân tín mà các ông trùm đời trước gầy dựng, y số toẹt hết, y chỉ chơi với bọn côn đồ vốn là kẻ thù làng mọ mà thôi. Bọn thức giả không hiểu vì sao nhưng người làng thì biết:

- Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã.

Georgia, Oct. 2019



ĐỒ BÀN

*Gió động rừng dừa tán lá đưa
Rì rào âm hưởng tự ngàn xưa
Tiếng kèn xung trận đàn voi hống
Sát khí xung thiên vọng trống đồng*

*Lốp lốp quân Chiêm trấn giữ thành
Hoàng cung dường quá thật mong manh
Máu xương vung vãi cơ đồ đổ
Uất hận hờn căm gió vẫn gào*

*Gươm gãy gò hoang mảnh chiến bào
Hồi hồn Chiêm chủ ở nơi nao
Muru đồ vương bá tan tàn mộng
Trên tháp còn trông bóng má hồng*

*Một thuở vàng son chôn miếu đường
Giờ đây bờ bụi dấp mờ swong
Lập lòe xanh đuốc trên đồi vắng
Hội mùa năm ấy trắng đêm trăng*

*Sóng biển chiều nay những nhấp nhô
Chiêm thuyền ngập ghé lại kinh đô
Khải hoàn ca khúc ma Hồi oán
Đất đỏ đồi hoang loang máu khô*

*Phải Chế Bồng Nga hận chưa tan
Cuộc kêu khắc khoải dưới trăng tàn
Thành xưa đã hóa gò hoang lạnh
Cung thất vùi chôn khách lỡ làng.*

thơ

ĐỒNG THIỆN

Át Lăng thành, 10/2019

Bóng mây bên lầu Hoàng Hạc

TOẠI KHANH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có một truyện ngắn, của nhà văn nào đó tôi quên mất, kể về cái chết của một người mẹ trẻ trong thời chiến. Chuyện chẳng có gì, nhưng tôi cứ nhớ hoài hình ảnh đứa bé trong truyện. Giữa cơn nắng chiều khô nóng, nó bò quanh cái xác cứng đờ của mẹ rồi lay gọi bằng cái giọng ngọng nghịu chưa biết nói tròn câu. Nó tưởng mẹ ngủ quên. Nó không hề biết mẹ nó đã chết và chết là gì nó cũng chưa hiểu. Rồi thì lúc đói khát quá, nó rúc đầu vào ngực mẹ như mọi ngày. Ở đó bây giờ chỉ là một vết thương hoen máu với đàn kiến lửa bu đây. Chỉ vậy thôi. Nhưng hình ảnh đó, dù chỉ qua mấy hàng chữ, cứ đeo bám trí nhớ của tôi. Nhiều lúc cứ tưởng mình đã quên, nhưng không phải thế.

Ngày lớn tuổi, tôi có nhiều cơ hội đọc sách, xem phim về đức Phật và thật lạ lùng khi thỉnh thoảng lại nghe mơ hồ trong lòng cái cảm giác bơ vơ của đứa bé trong câu truyện ngắn vừa nhắc ở trên. Sách của các tác giả Đông Tây, từ **Ánh sáng Châu** (The Light Of Asia) của Edwin Arnold, đến **Ánh Đạo Vàng** của Võ Đình Cường... Điện ảnh thì là vài ba phim của Nhật, Ấn, Hoa Kỳ. Đại khái toàn phim lẻ. Thấy thiên hạ có lòng với Phật thì vui lắm, nhưng thường thì hình tượng về Ngài trong mấy công trình đó chẳng hiểu sao lại cứ khiến tôi nghe buồn buồn. Đó đâu phải đức Phật của mình chứ. Tôi vẫn hiểu rằng Thế Tôn đã vĩnh

viễn ra đi, nhưng không lẽ đến cả chút bóng hình của Ngài lưu lại trần gian này cũng hiếm hoi đến vậy sao. Dù các bộ phái có vận dụng phương tiện thiện xảo đến mức nào đi nữa thì theo tôi, ít nhiều người ta cũng đã đẩy xô bóng dáng cần có của đức Phật ra khỏi đời thực. Đức Phật qua lăng kính Mật Tông thì lung linh huyền bí. Phật qua cách nghĩ của Tịnh Độ Tông thì quyền phép màu mè. Phật của Thiền Tông thì khô lạnh, duy lý. Phật trong cách nghĩ của trí thức Tây phương thì thực tế quá chừng. Thực tế đến mức dung tục, bình phàm.

Dĩ nhiên, đó chỉ là cảm nhận chủ quan của riêng tôi. Tôi cứ thầm mong tìm thấy đâu đó một tác giả mô tả hình ảnh đức Phật theo cách tưởng tượng của tôi. Đó là một ẩn sĩ bằng xương bằng thịt, gì ngài cũng biết và ai ngài cũng thương. Con người đó cũng có lúc đau bệnh già yếu, và sau cùng bỏ xác ở một miền đất hẻo lánh chỉ vì cuộc hạnh ngộ với một người chưa từng gặp mặt. Vị ẩn sĩ đó không hề là một thần linh hay một giáo chủ chỉ chức nhồi sọ giáo chúng. Ngài chỉ nhỏ nhẹ đưa ra những gợi ý, đề nghị. Minh triết mà dễ gần, huyền ảo nhưng giản dị. Như biển rộng, sông dài, như ghềnh thác, cồn bãi, cho ai đến cũng được, ai cũng có thể sờ chạm, nhưng vẫn có riêng những bí mật ngàn đời. Ai cũng có thể tắm biển nghịch cát để tưởng

mình đã hiểu được đại dương, nhưng cái biết của cả nhân loại về đại dương chỉ là những vỏ sò trên bờ biển.

Tôi nghĩ, ai cũng có quyền đồ khuôn một thần tượng cho riêng mình. Tùy theo nhận thức và cảm quan cá nhân mà Phật hay Chúa trong lòng từng người có hình dáng ra sao. Buộc người khác phải nghĩ tưởng chuyện đời theo cách của mình thì đúng là bạo lực, chuyên chế, tập quyền, độc tài, thậm chí mọi rợ. Thôi thì tôi lại một mình trong những đêm tối cuộc đời, với một bức ảnh Phật của riêng mình. Bằng giấy cũng được, miễn là như cách tôi nghĩ.

Vậy rồi một ngày tôi đã tìm thấy cuốn *Đường Xưa Mây Trắng* của Hòa thượng Làng Mai. Tác giả là một nhà văn và cũng từng là người viết một bộ Phật giáo sử nổi tiếng khá tít. Ấn tượng sâu đậm của tôi về tác giả ít nhất là hai nét lớn: Ngài là một người có tài diễn đạt trong sáng và hấp dẫn những vấn đề khó hiểu. Thứ đến là khả năng dẫn dụ tuyệt vời: Ngài giúp nhiều người biết yêu quê, thương Phật theo một lối riêng rất mộc mạc nhưng thâm hậu.

Tôi đã đọc *Đường Xưa Mây Trắng* ít nhất một lần. Và ngay sau khi nghe tin sách được chọn để làm kịch bản cho một bộ phim lớn về đức Phật, tôi tìm vào Thuvienhoasen.org để đọc lại lần nữa. Ngoài cái thơ mộng của một ngòi bút tài hoa, cuốn sách còn là một công trình biên khảo nghiêm túc. Tác giả đã tham chiếu kinh điển của cả Nam phương, Bắc phái một



cách công phu và tâm huyết. Tôi trộm nghĩ, mỗi thế kỷ chỉ cần một cuốn sách cỡ đó cũng đủ khiến Phật giáo Việt Nam lớn mạnh rồi. Đặc biệt, với một văn phong nhẹ nhàng thanh thản, tác giả giúp ta đi không biết mệt qua những nẻo đường giáo sử khô khan và gai góc. Những nhân danh và địa danh bằng chữ Pāli, chứ không phải Sanskrit (như Sāriputta thay vì Sāriputra), giúp ta dễ dàng thấy ra những cảnh đời bình dân của một vùng châu thổ Ma-kiệt-đà hai ngàn năm trước.

Thế nhưng, vấn đề không phải chỉ dừng lại ở đó. Tôi tắt máy và ngồi nhắm mắt một lát để xem mình vừa thấy gì. Tôi đi tìm hình ảnh đức Phật và đã nhìn thấy gì qua Đường Xưa Mây Trắng. Thật lạ, tôi vừa có một ý nghĩ ngộ nghĩnh. Đức Phật trọng đó không phải người Ấn Độ và phong vận, ngữ khí của ngài trong *Đường Xưa Mây Trắng* cứ khiến tôi nhớ đến trung tâm Luy Lâu hơn là vườn Lộc Uyển. Bỏ đi vài hạt sạn nhỏ của Việt tính và Ngã tính trong tác phẩm, *Đường Xưa Mây Trắng* chắc chắn có thêm không ít độc giả.

Tôi nhớ từng khó chịu khi đọc một cuốn sách của ông Đoàn Trung Còn kể chuyện đức Phật thì triển sức mạnh với một nhóm lực sĩ, rồi thì câu chuyện Ngài quỳ lạy một đồng xương người và bầy

giờ là hình ảnh một vị Phật ngồi thối sáo trong *Đường Xưa Mây Trắng*. Nhà văn Vũ Khắc Khoan từng viết một truyện ngắn hư cấu việc ngài Anan vâng lời Phật trở về thăm thú nhân gian thời mạt pháp và bàng hoàng trước cái gọi là Phật giáo thời đại mới. Hôm nay nhớ lại, tôi thâm tiếc thương ông Vũ.

Tôi vẫn tự hỏi không biết thiên hạ hôm nay nghĩ sao nếu nhìn thấy đức Đạt-lai Lạt-ma hay một đời thiên sư tiếng tăm nào đó lại có những cử chỉ giống hệt những gì thiên hạ vẫn gán cho đức Phật. Sư phụ Thanh Hải là một nữ giáo chủ tóc tai đầy đủ, nhưng đối với không ít người, những hành trạng của bà vẫn cứ khó chấp nhận.

Tôi chợt thâm thúá bất ngờ những câu kinh ngắn gọn mà uyên ào của cả Nam phương và Bắc phái rằng, ai thấy pháp thì người đó thấy Như Lai hoặc ai lấy âm thanh sắc tướng mà cầu thị ta thì đó là ngoại giáo. Có lẽ không một ảnh tượng nào trung thực với hình bóng tuyệt đẹp của đức Phật cho bằng những lời dạy của Ngài. Người làm theo một tí lời Phật thì đã dễ thương khả kính thì nói gì Ngài là bậc Pháp vương. Muốn tưởng tượng ngài có hình dáng thế nào, giọng nói ra sao thì cứ ghé mắt vào kinh thư. Mối thù dật, suy

điển theo phàm tình nhiều khi lợi bất cập hại. Tôi vẫn nhớ hoài một câu nói của tác giả *Đường Xưa Mây Trắng* rằng, trong cuốn sách này sở dĩ ngài không nhắc gì đến những phép lạ thần thông của đức Phật vì nghĩ rằng Thế Tôn là bậc đại trí, thiếu gì phương cách tiếp dẫn chúng sanh mà phải dùng đến hạ sách phù phép. Tôi cũng muốn theo đó gắn thêm một nửa câu nói rằng, Thế Tôn là bậc đại trí nhìn xa trông rộng thì có lẽ cũng không cần gì đến những phương tiện hại nhiều hơn lợi, hoặc lợi trước mắt mà hại về sau.

Tôi tin tác giả đã vì lòng từ bi đối với những độc giả nặng tình với văn hóa Việt Nam mà dùng lại một số hoa văn họa tiết đời sau để tô điểm hình ảnh đức Phật trong *Đường Xưa Mây Trắng*. Cuốn sách đọc qua ai cũng phải hiểu là một hình thức cách điệu lịch sử. Do đó, tuyệt không dám có nhận xét nào phạm thượng bất kính đối với ngài. Tôi chỉ có một niềm mong mỏi nhỏ bé là, độc giả xem sách hôm nay hay xem phim sau này sẽ hiểu được đó chỉ là những phương tiện thiện xảo mà thôi. Và trên hết, cũng xin nhắc lại ý tưởng vừa thưa ở trên là muốn thấy Phật hãy học lời Phật và muốn hiểu Phật, hãy đi theo con đường mà đức Phật đã đi.

Chim hạc đã bay mất vào thinh không miền viễn, bên lầu Hoàng Hạc bây giờ chỉ còn lại một màu mây trắng mênh mông. Bao nhiêu ráng chiều, sương sớm quanh lầu cũng chỉ là từng gợi nhớ về những cánh hạc ngày cũ. Mộng mị quá nhiều dễ khiến người ta liên tưởng về một loài chim khác, dù có sắc sỡ như phương hoàng thì cũng không phải cánh hạc xưa. Bỗng nhiên nhớ Thôi Hiệu của Trung Hoa, rồi thì ông Tản Đà của xứ Việt quá chừng chừng:

*"Hạc vàng bay mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây
giờ còn bay!"*

Mùa thu vĩnh viễn

TIỂU LỤC THÂN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế mà mùa thu em ơi!
Trời đã vào thu, không khí se se lạnh, lá lác đác vàng. Mùa thu là mùa thu hoạch vụ mùa cuối, là mùa bắt đầu cho một quá trình mục nát và tích tụ cho mùa sau. Mùa thu đẹp, đẹp đến nao lòng, đẹp mê lịm cả tâm hồn. Nếu những ngày đầu mùa, người nghệ sĩ thiên nhiên chỉ mới phác họa vài đường nét màu vào ngàn xanh, lúc ấy sơn hà chỉ là một bức tranh thủy mặc với nét cọ chấm phá. Nhưng khi thu đến giữa mùa, thì ấy chính là lúc mà cao hứng tột đỉnh, chính là lúc mà sự phóng khoáng vượt qua mọi qui định, khuôn phép ước lệ... Người nghệ sĩ thiên nhiên hắt cả bảng màu xuống trần gian! Chao ôi, thiên nhiên bùng lên như gấm hoa, như cẩm tú, lại như vàng pha sáng cả sơn hà! Muôn hồng nghìn tía, từ phố thị cho đến đồng quê và núi rừng. Lúc bấy giờ không bút mực nào tả nổi vẻ quyến rũ của mùa thu,

Thiên nhiên hào phóng biết bao, cung cấp cái đẹp cho đời sống tinh thần, là nguồn cảm hứng vô tận làm thăng hoa tâm hồn con người. Thiên nhiên nuôi sống con người và muôn loài, nhưng thiên nhiên không thể nào làm thỏa mãn sự tham lam vô hạn độ của con người. Con người sống trong vòng tay bao bọc của thiên nhiên nhưng ngày đêm đang tàn phá và hủy diệt thiên nhiên. Ngày hôm nay thiên nhiên đang oằn mình trong sự hủy hoại, đất đai ô nhiễm, biển cả sông ngòi ô nhiễm, không khí ô nhiễm... Nam, Bắc

Cực đang mất đi hàng tỷ tấn băng tuyết, địa cầu ấm lên, nước biển dâng lên đe dọa nhấn chìm những thành phố và những vùng đất rộng lớn. Những con đập trên sông Mê Kông đang bức tử cả một vùng hạ lưu mênh mông, hệ sinh thái tàn lụi. Chất thải và rác nhựa ngập trong đại dương, rừng núi cao sạch... Mẹ thiên nhiên đang tổn thương nghiêm trọng lắm em ơi!

Ấy thế mà có những ông quan và băng đảng gian manh, vì tư lợi, vì ngôi cao, vì bản chất tráo trở... vẫn dối đời, lừa người, gạt cả đất trời. Luôn mồm cho rằng: "...Thiên nhiên vẫn ở ngưỡng an toàn," hoặc giả là: "Luận điệu quấy phá của phản động"... An toàn sao được hả em khi mà biển xanh chuyển thành màu đen, màu đỏ? An toàn sao được khi mà muôn loài thủy tộc chết sạch rảo? An toàn sao được khi mà người dân lên tiếng thì đánh đập, bắt bớ, tù đầy?

Xưa nay thiên hạ những mong ở ông trùm của cường quốc Cờ Hoa, nhưng đau đớn thay, ông trùm của xứ này ngày nay lại là một kẻ cũng độc tài không kém, cũng gian trá lưu manh bậc nhất. Ông trùm của xứ Cờ Hoa hôm nay lại là kẻ tiểu nhân ích kỷ cùng cực. Ông ta chỉ biết tiền, không nhân quyền vật quyền chi cả, thiên nhiên lại càng không, tất cả phải biến thành tiền, cho dù có phá hủy cả thế giới này! Ông trùm mịa mai chuyện khí hậu biến đổi, ô nhiễm thiên nhiên, trái đất

nóng lên... Ông ta phế bỏ tất cả những hiệp ước bảo vệ quyền con người, bảo vệ thiên nhiên... Mẹ thiên nhiên vào hồi mạt vận, đâu đâu cũng thấy những kẻ như ông trùm. Người và những tổ chức có lòng yêu thiên nhiên, muôn loài thì bị bó buộc vô cùng.

Pháp vào sâu đời mạt, thời đại hắc ám... sản sinh ra những con người như ông trùm, vô cùng ích kỷ; sản sinh ra những chính thể hung ác, tham tàn và thậm vô minh.

Ngày mùa thu em ơi! Dù trái đất nóng lên, dù mẹ thiên nhiên đang tổn thương nghiêm trọng, dù đau lòng, dù khắc khoải nhưng mình vẫn có thể có được những phút giây an lạc của riêng mình. Mình vẫn đạp trên lá vàng rơi, vẫn đi giữa thiên nhiên nghe gió hát lá rơi.

Mùa thu em ơi, đẹp lắm! Ta vẫn chờ em về cùng đếm lá vàng rơi, đâu đó vang lên khúc ca: "...*Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo, em nhớ cho mùa thu đã chết rồi... rằng ta vẫn chờ em.*" Mùa thu chết, chết từ lúc em đi, chết từ khi trống vắng ở trong hồn, nhưng dấu thể nào đi nữa ta vẫn chờ em! Những gã khờ trên thế gian này, ai cũng như ai, gã nào cũng mơ mơ giữa giòng đời, cũng mơ mộng chờ đợi em. Mình chờ em về cùng nhặt lá vàng rơi, chờ em về ngồi nghe sương khói thở, mùa lên rồi, em ở đâu? Chờ đã muôn đời chưa đủ, sẽ còn chờ mãi mãi mai sau. Em vẫn đẹp, vẫn lung linh như sương mai nắng lụa, như cỏ hoa, như gót hài đạp trên thảm lá rơi... Có ai nắm bắt được bao giờ, làm sao nắm bắt

được bây giờ? Nếu đời này không có em, không chờ em thì cuộc đời này sẽ vô vị và tẻ nhạt biết bao, sẽ hoang vu biết bao! Chờ em, dù có chờ trong khắc khoải vẫn đẹp, vẫn nao lòng.

Giả sử con người bây giờ chỉ có kiếm tiền, ăn ở và làm cái việc truyền giống không thì con người có khác gì con vật. Sở dĩ con người khác con vật là nhờ có tư tưởng, tư duy, có đời sống tinh thần, có nghệ thuật, có văn chương... Thời đại hôm nay, khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, kỹ thuật điện toán phát triển nhanh chóng... làm thay đổi nhiều lối sống của con người. Con người bận bịu hơn, quay cuồng trong cái vòng quay vô hình không thể nào dứt ra, không thể nào có phút giây yên tĩnh tịnh tâm. Con người hôm nay không thể dừng lại được nữa.

Âu-Mỹ vốn đi đầu và phát triển cao độ về khoa học kỹ thuật, về điện toán... Nhưng nghệ thuật, văn chương cũng phát triển vượt bậc. Người Âu-Mỹ tuy sống trong đời sống kỹ trị nhưng vẫn ham học, ham đọc. Nhà sách, thư viện... đầy ắp sách, đầy người đọc. Sách xuất bản nhiều như lá vàng

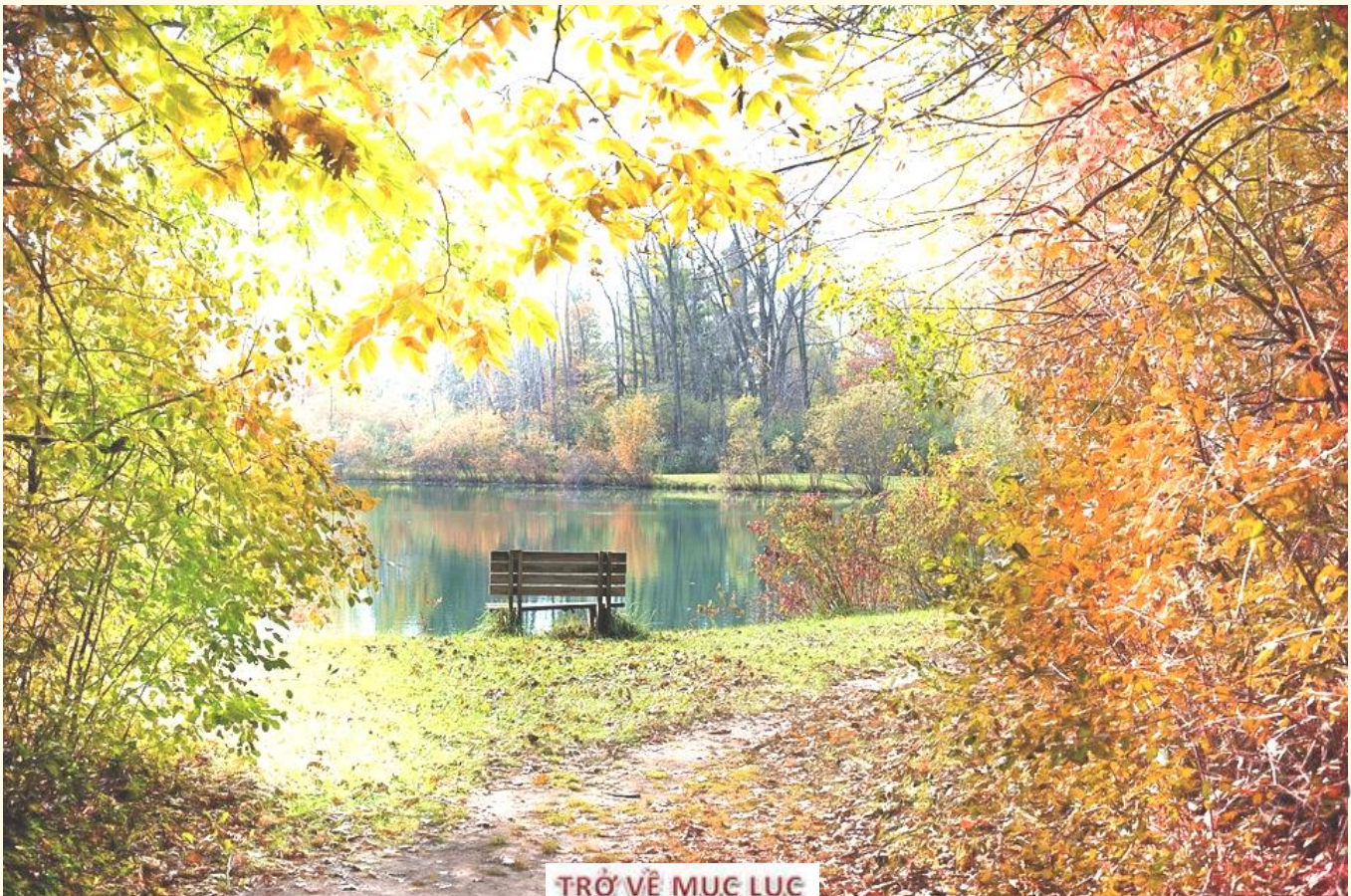
trong mùa thu. Người đọc đón nhận nồng nhiệt. Những tác phẩm lớn như Harry Potter xuất bản cả mấy mươi triệu bản. Bà Mitchell Obama ra sách, chỉ trong vòng hai tuần cũng bán cả triệu bản... Thật đáng khâm phục và ngưỡng mộ biết bao! Còn Việt ta thì sao? Nếu ở hải ngoại có ra sách mà bán được vài mươi hoặc vài trăm bản kể cũng là khá. Còn quốc nội, với hơn chín mươi triệu dân, nếu quyển nào mà bán được vài ngàn bản, kể như một hiện tượng lạ lắm đây! Người Việt hôm nay không đọc sách! Có lẽ nào trình độ phát triển khoa học kỹ thuật của người Việt cao hơn phương Tây chẳng? Có lẽ nào khoa học điện toán của người Việt vượt bậc chẳng? Có lẽ nào người Việt văn minh hơn và đi trước thời đại chẳng?

Những gã du tử mang nghiệp chữ trong thời buổi hôm nay thật là cô đơn và lạc lõng, những kẻ lạc loài, sanh lầm thế kỷ, sanh lầm thời đại chẳng? Thật ra thì ngày xưa cụ Phan Bội Châu cũng từng than: "Lập thân tối hạ thị văn chương." Cụ Tản Đà cũng bảo: "Văn chương hạ giới rẻ như bèo." Nhà văn Nguyễn

Văn Vĩnh còn cay đắng tận cùng: "Nhà văn An Nam khổ như chó"... Quả thật không còn bút mực nào tả nổi! Nhưng dù thế nào đi nữa thì con tằm vẫn nhả tơ, con tằm đến thác nó còn vương tơ kia mà, sá gì ba cái chuyện mắc-rè, sướng-khổ của cuộc đời!

Những gã du tử mang nghiệp chữ, cống hiến cho đời những áng văn hay, những vần thơ đẹp chưa đủ mà còn cất lên tiếng kêu đau thương của đồng loại, gióng lên tiếng ca thống thiết của sơn hà khi tao loạn, nhiều như ong; hoặc giả tấu khúc khải hoàn khi thiên hạ thái hoà. Dù cho đời có đối xử thế nào thì những gã du tử mang nghiệp chữ vẫn miệt mài nhả tơ.

Mùa thu về đẹp lắm em ơi! Sơn hà thay áo mới, vàng lên trong nắng gió, lấp lánh như muôn ánh vàng rơi. Lòng nhớ về cố quận, dù sống ở phương trời nào, dù ở đâu đó vật chất đủ đầy, thiên nhiên xinh đẹp, khí hậu trong lành... vẫn nhớ về cố quận mình quanh năm nắng bụi mưa bùn. Ai ai cũng thế, chỉ trừ bọn trẻ sinh ra và lớn lên ở cung trời phương ngoại, chúng không dính dáng gì đến quá khứ rắc rối của cố quận mình. Phần



nhiều cha mẹ cũng chẳng muốn con cái mình liên hệ với cái quá khứ buồn của cố quận. Cố quận gian nan, loạn lạc một thời. Người ta chạy từ Bắc vào Nam, rồi lại chạy tuốt ra đại dương... Nếu ngày xưa, cách tổng cách làng đã là xa; khác phủ khác quận đã là xa; cách tỉnh xa đàng lại càng xa. Ấy vậy mà giờ đây, người ta lưu lạc bốn phương trời, thử hỏi ai không:

*"Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia"
(Bà Huyện Thanh Quan)*

Đất nước mình có những mùa xuân huy hoàng, hiển hách như mùa xuân Nhâm Tý, mùa xuân Kỷ Dậu hay mùa xuân Hoa Lư, mùa Xuân Thăng Long, mùa xuân Đông Đa... thì cũng có những mùa thu ảm đạm, thê lương. Đời Lý Thánh Tông, mùa thu-đông năm ấy. Cha con Nùng Tôn Phúc, Nùng Trí Cao làm phản, cắt đất dâng cho giặc Tống. Thánh Tông thân chinh, bắt giết Tôn Phúc và tha cho Trí Cao. Đời Trần, có Trần Thiêm Bình, Trần Ích Tắc làm phản theo giặc Nguyên-Mông. Nhà Trần bắt được Thiêm Bình xử từng xẻo. Ích Tắc thì muôn đời bị bêu xấu với xú danh: Á Trần. Đời Lê có Lê Chiêu Thống-Lê Quýnh cùng bè lũ phản quốc kéo sang Tàu, cuối cùng bị nhục phải gọt tóc, cạo đầu và chết thảm bên ấy. Đời Mạc có Mạc Đăng Dung. Thời Pháp thuộc có: Huỳnh Tấn, Hoàng Cao Khải, Trần Bá Lộc, Nguyễn Thân... Sau này lịch sử sẽ ghi thêm những kẻ cắt đất dâng cho giặc Tàu để cầu thân của thời hiện đại. tất cả bọn chúng sẽ bị lịch sử đời đời nguyên rủa, khinh bỉ. Người dân cũng mình định rõ ràng:

Trăm năm bia đá thì mòn

Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ

Thịnh suy là lẽ thường tình, là luật của tự nhiên nhưng con người là yếu tố quan trọng làm tăng cái gia tộc cho việc thịnh suy. Nếu đời nhiều hiền tài, trung chính... thì cái nền thịnh trị sẽ thịnh hơn, dài hơn còn nếu nhiều gian tà, cả chốn thì cái bại hoại, suy vong sẽ nhanh hơn.

Mùa thu từ phương trời hải ngoại, nhớ về cố quận, đất nước mình, dân tộc mình... còn nhiều dang dở lắm em ơi! Vấn đề không chỉ ở người ngoài, bên ngoài mà chính là ở tự thân mỗi con người.

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Át lãg thành, 8/2019



NÓI VỚI THU HÀ NỘI

*Có một nơi mà anh đã đến
Đã băng khuâng xao xuyên cõi lòng
Bởi đêm lãng mạn thêu mùa nhớ
Bởi người em gái nặng thương mong*

*Nơi ấy vào thu vàng hoa cúc
Hoa sữa lừng hương khắp phố phường
Cóm mọt sáu đầm sen phẳng phát
Dịu dàng mưa nắng đủ yêu thương*

*Quyến rũ kiều sa thu trầm mặc
E ập ngập ngừng chạm tiếng yêu
Dạ lan ngậy ngát hồn lữ khách
Rợp lá vàng bay rụng bóng chiều*

*Anh đến với mùa thu Hà Nội
Khi áo phong trần chưa tả toại
Khi em mới độ xuân vừa chín
Mắt gợn hồ thu dáng tuyệt vời*

*Người đi lỗi hẹn mùa thu tới
Lối sáu đường me thu ngăn ngại
In cầu Thê Húc mưa thê thiết
Tạc bóng Hồ Gươm gió lộng lờ*

*Thu còn màu yêu trên môi em!
Thu vàng đời nhau trong mi em
Thiên môn xa đưa hồi chuông chiều
Mây tầng Hồ Tây đêm cô liêu.*

LƯU LÃNG KHÁCH

MÍT NON XÀO SẢ ỚT THƠM CAY

Nguyên liệu cần có cho món chay:

- 1 miếng mít non (khoảng 300-400g)
- 1 chén dừa nạo
- 1 muống canh sả băm
- Hành boa-rô
- ½ (một phần hai) chén nước dừa tươi
- dầu chiên, đường, muối, bột ngọt, sốt tương, nước tương, ớt khô.

Hướng dẫn cách làm:

Đổi vị với món chay Mít non xào sả ớt
 – Mít non chọn miếng có nhiều xơ, hạt nhỏ mềm, khi làm ăn sẽ ngon hơn.
 – Mít sau khi mua về dùng giấy lau sạch phần mú, cắt bỏ phần vỏ xanh và phần cùi trắng.



– Tiếp đến cắt mít thành từng miếng nhỏ và đặt chúng vào trong nước có pha chút muối ngay để chúng không đổi màu. Ngâm trong nước khoảng 5 phút, sau đó xả sạch.



- Cho 2 muống canh dầu chiên vào chảo, dầu nóng cho ớt khô vào đảo đều sau đó vớt ra.
- Cho ớt khô, sả băm vào cối xay nhuyễn.



Dùng lại chảo, cho hành boa-rô vào phi thơm, sau đó cho mít vào xào trong 1-2 phút. Thêm ½ muống cà-phê muối, ½ muống cà-phê đường, ít bột ngọt, 2 muống canh nước tương, 1 muống canh sốt tương, 1 muống cà-phê cà ri và ớt sả vừa xay vào đảo đều. Thêm nước dừa tươi vào đây nắp và nấu trên lửa nhỏ khoảng 5 phút cho thấm gia vị.



Mở nắp, để lửa lớn, đảo đều đến khi mít khô hẳn hơi cháy xém thì tắt lửa. Bày mít non xào cay ăn với cơm.

(Nguồn: naungon.com)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

Trong căn nhà nhỏ

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mùa đông lại về nữa rồi, thật thú vị cho đàn trẻ nhỏ chạy tắm mưa khắp xóm, tiếng gọi nhau ới ới, tiếng cười, tiếng hét inh ỏi một góc trời... Con nít là một tuổi thơ đầy thú vị, hồn nhiên vô tư và thật đáng ghét cho những đứa ngang đầu cứng cổ, phá xóm phá làng, nhưng mà nhìn cho kỹ trong con nít luôn có một cái gì đó thật đáng yêu, hồn nhiên, thật đáng thương mà một khi tuổi thơ xa rồi không còn tìm lại được nữa.

Trong nhà Ba là người gần gũi con cái nhất, mặc dù có người giúp việc nhưng khi nào Ba cũng quan tâm lo lắng cho con trẻ, từ ăn uống, ngủ nghỉ, học hành đi chơi, nhất là những dịp gần Tết ba dẫn đi sắm áo quần mới, giày dép mới; gần ngày tựu trường cũng như vậy. Ba là hình ảnh thân yêu nhất trong con từ tấm bé, mặc dù Ba rất nóng tính và hay cho mắng chị em ăn đòn, nhưng sau mỗi lần như vậy Ba lại dẫn đi ăn ngon và mua sắm cho nhiều đồ chơi mới. Ba lại đi lính ở xa nghe nói đâu tận ngoài Ai Tử. Ba đi vài tháng rồi về, về rồi lại đi, nghe Mẹ nói nơi đó nhiều nguy hiểm, nên mỗi khi nghe tiếng súng nổ mẹ nội lại lâm râm cầu nguyện cho Ba được bình an, tội nhóc chẳng biết chi là nguy hiểm vẫn cười toét.

Con sợ nhất là trước khi đi học Ba dò bài không thuộc thì phải quỳ quay mặt vào vách học cho thuộc mới được đi học, áo quần phải sạch sẽ, gọn gàng. Trong ký ức con nít, con có rất nhiều kỷ niệm về Ba, ngày con xin gia đình đi xuất

gia Ba đã ngăn cản mặc dù ôn mẹ nội là những phật tử thuần thành thọ bổ tát giới trường trai hơn năm mươi năm. Ba chỉ sợ cái tật con ăn cơm nhai lâu không nuốt rồi đói, mà trong chùa thì đâu phải như ở nhà mà tự do muốn ăn lúc nào thì ăn. Ba lại lo đủ thứ, con nhỏ hay bệnh, con nhỏ không lanh lẹ như người ta... Nhưng cuối cùng Ba cũng đồng ý theo lời thuyết phục của ôn mẹ nội mà cho con đi. Giờ nhớ lại ngày đó, con vẫn nao nao trong lòng. Ngày tiễn con, Ba buồn lắm dặn dò đủ thứ, mua cho nhiều vật dụng cần dùng; Mẹ thì không nói chi, vì tính Mẹ rất ít nói mà cũng không biểu lộ tình cảm với con cái (cũng không biết là Mẹ có thương mình hay không?).

Thời gian trôi nhanh hai Ba con rất ít lần gặp nhau, con thì ở chùa, Ba lo toan cuộc sống, nhiều lúc về không

gặp Ba con lại đi. Nghe nói dạo này Ba ốm hơn con nghe mà xót xa cả lòng. Chưa một lần con nói cho ba biết những vất vả trong đời sống hành thiền của mình, khi không có người thân bên cạnh, sợ Ba biết rồi buồn vì thương con. Một thời gian dài con tu chùa ở Đà Nẵng rồi đi học ở Sài Gòn, bao nhiêu chuyện vui buồn xảy đến với con Ba đều biết, con cũng không hiểu Ba đã hỏi ai, vì thời đó làm chi có điện thoại, facebook máy móc tinh vi như bây giờ. Con có thể đoán đó là tình cảm thiêng liêng cốt nhục tình thâm giữa con và Ba mà Ba đã cảm nhận được. Bởi vì:

"Ăn cha là đại dương vô tận

Con chỉ là con sóng nhỏ lăn tăn."

Ba ơi! Giờ con ngồi viết những dòng chữ này gửi đến Ba chắc Ba sẽ không đọc được nữa vì thân xác Ba về miền



đất lạnh đã bảy năm rồi. Mỗi năm đến tháng mười âm lịch gần ngày giỗ Ba, con lại băng khuâng, nhớ nhớ thương thương trong lòng. Con gói món quà nhỏ về đốt cho Ba nén nhang với tâm thành kính cũng là sưởi ấm lòng con trong những tháng ngày đông giá ở phương trời xa. Phần mộ Ba nằm ở nghĩa trang thành phố Huế phía bắc sông Hương, chỉ có một mình Ba nằm cô đơn vì ở quê mình có lệ sẽ di dời các mộ phần nên mọi người phải đưa Ba đi xa. Ba năm đó bên cạnh đường đi, chắc Ba thích lắm vì tính Ba ưa vui và đông người qua lại; nhất là vào dịp lễ Vu Lan, Tết thanh minh, Tết nguyên đán, con đường có nhiều xe chạy ngang, có những cây to bên vệ đường, xa xa có khe nước chảy róc rách nghe cũng vui tai, khung cảnh hữu tình. Không biết Ba có làm thơ khi các chú chim bắt đầu chào đón một ngày mới hay khi hoàng hôn sắp buông xuống bao phủ núi rừng? Chung quanh Ba có rất nhiều bạn bè, dù chưa quen biết nhưng từ từ sẽ là những người bạn mới thân thiết của Ba ở bên kia thế giới.

Mỗi lần có dịp về quê, con cùng các em lên thăm mộ Ba, con đã tâm sự thật nhiều với Ba, con đã nói cho Ba nghe những điều con chưa bao giờ nói khi Ba còn sinh tiền; tuy không nghe nhưng con tin là Ba đã thấu hiểu được tấm lòng của con. "*Ba ơi con gái của Ba đã về với Ba đây, Ba có vui không?*" Chung quanh con chỉ có tiếng gió rì rào, thông reo vi vu, mưa rơi lạnh lùng con thầm cảm nhận như có bóng hình Ba đang phảng phất đâu đây qua làn khói lam chiều tà. Rồi con lại ra đi phương trời xa với vợ. Mỗi lần bị đau con lại tủi thân vô cùng, con đã gọi Phật gọi Ba giúp cho con bớt đau với. Đức Phật Chỉ mỉm cười im lặng. Ba thì chẳng nói chi, nhưng rồi cơn đau vẫn hành hạ, nước mắt vẫn chảy... Con một mình lại phải cố gắng chống chọi với cơn đau. Con gọi thăm Ba ơi! Chắc Ba sẽ cười và nói "*Con nhỏ này tu*



Chùa Quang Minh

lâu rồi mà rằng không tiến bộ, lớn rồi mà còn khóc nhe."

Tháng mười ngày Ba ra đi vĩnh viễn, một ngày mưa lụt nước dâng, cứ in sâu đậm trong tim con. Ba tuổi con rồng nên nước phun ngập trời, con nghe nói ai tuổi con rồng mất vào mùa nắng khi đám tang cũng có mưa rơi. Con lo sợ nên cứ lâm râm cầu nguyện ngày đưa Ba ra đi mong sao trời tạnh ráo, để quý thầy cô và bà con không bị ướt. Nhưng rồi đất trời cũng chịu lòng những người con hiếu thảo: ngày đưa Ba đi trời nắng ráo khi gần bỏ quan tài xuống có cơn mưa nhỏ, nhiều người bảo như vậy con cháu sẽ làm ăn lên, con cũng không biết là sau khi vắng Ba nhà có lên nổi hay không?

Mùa thu lại đến, mưa thu hiu hắt, nỗi buồn chạm vào trái tim bé nhỏ của con! Biết nói sao đây khi cuộc đời vốn là vô thường, ái biệt ly khổ... Bốn chân lý mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng từ những ngày đầu bình minh của chánh pháp, con đã học thuộc lòng, trả lời vanh vách khi có người hỏi tới; nhưng vẫn đau lòng rơi nước mắt khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng, trước cảnh sinh ly tử biệt.

Trong căn nhà nhỏ ở một nơi xa xôi quê hương thân yêu Việt Nam của xứ Thần Kinh thơ mộng, nơi có núi Ngự sông Hương, có tiếng chuông chùa êm đềm huyền diệu vào mỗi đêm khuya và buông xuống khi hoàng hôn tắt nắng, có dòng sông tuổi thơ, có mái ấm gia đình chị em nhiều kỷ niệm buồn vui, có đồng lúa chín vàng hương thơm, có mùa nước lũ làm bao người điều linh, cơm không đủ ăn áo không đủ mặc... Dù sao đi nữa, sướng hay khổ hạnh phúc hay bất hạnh, quê hương vẫn là trái ngọt thơm thơm như giòng sữa mẹ thương yêu ấp ủ con những ngày còn tấm bé.

Con hứa một ngày nào đó thuận duyên sẽ trở về trong căn nhà nhỏ nhân ngày giỗ Ba, vì từ khi Ba mất đến giờ con chưa có dịp trở lại đúng ngày kỵ Ba. Xin tạm biệt hoài niệm để trở về thực tại là phải đồng mãnh tinh cần tu tập trong chánh pháp, siêng năng công phu công quả như lòng Ba hằng mong muốn. Xin kính nguyện Ba luôn nương theo ánh hào quang của Đức Phật A Di Đà để được thành thoi bên kia miền tịnh cảnh. Con kính chào Ba.

Thích Nữ Giới Định

RỜI ĐỜI CŨNG NHƯ KHÔNG

Có trăm năm dậy mộng
Rời đời cũng như không
Có em ngang biển rộng
Để nghe sóng trong lòng.

Hồn như mây bay chậm
Vây mà quá xa xăm
Tôi đâu còn chỗ dựa
Cùng em nổi thẳng trâm.

Những thét gào sóng dội
Cho biển cả bạc đầu
Thì cũng là tiếng động
Đồng vọng giữa chiêm bao.

Thất thanh lời yêu dấu
Từ một cõi biệt ngàn
Em như cơn mưa lớn
Rắc vào cuộc tình tan.

Cho đầy thêm giọt lệ
Trong đôi mắt đã tràng
Mà tôi là hạt cát
Để em còn xoắn xang!

Một thời tình lãng đãng
Đang trôi giạt bênh bồng
Tôi có bơi ngược sóng
Rời cũng phải tay không...

thơ

HƯ VÔ

Rời đời cũng như không

Nhạc: NHẢ THANH
Thơ: HƯ VÔ



n_t_nha@yahoo.com

CHÂN KHÔNG CHỊU NGHỈ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Tóm lược

Gọi là hội chứng vì rối loạn gồm có một số dấu hiệu triệu chứng tìm ra do quan sát lâm sàng chứ không phải là một diễn tiến có căn bản bệnh học.

Hội chứng được giáo sư người Thụy Điển KarlAxel Ekbom diễn tả vào năm 1945 như là một bệnh trong đó bệnh nhân thấy như có kiến bò châm chích ở bắp chuối. Tuy nhiên, cho tới nay hội chứng vẫn chưa hoàn toàn được giải thích tường tận.

Hội chứng xảy ra ở cả nam lẫn nữ nhưng nữ gấp đôi nam. Tuổi nào cũng có thể mắc bệnh nhưng nhiều hơn là từ tuổi trung niên tới trưởng thành.

Theo National Institute of Neurological Disorders and Stroke - National Institutes of Health, 2/3 người trưởng thành tại Hoa Kỳ có thể bị rối loạn này trong đó có khoảng 5 triệu trong tình trạng trầm trọng. Trẻ em ở tuổi đi học cũng có khoảng 1 triệu em bị bệnh. Bệnh nhân nhiều khi không tìm điều trị vì cho là không quan trọng hoặc do stress, mất ngủ, đau xương khớp hoặc vì tuổi già.

Trên 80% người bị RLS (Restless Legs Syndrome) cũng bị chứng giật chân trong khi ngủ, tiếng Anh gọi là *periodic limb movement of sleep* (PLMS): cơ giật từ 5- 10 giây, lặp đi lặp lại suốt đêm khiến cho họ mất ngủ.



Dấu hiệu

Đa số bệnh nhân diễn tả dấu hiệu của bệnh như sau:

- Mỗi lần ngồi bất động một thời gian lâu như là trên máy bay, trong xe hơi, coi hát bóng là tôi có cảm giác như có cái gì nó bò trong chân, hơi buồn buồn, giật giật, đau đau, ngứa ngứa rất là khó chịu.

- Điều lạ là khi tôi hơi cử động nhúc nhích chân một chút như là duỗi chân, đứng dậy đi lại thì cảm giác này biến mất.

- Cảm giác khó chịu này hầu như không có hoặc rất ít vào ban ngày nhưng cứ tới ban đêm là tái xuất hiện gây ra phiền phức nhiều hơn.

- Cảm giác thường thấy nằm sâu ở bắp chuối, giữa đầu gối và cổ chân, đôi khi ở đùi, bàn chân hoặc cánh tay. Có thể ở một hoặc hai chân.

- Mỗi khi bực tức, căng thẳng thì triệu chứng bệnh rõ ràng hơn.

- Cơ khó chịu kéo dài cả giờ đôi khi lâu hơn.

- Khi nằm ngủ ban đêm là tôi phải để chân ở ngoài chăn, vì nếu chân nóng là khó chịu lại xuất hiện. Có khi đang ngủ tôi bị rối loạn đánh thức dậy và tung phai chân ra ngoài.

- Không bao giờ tôi gặp hoàn cảnh như vậy khi tôi đứng lâu hoặc bận rộn làm việc.

Các nhà chuyên môn phân tích các cảm giác bất thường hoặc vừa bất thường vừa khó chịu như là các creeping, crawling, tingling, pulling, twitching, tearing, aching, throbbing, prickling, or grabbing. Vì cảm giác này cho nên nhiều người không đi vào giấc ngủ hoặc không ngủ ngon giấc được.

Nguyên nhân gây bệnh

Trong đa số các trường hợp, nguyên nhân gây ra RLS chưa được xác định rõ ràng. Sau đây là một số nguyên nhân được nêu ra:

- Nhiều nghiên cứu cho hay RLS có tính cách thừa kế gia đình: nếu cha mẹ bị bệnh thì

con cái có tới 50% nguy cơ cũng bị bệnh đặc biệt là khi bệnh xuất hiện ở tuổi thiếu thời.

- Có nghiên cứu cho hay RLS gây ra do sự rối loạn của chất dẫn truyền thần kinh dopamine, đưa tới những cử động không tự chủ của cơ bắp, tương tự như trong trường hợp bệnh liệt rung Parkinson.

- Bệnh nhân tiểu đường, suy thận, rối loạn dây thần kinh ngoại vi cũng hay bị RLS.

- Một số dược phẩm có thể làm cho bệnh trầm trọng hơn, như là thuốc trị bệnh rối loạn tâm trí haldol, trầm cảm, thuốc chống dị ứng...

- Phụ nữ có thai ở giai đoạn cuối, nhưng sau khi sinh thì rối loạn không còn nữa.

- Uống nhiều rượu hoặc thiếu ngủ cũng khiến cho RLS trở nên khó chịu hơn.

Định bệnh

Cho tới nay, chưa có xét nghiệm nào để xác định bệnh. Chẩn đoán bệnh căn cứ vào diễn tả của bệnh nhân về các dấu hiệu, thời gian dấu hiệu xuất hiện và bệnh nhân làm gì để giải tỏa nỗi khó chịu. Có 4 tiêu chuẩn để kết luận:

- Rối loạn trầm trọng vào ban đêm trong khi đó ban ngày thì bình yên vô sự;

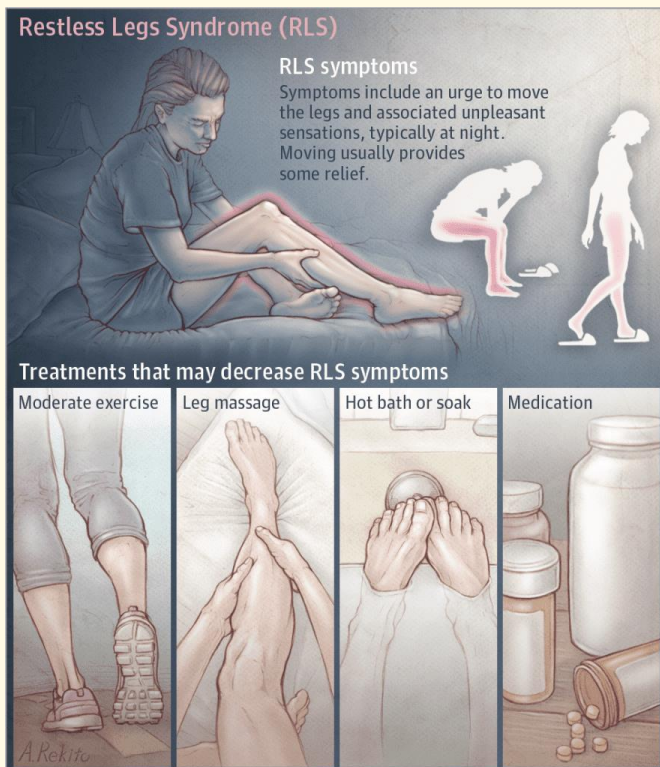
- Bệnh nhân thấy có một thôi thúc cần phải nhúc nhích chân đó để bớt khó chịu;

- Động lực tạo ra rối loạn là sự nghỉ ngơi, thư giãn hoặc giấc ngủ;

- Dấu hiệu biến mất khi nhúc nhích cử động chân.

Điều trị

Chưa có điều trị dứt bệnh mà chỉ tìm phương thức giảm bỏ những cảm giác khó chịu



của người bệnh chẳng hạn như:

- cử động chân mỗi khi dấu hiệu xuất hiện;

- thay đổi nếp sống như giảm tiêu thụ rượu, cà phê, thuốc lá;

- nếu xét nghiệm máu thấy thiếu sắt, magnesium, folic acid thì dùng thêm;

- tìm ra những rủi ro có thể gây bệnh thì chữa như suy thận, viêm dây thần kinh ngoại vi;

- vận động cơ thể, massage chân bị bệnh.

Bác sĩ có thể dùng một số dược phẩm để trị bệnh, như là thuốc thuộc nhóm dopamine trị bệnh Parkinson, thuốc chống trầm cảm, chống kinh phong, thuốc thư giãn giúp ngủ ngon.

Tiền lượng

Bệnh sẽ kéo dài có khi suốt đời và hầu như không chữa dứt. Tuy nhiên bệnh không gây ra nguy hiểm tới tính mệnh. Có chăng chỉ là những đêm mất ngủ khiến cho sinh hoạt ban ngày chịu ảnh hưởng đôi khi đưa tới giảm hiệu năng làm việc.

Thay đổi nếp sống

Với một nỗi khó chịu dai dẳng làm khó cho mình, đôi khi bệnh nhân cần áp dụng một nếp sống thích nghi hòa hợp với bệnh đồng thời giảm khó chịu do bệnh gây ra.

Bệnh nhân có thể:

- Dùng thuốc để giảm cơn đau khó chịu như Ibuprofen, Tylenol...;

- Tắm và massage cơ bắp xương cốt để tránh cơ căng cơ giật;

- Thực hành thư giãn tâm thân với thiền, yoga;

- Sắp đặt để có giấc ngủ bình an, tránh mệt mỏi ban ngày;

- Tụy nghi chườm nóng hoặc lạnh nếu thấy giúp giảm đau, khó chịu;

- Vận động cơ thể để cơ thư giãn, khớp trơn tru;

- Cắt giảm rượu, cà phê, thuốc lá hoặc các chất kích thích thần kinh.

Làm sao để biết tôi bị RLS

Vì hội chứng khá mơ hồ phức tạp, cho nên nhiều người cứ thắc mắc là như vậy làm sao tôi biết có bị chứng Chân Không Chịu Nghỉ này. Thì các nhà chuyên môn đề nghị quý vị trả lời các câu hỏi sau:

- Khi ta ngồi hoặc nằm, ta có một thôi thúc phải cử động chân không?

- Thôi thúc đó có rất khó mà cưỡng lại không?

- Thôi thúc đó có thường xuất hiện trong khi nghỉ hoặc ngồi im?

- Cử động chân có làm giảm khó chịu đó không?

- Rối loạn đó có thường xảy ra vào ban đêm không?

- Ta có làm bạn đồng sàng thức giấc vì các cử động chân của mình?

- Có bao giờ ta có những cử động ở chân không chủ động khi ta thức?

- Ta có mệt hoặc không tập trung trong công việc vào ban ngày?

- Trong gia đình có ai bị rối loạn này không?

- Có phải sau khi bác sĩ khám bệnh, bác sĩ không tìm thấy một nguyên nhân thể chất nào phải không?

Nếu đa số câu trả lời là CÓ thì bạn có thể bị hội chứng Chân Không Kiên Nhẫn.

Kết luận

Các nhà chuyên môn y học đều có chung ý kiến rằng Hội chứng Chân Không Chịu Nghi là một hoàn cảnh có thể kéo dài suốt cuộc đời người bệnh. Tuy nó không đưa tới nguy hiểm tới tính mạng nhưng cũng gây ra khó chịu cho đời sống: giấc ngủ không êm đềm lại quá ngắn, ban ngày mệt mỏi, kém sinh lực, lúc nào cũng có thôi thúc cất bước cử động chân cẳng, rồi buồn bực trầm cảm gặt gồng mất vui.

Vì vậy Restless Leg Foundation đã đưa ra hướng dẫn như sau để bệnh nhân tùy nghi áp dụng, gọi là làm sao chung sống với bấp chận thường xuyên muốn lao động của mình:

- Chia sẻ khó khăn của mình cho bạn bè thân nhân để họ thông cảm hỗ trợ khi mình phải thường xuyên đi qua đi lại, khi không ngủ ngượng đôi chân;

- Khi thấy cần cử động thì cử động, đừng cưỡng lại: cử động để bớt khó chịu thì mình cứ làm. Hoặc đang đêm thức giấc khó chịu muốn bước vài bước thì cứ đứng dậy mà đi hoặc làm một công việc nào đó. Hết khó chịu là lại vào giường, ngủ khò.

- Có khi phải nâng cao bàn làm việc để có thể đứng khi đọc hoặc đánh máy;

- Bắt đầu buổi sáng với stretching và massage nhẹ nhàng cơ thể giúp thư giãn, giảm co cứng cơ khớp;

- Tìm kiếm hỗ trợ từ bạn bè, nhóm đồng bệnh tương lân và nhân viên y tế.

Xin hãy áp dụng lời khuyên này, có khi lại có kết quả tốt.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com



NHẬN MẶT

(riêng anh...)

*giữa hai bên bờ đối nghịch
giòng sông chảy mãi vẫn đầy
vết cửa hình thành chứng tích
vân thạch di luân . trắng tay*

*mụ cười rất em . ngạo nghệ
bông rât . giầu mộ swong . rơi
yêu em . dọn lòng nghe . kê
gả buồn . trọ bóng nằm nơi*

*thanh khiết . chạm em . lẽ thật
mộng trắng sau nếp áo rằm
cường môi uống nhàu kỷ ức
thiên đường công đại lời . cam*

*đốt đêm . voi từng giọt sấp
chảy lòng ta phục sinh nhau
yêu em . hạch thân làm nháp
nguyệt ngoạc kê nền vách sào*

*bước em về . từ quá khứ
đôi hoa khêu đèn kéo quân
no mắt . dậy thì tố nữ
hoang đàng / thánh thiện . vị nhân*

*ký thác đời . trên xương lá
cội xưa rửa tội huyền năng
yêu em ta-hiên-như-bụi
vô hình . nhận mặt . trầm tâm*

thơ **YÊN CHI**

The Story of the Woman Who Ate up the Eggs of a Hen

Dhammapada, Verses 291

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (291) of this book, with reference to a feud between a woman and a hen.

Once, there lived a woman in a village near Savatthi. She had a hen in her house; every time the hen laid an egg she would eat it up. The hen was very much hurt and angry and made a vow to have vengeance on the woman and made a wish that it should be reborn as some being that would be in a position to kill the offspring of that woman. The hen's wish was fulfilled as it was reborn as a cat and the woman was reborn as a hen in the same house. The cat ate up the eggs of the hen. In their next existence the hen became a leopard and the cat became a deer. The leopard ate up the deer as well as its offspring. Thus, the feud continued for five hundred existences of the two beings. At the time of the Buddha one of them was born as a woman and the other an ogress.

On one occasion, the woman was returning from the house of her parents to her own house near Savatthi. Her husband and her

young son were also with her. While they were resting near a pond at the roadside, her husband went to have a bath in the pond. At that moment the woman saw the ogress and recognized her as her old enemy. Taking her child she fled from the ogress straight to the Jetavana monastery, where the Buddha was expounding the Dhamma and put her child at the feet of the Buddha. The ogress who was in hot pursuit of the woman also came to the door of the monastery, but the guardian spirit of the gate did not permit her to enter. The Buddha, seeing her, sent the Venerable Ananda to bring the ogress to his presence. When the ogress arrived, the Buddha reprimanded both the woman and the ogress for the long chain of feud between them. He also added, "If you two had not come to me today, your feud would have continued endlessly. Enmity cannot be appeased by enmity; it can only be appeased by loving-kindness."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 291. He who seeks his own happiness by inflicting pain on others, being entangled by bonds of enmity, cannot be free from enmity.

At the end of the discourse the ogress took refuge in the three Gems, viz., the Buddha, the Dhamma and the Sangha, and the woman attained Sotapatti Fruition.

EGOISM

Whoever by seeking only own happiness causes another to suffer, becomes entangled in aversion thereby and is never freed from this poison of 'going against the harmony' when doing so.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.



Quả báo của lời nói, hành động đâm thọc lỵ gián

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Xưa có một vị Tỳ kheo tên Kondaahana, kể từ khi vị này xuất gia, hễ Thầy đi đâu thì sau lưng Thầy cũng có một người phụ nữ đi theo sau, riêng Thầy thì Thầy không biết gì cả, nhưng ai ai cũng đều thấy.

Khi đi khất thực, những thí chủ cúng dường để vào bát Thầy hai muống cơm, muống thứ nhất họ nói: Muống này là phần Thầy, và muống thứ nhì là phần cô bạn của Thầy.

Các vị Tỳ kheo thấy như vậy đĩnh ninh Thầy phạm giới Bất cộng trụ mới đi nói với

Trưởng giả Cấp Cô Độc và yêu cầu ông đuổi Thầy Tỳ kheo Kondaahana ra khỏi chùa. Ông Trưởng giả không dám. Chứ Tỳ kheo cho bà tín nữ Visakha biết, bà cũng không dám. Các thầy mới vào châu Đức vua Ba Tư Nặc và thuật tự sự. Đức vua nhận lời. Chiều lại vào chùa, vua cho quan quân bao vây chánh điện, còn vua thì lên điện. Thầy Kondaahana nghe ồn ào mới ra coi, thì vua thấy sau lưng Thầy có một người phụ nữ, riêng Thầy thì biết vua đến liền trở vào. Gặp Thầy, vua không đành lễ, nhưng

vua lại không thấy hình người phụ nữ lúc ở ngoài. Vua tìm trong kẹt cửa dưới gầm giường cũng không thấy, mới hỏi:

- Bạch Thầy, trẫm vừa trông thấy một người phụ nữ ở tại đây, cô ấy đâu rồi?

- Tâu Đại vương, bản đạo không thấy.

- Chính trẫm thấy một người phụ nữ đứng sau lưng Thầy.

Thầy Tỳ kheo vẫn quả quyết.

- Bản đạo không biết và không thấy.

Đức vua nghĩ: "Chuyện này sao kỳ thế!" Vua mới nói:

- Vậy xin Thầy hãy đi ra ngoài.

Khi Thầy đi thì lập tức có người phụ nữ theo sau lưng. Vua trông thấy rõ rồi, mới mời Thầy vào. Thầy trở vào và ngồi xuống.

Khi Thầy đi vào, vua trông chừng theo hình của người phụ nữ ấy, nhưng bỗng dưng lại biến mất. Vua lấy làm lạ mới hỏi:

- Bạch Thầy, còn người phụ nữ ấy đâu?

- Tâu Đại vương, bản đạo chẳng thấy người phụ nữ nào cả.

- Xin Thầy thành thật nói cho trẫm rõ.

- Tâu Đại vương, hàng Đại chúng đều nói rằng có một người phụ nữ đi sau lưng bản đạo, mà bản đạo thì không thấy.



Vua mới nghĩ rằng đây là hình giả, nhưng hãy còn nghi nên lại phán rằng:

- Vậy xin mời Thầy đi khỏi chỗ này lần nữa.

Thầy ra đứng ngoài thì hình người phụ nữ lại hiện ra đứng sau lưng. Đức vua hỏi Thầy vẫn trả lời như trước.

Vua mới nghĩ: "Quả thật là hình giả," vua mới thưa rằng:

- Bạch Thầy, một khi đã có điều không được trong sạch thế này, thì không có ai trong sạch cúng dường cho Thầy, vậy từ đây Thầy cứ vào cung nội, trăm xin cúng dường những vật dụng cho Thầy.

Các thầy Tỳ kheo mới nói với nhau rằng: Quý Thầy nghĩ xem nhà vua ương hèn thái quá, chúng ta đã mời vào để xem tình tệ như thế này lại không chịu đũa Thầy Tỳ kheo phá giới ấy, mà còn mời vào cung để cúng dường. Rồi các thầy mới nói với Thầy Kondaahana rằng: "Này kẻ phá giới! Nhà vua cũng là kẻ hèn như người vậy."

Lúc trước Thầy không có bằng cứ để đáp lại, nhưng bây giờ đã được nhà vua làm chứng nên liền trả lời rằng: "Các người là kẻ phá giới, các người là kẻ dẫn gái đi." Các thầy Tỳ kheo mới đem chuyện ấy vào bạch với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn gọi Thầy vào hỏi:

- Thầy có mắng các Thầy Tỳ kheo kia không?

Thầy bạch:

- Bạch Thế Tôn, vì các Thầy ấy nói đệ tử.

Đức Thế Tôn hỏi các Thầy kia:

- Tại sao các Thầy lại mắng Thầy Tỳ kheo này?

- Bạch Thế Tôn, vì chúng con thấy một cô phụ nữ đi theo sau lưng của Thầy Tỳ kheo này.

Đức Thế Tôn mới phán hỏi Thầy Tỳ kheo Kondaahana rằng:

- Các Thầy Tỳ kheo này có thấy một người phụ nữ đi theo sau lưng người, vậy tại sao người lại không thấy, mà lại gây gỗ với các Thầy Tỳ kheo này. Quả này cũng do nơi nghiệp đê tiện của người kiếp

trước, vậy mà hiện nay tại sao người cũng không bỏ tánh đê tiện ấy?

Lúc ấy các Thầy Tỳ kheo đồng bạch với Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, Thầy Kondaahana làm nghiệp thế nào trong quá khứ?

Đức Thế Tôn mới dạy rằng:

- Trong thời kỳ Đức Phật Ca Diếp, có hai vị Tỳ kheo yêu thương nhau chẳng khác nào anh em cùng một cha mẹ. Thời kỳ ấy, mỗi năm Chư Tăng hội làm lễ Phát Lồ một lần. Gần đến ngày Phát Lồ, hai thầy rủ nhau đi định đến nơi làm lễ phát Lồ. Lúc đi giữa đường, có một vị Chư Thiên ở cõi Trời Đao Lợi thấy hai vị thương nhau mới nghĩ rằng: "Hai vị Tỳ kheo này rất thương yêu nhau, ta có thể chia rẽ được không?" Trong khi Chư Thiên đang nghĩ kể chia rẽ, thì một trong hai thầy nói rằng:

- Xin Thầy vui lòng đợi tôi một chút, tôi cần đi sông.

Vị Chư Thiên mới đợi cho thầy Tỳ kheo ấy đi sông xong, khi từ trong bụi đi ra, vị này liền hóa ra một người phụ nữ một tay nắm lấy quần, một tay vén tóc làm như mới vừa ân ái với Thầy Tỳ kheo ấy xong. Vị Chư Thiên cố ý đợi cho Thầy Tỳ kheo kia thấy rồi mới biến mất.

Do đó, khi Thầy Tỳ kheo này đến thì vị kia liền nói:

- Thầy là người phá giới.

- Thưa Thầy đâu có!

Vừa rồi tôi thấy có một cô gái đi sau Thầy.

- Thưa Thầy chuyện này thật tôi không có.

Hai Thầy cãi nhau, kết cuộc hai Thầy chia đường nhau đi không bao giờ hợp nhau, vì không bằng lòng cùng nhau làm lễ Phát Lồ.

Vị Chư Thiên thấy kết quả tai hại như vậy mới nghĩ rằng: "Ta đã làm nên tội quá đáng lắm rồi," liền hiện xuống nói:

- Giới đức của vị Tỳ kheo này vẫn trong sạch, đây là do nơi tôi muốn thử hai Ngài thôi. Xin hai Ngài cùng làm lễ Phát Lồ chung.

Chừng ấy, hai vị Tỳ kheo mới chịu nghe theo và hoan hỷ cùng nhau làm lễ Phát Lồ.

Vì nghiệp đê tiện ấy, sau khi chết, vị Chư Thiên mới bị đọa vào địa ngục A Tỳ, thời gian nhiều kiếp, đến nay mới sanh làm Kondaahana.

Khi nhắc tiền kiếp của Thầy Tỳ kheo Kondaahana xong, Đức Thế Tôn mới phán rằng:

- Người vì nghiệp đê tiện ấy nên mới có chuyện phi thường như hôm nay. Thế mà người vẫn giữ tánh đê tiện ấy. Người không nên nói tiếng gì với các Thầy Tỳ kheo. Người phải nín lặng như người câm, khi người làm được như thế mới mong hết nghiệp và chứng đạo quả...

Thông Kham

"Thánh hiền kiêng mọi lời nói vu khống. Nghe thấy điều gì, người cũng không nhắc lại để gây mối bất hòa giữa người này với người nọ. Bực hiền hòa giải những người chia rẽ, kết chặt dây thân ái giữa người đồng tâm nhất chí. Bực hiền lấy sự hòa hợp của người khác làm sự vui thích của mình, coi đó là công việc là lạc thú của mình. Người chỉ nói những lời làm cho người hòa hợp."



ĐÃ TỪNG VẬY SAO

Rót ly vang đỏ tự mừng
Mấy mươi năm lẻ đã từng vẫy sao
Ừ thì chẳng đón đưa nhau
Thưa rằng quên đã từ lâu lắm rồi

CHỮ TÂM

Thưa rằng chớ lấy làm chơi
Vàng trắng khuyết nửa giữa trời ba sao
Mở ra muôn vạn lối vào
Ấy là tất cả lại nào có chi

HIỆN HÌNH LIÊU TRAI

Vũ trường đậm dật xập xình
Đèn màu loang loáng hiện hình liêu trai
Thanh thanh vóc hạc hình hài
Dẫu không duyên nợ vẫn hoài ngẩn ngơ

GÃ KHÙ KHỜ

Tâm tư khô cạn mạch nguồn
Mốc meo chữ nghĩa buông tuồng tứ thơ
Trần gian có gã khù khờ
Mấy mươi năm lẻ chưa hề tỉnh ra

QUỲNH HƯƠNG

Một lần thôi giữa đêm thanh
Trắng trong bạch ngọc mấy nhành thiên hương
Gặp đây giữa cõi vô thường
Mai này xa cách mười phương đất trời

NHƯ CHƠI

Sao em mướt mát mướt mà
Sắc không hiểu thế mà ta tôn thờ
Mấy ai học được chữ ngờ
Trăm năm đổi lấy một giờ như chơi

THỦY TIÊN

Ô hay mâm bạc chén vàng
Thủy tiên rục rờ mùa sang sớm này
Mình già mà chẳng kịp hay
Sao còn đủ để lòng say sắc trần

THỦY TIÊN (2)

Đầu mùa áo lụa xanh xang
Trắng trong bạch ngọc nắng vàng vương thôn
Cúng dường Thiện Thệ Thế Tôn
Hương là lời kệ vô ngôn giữa trần

HOA ĐÀO

Cuối đông đã rộ hoa đào
Mái chùa hải ngoại nao nao tác lòng
Mùa lên xuân sắc biếc hồng
Một cung trời mộng giữa giòng tử sinh

CÔI CHIÊM BAO

Em từ một côi chiêm bao
Sương pha tuyết phủ mà sao xuyên lòng
Ngẩn ngơ du tử giữa giòng
Đời xanh sao lắm lại hồng ước mơ

ĐƯỜNG

Đường đời lắm nỗi ngược xuôi
Đường tình mấy cuộc khóc cười đa mang
Đường vào đạo cả thênh thang
Đường trần em nhè đá vàng biết nhau

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ

Ất Lãng thành, 2019

Phật ở ngoài khơi xa

NHUY NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thằng con tôi học xong cấp ba thi trượt hết cả cao đẳng lẫn trung cấp nghề, nó liền xung phong làm lính đảo. Tôi gật đầu. Vợ giầy nầy, đang thời điểm xung đột căng thẳng, nếu xảy ra chiến trận anh lo kiếm con về mai sau chống gậy. Tôi sắp sẵn một nụ cười, "sẽ có."

Đêm ấy, khuya, điện thoại rù trên mặt bàn. Tôi và vợ giạt mình ở tiếng đầu tiên. Hai người ngó nhau, có cái gì đó bất ổn. Tôi thể hiện sự dững mẫn chồm dậy vô lấy điện thoại.

"Ba à. Mẹ ngủ chưa ba?"

"Trời, ngủ rồi, mà chưa."

Sao gọi vào giờ này?"

"Con đang ở chùa?"

"Chùa nào? Sao lại chùa?"

"Ở đảo cũng có ngôi chùa ba a. Ba để con nói chuyện với mẹ."

"Thì con cứ nói. Tới đó làm gì. Bỏ gác à?"

"Không. Ở đây có một vị sư tội lắm..."

"Ờ... ba nghe tiếng mõ rồi."

Tiếng mõ. Quen. Tôi hỏi sư có tụng kinh không, con tới gần ba nghe tiếng... Nó bảo sư đọc kinh rất nhỏ.

"Vậy sư trông thế nào?"

"Khó tả lắm, con mới chỉ gặp một lần hôm qua khi sư giạt áo, bây giờ đến chơi sư lại bận mất rồi. Con phải về vị trí bây giờ. Ba đưa con nói chuyện với mẹ tí."

Miền man. Vợ tôi nằm bên nói chuyện, rõ cả giọng đứa con lẫn tiếng mõ lạc dần giữa sóng.

Tôi bắt đầu nghĩ nghiêm

túc về con mình. Hồi cấp ba nó quen mấy đứa bên Thiên Chúa, thường xin về nhà chúng chơi. Tôi từng xuống đó tác nghiệp, bước vào cửa nhà thờ cao lớn đến mức thấy mình nhỏ bé vô cùng. Sau này thằng con có mượn về một số cuốn kinh. Tôi tự thấy làm lạ. Lúc còn nhỏ nó thường vẫn ăn cơm muối. Có một sự kiện tự ghi nhớ trong đầu: hồi ấy đói khát, vợ tôi nấu cháo gà... đến bữa nó lắc đầu kiên quyết không ăn. Con lớn tôi ít để ý, cũng bởi nó quá hiền lành sáng sủa. Đã có một sự chuyển biến âm thầm. Những gì liên quan đến giáo lý Kitô nó lượm lặt dần rời rớt. Những chân ngôn nhà Phật thấm vào tâm can...

Vợ tôi chìa di động trước mặt, bảo cắt. Tôi đã lan man về đứa con chứ không phải đối tượng tôi quan tâm ban đầu. Tiếng mõ. Tôi muốn lần theo tiếng mõ để biết ai là người từng nói chuyện với con tôi giữa biển khơi giống gió.

Lại nhớ đến một người bạn, người mà tôi và Phương tá hỏa kiếm tìm trong tủ nhục, trong sự kêu gào của lương tâm và trong niềm sám hối vô biên trước mười phương chư thánh.

Thường người dân gọi một nhà tu hành là Thầy hoặc Sư kèm tên người đó. Nhưng với Chân thì lại ngược: Chân sư. Người ta gọi vậy khi Chân còn mới học Phật, có tu song vẫn trong vòng vây gia đình và tình ái. Để biết, "chân tu" ở đây nghĩa gốc không hẳn là một vị sư cao thâm nương

miền tịnh độ, mà đơn giản là tên một người trần đang những bước đầu tiên trên đạo lộ.

Tôi vốn là bạn của Chân sư. Hẳn nhỏ tuổi hơn. (Xin mở ngoặc, tôi dùng từ "hắn" tức tôi đang muốn trỉ nứu Chân ở lại hồng trần, đang nói về Chân lúc mới le lói ý theo Phật). Tôi viết báo chuyên nghiệp còn hắn làm thơ nghiệp dư. Hồi hắn đưa mấy bài nhờ tôi gửi tờ báo mình công tác; được đăng hắn quá mừng, rồi trần trở lao vào thơ... Chiều ấy trời còn sáng và mây hồng phơi thắm, tôi mang tờ báo có in bài thơ của hắn đến nhà, tin hắn sẽ vui lắm. Xuất hiện ở đây là mơ ước của những nhà thơ chính danh; hắn lại đăng hai bài trang trọng, có cả minh họa trên nền màu. Ngạc nhiên tới. Hắn liếc qua, đứng dưng, tờ báo Phật giáo vẫn trên tay. Không thỏa mãn, hắn bảo. Ban đầu chỉ ước đăng thơ trên báo địa phương như các cụ hưu trí, rồi ước đăng ở các báo trung ương, đến những tờ có uy tín văn chương. Tạm đủ. Vẫn không thỏa mãn. Thực ra do bởi cái tâm mong cầu không bao giờ như ý. Hắn vẫn sẽ làm thơ, hắn nói, nhưng không mong cầu nữa. Được đăng là cơ hội để tu cái tâm mong cầu đắm lại.

Mày có bị gì không? Hắn cười khẩy, im. Tôi bảo việc đăng thơ từ báo địa phương lên báo văn nghệ trung ương đây chính là sự phát triển. Hắn mĩa. Đúng, đây là sự phát triển theo nấc thang của xã hội, nhưng lại là bước thụt lùi của tâm thức. Sự đăng đàn kia vun bồi cái ngã của hắn lớn thêm.

Nếu hẳn cứ làm thơ rớt cục giỏi lắm chỉ thành nhà thơ. Tôi trợn mắt. Nhà thơ đâu phải ai cũng được công nhận. Gật. Nhưng hẳn muốn là nhà sư. Nhà thơ dẫu cho cả trái đất này biết mặt, chết rồi cũng không cứu được mình nói chỉ đến siêu độ tha nhân.

Tôi toan bỏ đi chợt vợ hẳn vừa về.

Bạn của chồng, Phương nhận tôi. Nhiều bữa hai người uống say lẫn ra thêm, Phương phải điện vợ tôi đến. Có đêm sợ tôi trúng gió, Phương cùng ngồi taxi đưa tôi đến ngõ. Phương nhan sắc, dẫu còn thua cô bồ của tôi. Mỗi lần uống rượu tôi đều kể. Hẳn không ủng hộ, luôn đem nhân quả nghiệp báo dẫn mặt. Tôi cố chờn, đang cố gỡ ra. Những lúc nói chính là rượu khôn chứ đâu phải tôi dại. Hẳn giảng thêm: nhiều lúc nghiệp mày gây ra nhưng con phải gánh. Làm tôi rợn gáy, thú nhận: bữa hôm thẳng cu gãy chân, vợ điện, chính là lúc tao đang với bồ. Lại rượu khôn. Cũng sợ. Tôi dẫn lòng từ đây sẽ "tu" bớt. Rồi chuyện vỡ lở với gia đình bên bồ, tôi bị lên án dữ dội. Tôi đủ tinh táo để chọn lựa.

Vẫn thi thoảng tôi hẹn bồ, và hiện tại không biết đích màu gì. Hình như tôi đã hiểu lời Phật thông qua diễn ngôn của hẳn. Hàng ngày tôi lấp đầy quỹ thời gian với công việc, ăn uống, thư giãn... Ngồi buồn, không còn bạn, bấm di động gọi những sâu rượu, đều bạn. Đành chạy xe về nhà bày rượu ra lấp thời gian. Uống được hai ly đứng dậy loay hoay tìm di động vừa mới để đâu đó quên mất. Tìm ra. Bấm, chả biết gọi ai. Lướt hết mấy trăm cái tên, rồi thả máy. Tôi nhớ lời hẳn, "phải biết làm bạn với mình. Một mình làm bạn với chính mình mà không có điều kiện gì cả có nghĩa bạn thực sự hài lòng với chính mình trong bất kỳ hoàn cảnh nào. - Ngài Carolyn Rose Gimian nói vậy". Tôi ngửa cổ hắt ly rượu vào sâu trong họng. Muốn chạy xe đến nhà hẳn. Cũng sắp đứng dậy rồi... Lần



đầu tiên tôi phát hiện một điều hệ trọng: tôi muốn đến ngôi nhà của Chân không phải muốn gặp hẳn mà là một khuôn mặt khác.

Phương có Chân như sở hữu báu vật. Người đàn ông yêu thương vợ con, phong thái, đức độ. Chân không hề biểu hiện sự phản bội. Phản bội ở đây chỉ hiểu ở mức thấp nhất, là thoáng nghĩ đến bóng hồng nào đó. Nhưng người đàn ông như chiếc bình cổ giá trị đó ngày càng... lạnh. Những đêm đông, tấm thân nóng rực của Phương không khiến băng tuyết trong bình kia tan chảy. Gia đình Phương có người anh định cư nước ngoài, Phương lại chủ shop hàng thời trang ngoại, tiền không thiếu. Đạo Chân lạo vào thơ, Phương mừng, dẫu sao chồng mình đỡ buồn sau đản nghĩ việc.

Quảng thời gian đó Chân thường lên chùa Phong Vân trên núi xa, xe máy chạy khoảng tiếng mới đến nơi. Sư trụ trì xưa cũng lang bạt trần ai, sau thất cơ lỡ vận lên chùa trú thân, duyên nghiệp sao ở lại tu luôn. Sư yêu muôn hoa

cây cỏ, lại hay thơ phú. Chùa nức tiếng cảnh đẹp, thanh tịnh. Chân được Sư trụ trì cho đệ tử mời vào thật uống trà lúc Chân đứng ngắm rất lâu trước bài thơ của Sư treo ngoài chánh điện. Hai cõi hồn thơ quyền lấy nhau. Tuần trà chiều, Chân xuống núi và từ đó đều đặn lên chùa học Phật. Có hôm Chân tính ở lại; 9 giờ đêm thấy Phương thuê một ông xe thô tin cật dẫn lên nài về bằng được. Sư trụ trì nhìn Phương, lắc đầu: "Vợ nèn nã thể... ta thật ngại khen tâm lực của con."

Chân lạy Sư trở về không một lời phàn nàn. Đến nhà cũng vậy. Mâm cơm lạnh. Chân không ăn thì Phương quyết nhịn. Chân phải nhai qua quýt, rồi tới ngồi xuống chiếc bàn kiểu Nhật, ở trên mấy bộ kinh còn mở. Có một trang trong *Thánh cầu* (Ariyapariyesanasutta) thuộc quyền Trung Bộ hai ngày nay Chân không muốn lật. Đọc đi đọc lại mấy lần, chừng đã nhớ vẫn sợ quên, sợ không thấm thấu đáy sâu kiếp mình. "Này các Tỷ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh (...) tự mình bị chết... tự mình

bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái ô nhiễm. Nay các Tỷ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sanh? Vợ con là bị sanh (...) những chấp thủ ấy bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng."

"Người ấy" trong lời Đức Phật, Chân tự chỉ tay vào mình... và tiếng khóc ụp vào tai Chân. Tiếng mõ của Sư trụ trì chùa Phong Vân dội ra từ tâm thức, và Chân nghĩ mình cũng phải có một cái mõ như vậy để át mọi vọng động tục trần.

Sáng sớm, lúc vợ còn giấc ngủ sâu, sau giờ xem kinh và lập thiền, Chân lội sương lên chùa Phong Vân dự tuần trà sớm với Sư trụ trì. Sư dẫn Chân dạo khắp khuôn viên, trèo lên cả những ngọn núi vây quanh đều được đặt tên. Sư bảo chùa sắp phải sửa lại chánh điện, tiện thể Sư sẽ làm tặng Chân một cái cốc để bất cứ lúc nào Chân đến tu. Chân chỉ tay lên hòn Vô Trụ. Sư gật, vỗ vai Chân. Ừ. Hãy tập làm bạn với chính mình.

Đến tuần trà tối Sư trụ trì hỏi:

"Liệu vợ con có lại lên...?"

Chân nhìn ra ngoài vùng tối, lắc đầu thiếu tự tin.

Sư trụ trì gật, không mở lời thêm.

Trước lúc Chân chuẩn bị được ngồi thiền bên Sư thì điện thoại chùa reo. Sư alo và trao cho Chân. Phương bảo nếu anh không về em sẽ lên chùa ngồi ngoài sương chết cóng. Chân không trả lời, nhìn mặt Sư ái ngại. Sư lại gật. Chân nói vào điện thoại, anh sẽ về.

Sư chỉ tay vào chỗ trước mặt mình, ý bảo Chân ngồi xuống.

- Con về thật không?

- Dạ. Thú thực con muốn về nhưng cũng muốn ở lại.

- Ừm. Con đang hướng về cõi Tịnh với hai chân trên hai chiếc thuyền đó.

- Con hiểu Sư a.

Sư trụ trì rót trà vào ly của Chân.

- Ta không biết khuyên

con thế nào. Nếu phải nói thật thì ta muốn con ở lại, song cũng muốn con trở về làm tròn bổn phận người chồng... Thôi thế này. Bây giờ ta sẽ lập một công án, nếu con giải thông thì tự tay ta xuống tóc cho. Bằng không từ nay con đừng lên đây nữa.

Chân run run bưng ly trà lên nhấp vừa ướt môi.

- Ta vẫn thường làm thơ tứ tuyệt lục bát. Lục bát là thước đo chiều sâu tâm hồn người sáng tạo. Lục bát không chấp nhận sự thừa thặng ý tưởng, sự cầu thả khi dụng từ, không chấp nhận ép vần thất điệu. Con hiểu chứ?

- Dạ...

- Ta vừa có làm một bài thơ, mời chỉ được hai câu.

Ngồi thiền đội cả không trung

Sát na chánh niệm vô chùng tạp ngôn

Con hãy hoàn tất hai câu luận và kết để thành một bài hoàn chỉnh trực tứ. Ta nhắc lại, không được ép chữ, lại không được thất điệu lạc vần.

- Dạ.

- Giờ thì con hãy về.

Chân cầm hai câu lục bát xuống núi.

Phương gọi lúc tôi đã nằm bên vợ. Tôi đánh lạc hướng alo với thằng bạn, nêu tình hình bài viết vớ vẩn nào đó, vừa nói vừa đi ra sân thượng, khi đó mới nhỏ nhẹ Phương a, sao thế... Phương khóc rấm rứt... anh Chân ở lại chùa rồi. Anh bảo sẽ về nhưng em đợi từ chập choạng...

Tôi bỗng đứng ngẹn. Trời ơi, một người phụ nữ đẹp là vợ của bạn đang khóc nức bên tai mình...

Tôi rú ga trong mưa gió mịt mù. Dân làm báo nhiều lần chạy xe lên rẻo cao trong mờ mịt, nay cực nhọc hơn. Tôi bặm chặt môi miệng. Mưa tấp vào ráy rúa.

Tôi lệch đường với Chân. Một người trên đường Đạo, một người lún sâu vào đường Đời. Chân cuốc bộ theo đường khác, còn tôi theo đường chính lên chùa. Vắng. Sư trụ trì mới vào giấc thiền.

Tôi quỳ xe, nhiều lúc ngỡ lộn nhào xuống chân núi tan xương nát thịt. Một mạch về thẳng nhà Chân. Bên trong hơi tối. Tôi lần danh bạ "Chan su", không liên lạc được. Gọi "Phương em," giọng trả lời rất nhỏ: "Anh vào đi, cổng chưa khóa." Tôi luồn tay mở chốt, dắt xe vào, cởi áo mưa, vuốt lại tóc tai. Nhà của vợ chồng Phương xây theo kiểu ống, đường luôn rộng hai mét. Khách thường được tiếp ở phòng thứ hai; phòng đầu tiên nay Chân dành cho mình yên tĩnh. Lần đầu tiên tôi thấy Chân ngồi thiền, trước mặt là chiếc bàn với những bộ kinh, một cái mõ mới màu mận chín. Phương vẩy tôi vào sâu phía trong, gian thứ ba - phòng ngủ. Tôi lướt qua phía sau Chân như cái bóng.

Chân sư quán sát thấu nửa đêm thì tìm ra chìa khóa mở công án. Trước đây làm xong một bài thơ Chân không ngủ được, thao thức nhắm đọc đến thuộc vẫn trần trọc, vẫn còn muốn vuốt ve cảm xúc đến mòn vẹt từng con chữ. Nay Chân thả lỏng, gắng giữ cho đầu rỗng, và giấc ngủ mau chóng. Tỉnh dậy nắng đã hong khô chất nhờn trên cái mõ tròn. Nhà vắng. Đứa con gái của Chân sư nhập học ở thành phố bên kia đèo Hải Vân, nhà chỉ vợ chồng, sáng nay còn một. Chân sư mở mắt liền tự răn mình thân thiện với bản thân. Vệ sinh sạch sẽ, Chân sư mở tủ khoác thêm áo ấm, xếp mấy cuốn kinh vào túi. Chỉ vậy. Không mang theo cúc bạc nào.

Sư trụ trì chùa Phong Vân đang tươi hoa. Một giàn phong lan hơn trăm loài bung nụ. Chân cúi lạy Sư rồi thẳng vào thất. Sư trụ trì giao bình nước cho một đệ tử.

Chân và Sư đối diện.

- Thưa Sư. Con đến thông công án. Giải được hay không sáng nay con cũng dứt nhà ra đi.

Sư trụ trì đón lấy khay trà của một đệ tử khác vừa mang lên.

- Con cứ nói.

- Dạ. Con trộm nghĩ bài thơ của Sư đã tròn nghĩa; viết thêm hai câu quả không khó mà e sợ thừa. Bài thơ có thể ví như bản thể một người. Câu lục tượng trưng đôi vai rộng gánh vác sơn hà của người quân tử, câu bát tượng trưng đôi chân hơi mở vững chãi giữa đất trời.

- Vậy ra người không đầu sao con?

- Đúng thiếu đầu Sư ạ. Chính bởi bài thơ của Sư chưa có tên. Tên của bài thơ chính là đầu. Nhưng ấy là lỗi nghĩ phạm. Một người thông tỏ Đạo Pháp họ không dùng đầu nữa mà dụng Tâm thừa Sư.

Sư nhìn ngàn hoa phong lan cánh đầm sắc trời, như Sư chưa hề nghe một lời tường giải nào của Chân.

- Con này, ta sẽ xuống tóc cho con hôm nay, nhưng con không thể ở lại đây với ta được, đầu ta đang tìm một người như con thay ta...

- Dạ...

- Bây giờ con muốn đến chùa nào trên khắp dải đất chữ S này ta đều hoan hỉ giới thiệu.

- Thừa Sư... xin để con được đóng đo cặn kẽ.

(Tự thấy không xứng đáng xưng "tôi" nữa, tôi xin gọi mình bằng "hắn").

Lần đầu tiên hắn chờ Phương truy tìm Chân sư. Bả người. Máy xe nóng đến độ muốn nứt toe từng mảnh. Hắn nói hay cứ lên chùa Phong Vân. Phương cau có, đã bảo em điện lên Sư trụ trì rồi, Sư bảo Sư tu đến ngần này lại nói dối con. Nhưng cứ lên - hắn tỏ ra cáu - Chúng ta đã gọi hết người trong danh bạ, đã tìm khắp thành phố này, chỉ đường lên trời chưa rẽ vào thôi.

Chiếc xe Future móc số 2, rì giạt, chưa đến cổng chùa thì hết xăng, máy ngắt giạt ngược. Hắn bảo Phương ở đây. Phải đợi hơn nửa tiếng Sư mới xả thiền.

Sư trụ trì chế vào bình trà chút nước sôi, rót ra ly mời hắn.

- Một người chồng tìm

đường giải thoát cho mình nhưng để lại nỗi quạnh vắng cho vợ con, người đó có tội không thừa Sư?

- Này con, Thái tử Tất Đạt Đa có tội với một số người ít ỏi song có công cứu độ muôn người. Còn với bạn của con...

Kính về các nam Thiên Nhân và các nữ Thiên Nhân chép rằng: "Có một lần Đấng Thế Tôn đang du hành trên con đường cái nối liền giữa Mandura và Veranja, thì vào lúc ấy có đám đông các vị chủ gia đình cùng với các bà vợ của họ cũng cùng đi trên trục lộ quan trọng này. Đấng Thế Tôn rời khỏi đường cái và ngồi xuống một chiếc ghế được đặt dưới gốc cây cạnh vệ đường. Trông thấy Đấng Thế Tôn ngồi (nghỉ chân), đám người chủ gia đình cùng với các bà vợ bèn tiến đến gần, họ đành lễ Đấng Thế Tôn rồi lùi lại. Khi mọi người đều an tọa thì Đấng Thế Tôn cất lời:

"Này các người chủ gia đình, có bốn cách sống chung (trong cuộc sống lứa đôi). Vậy bốn cách sống ấy là gì? [Đây là] một người đàn ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một xác chết; một người đàn ông giống như một xác chết sống với một người đàn bà giống như một nữ thiên nhân; một người đàn ông giống như một thiên nhân sống với một người đàn bà giống như một xác chết. Trong trường hợp ấy, người chồng không sát sinh, không phạm vào tội ăn cắp, tránh được những hành vi tính dục... Trong khi đó thì vợ... phạm vào những hành vi tính dục bất chính (...) vợ hắn sống với tâm địa ô uế."

Việc con đến chùa hôm nay... Chân sư không nhận lời ta giới thiệu đến một ngôi chùa nào đó mà tự bước đi.

Người lính trẻ nhóm bếp, bắc ấm nước rồi trở lên tiếp kiến vị sư.

- Thừa sư, nếu như có đội quân hung hãn của một nước nào đó đến chiếm đảo này, chúng con phải bắn giết...

Vị sư đứng dậy, vào trong điện mang ra một cuốn sách, bìa vẽ ông vua ngồi trên ngai, đưa cho người lính.

- Đây là cuộc đời Phật Hoàng Trần Nhân Tông, người từng lãnh đạo quân dân đánh tan tác giặc Nguyên Mông. Sau đó Ngài rủ giáp lên Yên Tử tu thành chánh quả. Ấy là giặc đến xâm lược, chiếm cái không phải của chúng. Ta thì giữ những gì thuộc về ta... Tuy nhiên đây không phải là câu trả lời. Câu trả lời nằm trong cuốn sách trên tay con và con phải tự tìm lấy.

- Thừa sư. Con biết Phật Hoàng, tuy con chưa kịp đọc cuốn sách này. Nó có trên giá sách tư liệu của ba con.

- Vậy sao? Ba con làm nghề gì?

- Bạch sư ba con làm báo.

Vị sư hơi cau mày, nhìn kỹ hơn khuôn mặt người lính trẻ.

Những hình ảnh quá vắng xảy ra tại ngôi nhà của vị sư ngày nào chưa tan...

"Mạnh dạn tự tin mở chốt cổng, hắn không lén lút vào đường lòn mà thẳng vào gian phòng đầu tiên của ngôi nhà ống. Hắn quỳ xuống phía sau người đàn ông đang niệm Phật, lay ba cái trán chạm đất rồi nhón ngón lúi vào gian phòng sau với người phụ nữ..."

Chậm rãi. Vị sư nhìn ra phía biển.

- Con ơi sao chiều nay sóng dữ quá, không chừng bão mất thôi.

Sư lặng lẽ tới ngồi trước bàn Phật, tay cầm dùi mõ... cốc... cốc... cốc... cốc... tiếng mõ trầm đục... biển mê dậy sóng...

(trích từ MÁU ĐANG LỌC BỎI SỰ LẶNG YÊN, tập truyện ngắn của Nhụy Nguyễn)

Những hạt đậu biết nhảy

Tác giả: LÂM THANH HUYỀN

Dịch giả: Phạm Huê

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Truyện đã cũ, xin trích đăng lại để gửi tặng những ai đang phân vân trên đường tu tập cũng như tín tâm đối với Tam Bảo.

Tại biên giới của tỉnh Tây Khương sát với Tây Tạng, có một bà lão sống cô độc, chồng và đứa con trai duy nhất của bà đã qua đời. Bà sống nhờ một thửa đất nhỏ trồng những hạt ngũ cốc. Vì cuộc đời đã trải qua nhiều gian truân từ nhỏ, bà lão cảm thấy nghiệp chướng trong người rất nặng nên đã cố công tìm hỏi những người chung quanh phượng pháp chuộc tội để cầu xin cho tâm hồn được bình yên. Cuối cùng thì bà được một người hành hương tốt bụng truyền cho một câu thần chú của Quán Thế Âm Bồ Tát. Câu thần chú gồm có sáu chữ **Om Ma Ni Bay May Hô** (1) được gọi là Lục Tự Đại Minh Chú, có thể dùng để giải trừ những nghiệp chướng. Tội nghiệp cho bà già thôn dã đã đốt nát lại không biết chữ, trên đường về nhà bà lấm bầm cổ học thuộc lòng, nhưng đã nhớ lộn cách phát âm trở thành **Om Ma Ni Bay May Khuya**.

Để khích lệ cho việc đọc câu kinh sám hối này, bà bày ra hai cái chén, một cái chén không, còn một cái thì để đầy những hạt đậu nành. Mỗi khi đọc xong một câu thần chú, bà nhặt một hạt đậu từ trong chén đầy bỏ sang cái chén không, đến khi cái chén không đã đầy đậu thì bà làm ngược trở lại. Bà lão đã không ngừng nghỉ, thành tâm tụng niệm suốt 30 năm. Lòng thành kính của bà đã ứng

hiện cho nên sau này những hạt đậu không còn cần đến bàn tay của bà nhặt lấy, cứ một câu thần chú vừa được phát âm ra thì một hạt đậu tự động nhảy sang cái chén bên cạnh. Bà lão thấy những hạt đậu tự động nhảy nhót, cộng hưởng với âm điệu của câu thần chú thì biết rằng sự tu hành đã đúng đường và giai đoạn sám hối sắp sửa chấm dứt cho nên bà càng phấn khởi tụng niệm hăng say hơn nữa.

Hôm nọ có vị cao tăng từ Tây Tạng vân du qua đó, khi đi ngang qua chiếc lều tranh lụp sụp của bà, nhà sư thấy có ánh hào quang tỏa ra rực rỡ. Vị cao tăng này lấy làm kinh ngạc, ông nghĩ rằng bên trong chiếc lều tranh thế nào cũng có một vị chân tu đặc đạo. Ông vội vã ghé vào thăm hỏi. Bà lão lấy làm vui mừng khi thấy vị cao tăng đến thăm, bà quì xuống đảnh lễ, mà miệng thì vẫn cứ tiếp tục lẩm bầm câu thần chú Om Ma Ni Bay May Khuya. Vị cao tăng lấy làm ngạc nhiên vì không hiểu ánh hào quang rực rỡ mà ông thấy phía bên ngoài phát xuất từ nơi đâu? Ông lần lần hỏi thăm:

"Chẳng hay nữ thí chủ tu luyện bao nhiêu năm rồi? Ở đây còn có ai khác nữa không?"

"Thưa ngài, ở đây chỉ có một mình tôi sống cô độc hơn 30 năm nay." Bà lão đáp.

"Thật tội nghiệp, bà ở một mình chắc buồn lắm nhỉ?"

"Không đâu, tuy chỉ ở một mình, nhưng hàng ngày tôi tu hành và tụng niệm kinh sám hối để kiếp sau có thể hưởng được nhiều phúc đức của kiếp này, nhờ vậy mà tôi không cảm thấy buồn khổ. Nhất là từ lúc được một người hảo tâm chỉ cho cách tu luyện thì tôi càng có can đảm để sống hơn."

"Bà đang tu luyện kinh sách nào vậy?"

"Ồ, tôi không biết chữ, cho nên chỉ tụng niệm duy nhất một câu thần chú Om Ma Ni Bay May Khuya."

Nhà sư thở dài tiếc nuối:

"Bà lão ơi, bà đã đọc sai câu thần chú đó rồi, phải phát âm là **Om Ma Ni Bay May Hô** mới đúng."

Đến lúc này thì bà lão mới biết là đã đọc sai câu thần chú hơn 30 năm. Bà rất đau buồn vì sự nhầm lẫn trong đại này, như vậy thì công trình 30 năm tụng niệm coi như xe cát biển đông. Tuy nhiên bà cũng cảm ơn sự cải chính của nhà sư:

"Dù sao thì ngài cũng đã đích chính kịp lúc, bằng không thì tôi còn tiếp tục sai mà không biết cho đến bao giờ mới điều chỉnh đúng được."

Nhà sư từ giã bà lão để tiếp tục con đường truyền đạo của ông. Bà lão lại tiếp tục công việc tụng niệm của bà mà lần này với câu thần chú mới. **Om Ma Ni Bay May Hô**. Thế nhưng tâm tư của

bà còn hỗn độn vì sự việc vừa rồi cho nên ý chí của bà không được tập trung. Mỗi câu thần chú của bà đã không còn làm cho những hạt đậu hứng khởi nhảy sang cái chén bên cạnh như lúc trước. Bà lão vừa tụng niệm mà nước mắt cứ tuôn rơi, bà thăm tiếc cho công trình tu luyện hơn ba mươi năm như trôi theo dòng nước vì đã đọc sai câu thần chú.

Nhà sư đi được một đôi xa, ông ngoái đầu nhìn lại thấy căn nhà của bà lão không còn hào quang chói sáng. Bây giờ túp lều tranh hiện hình xiêu vẹo dột nát mà lại âm u buồn bã. Nhà sư giạt mình và nghĩ rằng chính ông đã làm hại người Phật tử này không còn tập trung được tư tưởng như lúc trước. Ông vội vã trở lại túp lều tranh và nói với bà lão rằng:

“Lúc này ta chỉ đùa với bà thôi, câu thần chú của bà tụng mới thật là đúng.”

“Nhưng tại sao sư phụ lại đổi gạt tôi như vậy?”

“Ta muốn thử xem lòng thành kính của bà đối với Tam Bảo (2) như thế nào vậy thôi. Từ nay về sau, bà cứ tiếp tục tụng niệm y như cũ là phải phép rồi.”

“Cám ơn Phật, vậy mà con

cứ tưởng rằng công lao 30 năm tụng niệm đã trôi theo dòng nước, đa tạ sư phụ chỉ điểm.”

Sau khi nhà sư ra đi, bà lão lại tiếp tục công việc tụng niệm, mỗi một câu *Om Ma Ni Bay May Khuya* được niệm ra thì tâm hồn bà rộn rã tươi vui và một hạt đậu tự động nhảy sang cái chén bên cạnh. Nhà sư đi lên đến đỉnh núi ông ngoái đầu nhìn trở lại thì thấy hào quang phát ra từ túp lều tranh của bà lão đã làm sáng rực cả một góc trời.

Trên đây là một câu chuyện đã được lưu truyền rất rộng rãi trong thế giới Phật Giáo, tôi chỉ sửa đổi lại một vài chi tiết nhỏ. Nhớ lại lần đầu tiên khi đọc xong câu chuyện này tôi rất lấy làm cảm động. Cảm động vì tấm lòng thành kính của bà lão đối với Tam Bảo. Câu chuyện này nói lên rằng âm điệu của thần chú tuy quan trọng, thế nhưng lòng thành kính, sự tin ngưỡng, và ý chí chân thành trong lúc niệm thần chú còn quan trọng hơn nhiều.

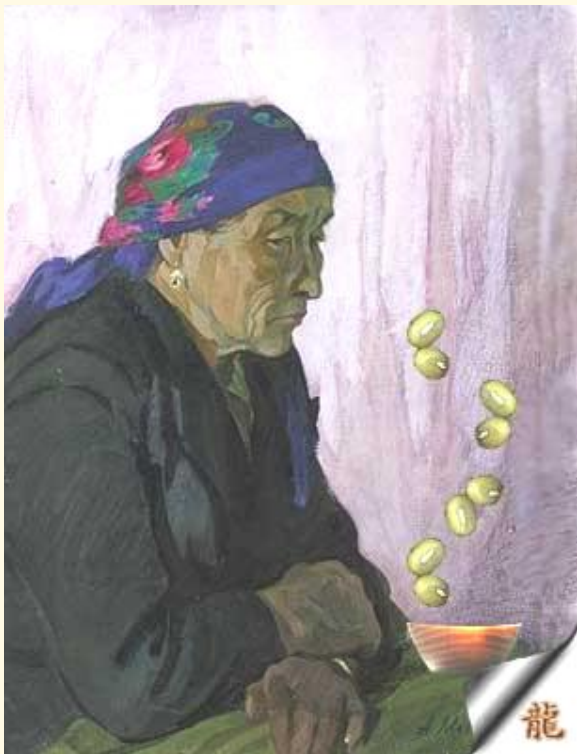
Thật ra sáu chữ trong Lục Tự Thần Chú này khó có thể lấy một từ ngữ nào để diễn đạt cho được trọn vẹn ý nghĩa. Miễn cưỡng thì ta có thể hiểu được đại ý là “Cầu xin tự tâm thanh tịnh, Liên Hoa Phật nở rộ trong lòng.” Từ chỗ này chúng ta thấy rằng triết lý nhà Phật luôn cho rằng khi muốn tâm hồn đạt được sự thanh tịnh, tất cả phải do sự tự phát từ đáy lòng của con người mà ra. Khi bà lão tụng Lục Tự Thần Chú, tâm địa của bà trong sạch, quang minh lỗi lạc như bầu trời không vướng bận một áng mây, vì vậy mà cách phát âm đúng hay sai của câu thần chú lúc đó không còn là một yếu tố quan trọng. Dĩ nhiên, đối với những người phạm phước tử chúng ta khi mà sự chân thành tôn kính chưa đạt đến một trình độ có thể làm cho những hạt đậu nhảy được thì âm

điệu chính xác của thần chú và kinh kệ hãy còn là một qui luật phải được thực thi đúng đắn.

Hiện nay Lục Tự Thần Chú của Quán Thế Âm Bồ Tát đã trở thành một câu thần ngôn được phổ biến rộng rãi trong thế giới Phật Giáo. Tuy nhiên rất ít người biết được nguồn gốc của câu thần chú này. Nếu như chúng ta biết được rằng Lục Tự Thần Chú đã nở ra từ hàng ngàn mảnh xương sọ của Quán Thế Âm Bồ Tát thì chắc hẳn chúng ta sẽ ngạc nhiên và rúng động hơn nữa.

Quán Thế Âm Bồ Tát là một đệ tử của đức Phật A Di Đà, ngài đã phát nguyện trước đức Phật Đà một lời thề vĩ đại: “Tận hết sức lực, thần thông để phổ độ tất cả chúng sinh. Nếu như còn một chúng sinh nào chưa được siêu thoát, đệ tử sẽ quyết không thành chánh quả. Nếu như tất cả chúng sinh chưa siêu thoát mà đệ tử nửa đường bỏ cuộc, thì xương sọ của đệ tử sẽ nứt vỡ thành muôn ngàn mảnh.”

Sau khi lập xong lời trọng thề, Quán Thế Âm Bồ Tát đã ứng hiện tất cả mọi thần thông, hóa thân thành trăm, ngàn, vạn hình hài cứu độ được vô số chúng sinh. Trải qua vô lượng kiếp luân hồi, chúng sinh được độ đã nhiều như Hằng hà sa số (3). Thế nhưng khi nhìn lại thế gian, ngài vẫn thấy hãy còn thiên vạn chúng sinh đang ngụp lặn trong si mê, trầm luân, trụ lạc; vẫn hãy còn vô số chúng sinh đang chịu những khổ nạn tai ách; và những chúng sinh đang tạo ác nghiệp cũng đông như cỏ kiến. Từ đó ngài suy diễn ra, nếu cứ tiếp tục luân hồi mãi mãi, thì nỗi đau đớn của chúng sinh sẽ còn tái diễn liên miên, sự việc độ trì chúng sinh do đó sẽ không bao giờ chấm dứt. Nghĩ đến đây, Quán Thế Âm Bồ Tát cảm thấy phiền não. Ngài nghĩ rằng: “Cái khổ của chúng sinh là do chúng sinh mà ra. Khi thế



gian còn tồn tại thì nỗi khổ của chúng sinh sẽ không bao giờ chấm dứt mà ta thì sẽ không bao giờ độ cho hết được. Lời thề ngày nào là do ta tự làm khổ lấy ta thôi. Nếu như đối với chúng sinh không có ích lợi, thì ta còn kiên trì với lời thề làm chi?”

Thương thay, khi ý nghĩ thối lui của Quán Thế Âm Bồ Tát vừa chợt xuất hiện thì lời thề của ngài tức thì phản ứng. Xương sọ của ngài tự nhiên nứt vỡ thành muôn ngàn mảnh, tản mát ra như một hoa sen trăm cánh. Đồng thời Phật A Di Đà cũng từ trong chiếc sọ rạn nứt này hiện thân (4) ngài nói với Quán Thế Âm Bồ Tát rằng:

“Thiện tai Quán Thế Âm, lời thề không thể bỏ, nuốt lời là đại tội. Những việc thiện trước đây, đều trôi theo dòng nước. Khuyến người tiếp tục tu, nguyện ước tự nhiên thành. Tam thế cùng thập phương (5), chư Phật cùng Bồ Tát, sẽ hết sức giúp cho, thành công đã đến gần.”

Sau đó Đức Phật A Di Đà đã truyền cho ngài khẩu quyết Lục Tự Thần Chú. Quán Thế Âm Bồ Tát sau khi nghe niệm Lục Tự Chân Ngôn, ngài đạt được đại trí tuệ, sinh đại giác ngộ, và tiếp tục giữ lấy lời thề mà không lùi bước. Chúng ta biết rằng Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Bi, là vị Bồ Tát có thiên thủ thiên nhãn, cứu khổ cứu nạn, linh cảm, linh ứng. Lực lượng của ngài có được là nhờ vào quyền năng Lục Tự Chân Ngôn của Phật A Di Đà truyền cho. Cũng từ sự tích này mà Lục Tự Chân Ngôn còn được gọi là Quán Âm Tâm Chú.

Đây là một huyền thoại rất cảm động, não bộ nứt ra trăm ngàn mảnh của Quán Thế Âm Bồ Tát nở thành đóa hoa sen ngàn cánh. Đó chính là sự tượng trưng đẹp đẽ nhất của Lục Tự Chân Ngôn. Trong số chúng sinh chúng ta, có bao nhiêu người nuôi được ý chí hủy hoại thân xác phạm trần hiện hữu thành tro bụi để nuôi dưỡng cho một

đóa hoa sen được ung dung nở trong tim óc mọi người.

Nhớ lại lần đầu tiên khi nghe xướng âm Lục Tự Chân Ngôn, thanh âm trầm hùng, trang nghiêm đôn thuận, thanh tịnh đã khiến cho tôi cảm động rơi nước mắt. Có thể nói rằng trên thế gian không có một thanh âm nào đồng đặc, tràn đầy lực lượng như câu thần chú này. Thật là:

*Một tấm lòng trong sáng,
Hoa sen nở rộn ràng,
Sen nở vùng đất sạch,
Trên nụ một Như Lai.*

Chú thích:

(1) Om Ma Ni Bay May Hôm: câu thần chú trên đây đã được phổ biến rộng rãi trong thế giới Phật Giáo, nhất là trong phái Mật Tông vùng Tây Tạng. Câu thần chú này đã được phiên âm ra Việt Ngữ là **Ân Ma Ni Bát Mê Hồng**. Người ta luyện câu thần chú này như một phương thức rèn luyện nội công thiền định. Trước hết, tìm một nơi không khí lưu thông, đứng thẳng người, hai tay lật ngược để ngang bụng, bàn tay trái đặt trên lòng bàn tay phải. Bắt đầu hít vào lồng ngực một hơi thật dài, khi lồng ngực đã chứa đầy dưỡng khí thì mở miệng thở từ từ, đồng thời phát ra âm thanh om và tưởng tượng như luồng chân khí đang ở đỉnh đầu, kế tiếp theo phát âm ma và cố gắng đưa luồng hơi xuống đến mũi. Tiếp theo đến âm ni thì luồng hơi được chuyển xuống đến cổ họng. Tương tự đến âm bay thì luồng hơi được đưa đến lồng ngực, âm may thì chân khí trong người đã được đưa đến đan điền (bụng), tiếp tục đến âm hôm thì luồng hơi được chuyển đến hậu môn và thoát ra bên ngoài cơ thể. Nên nhớ là trong lúc sáu chữ trong câu thần chú này được phát âm thì luồng hơi của cơ thể đang ở trong trạng thái thở ra. Sau đó, sự tập luyện bắt

đầu tái diễn bằng cách hít hơi vào lồng ngực... Với hình thức vừa đọc thần chú vừa vận dụng đưa làn hơi trong người tuần hoàn khắp châu thân rồi thoát ra ngoài cơ thể sẽ khiến cho cơ thể con người được giữ ở một trạng thái sạch sẽ và minh mẫn. Những lúc cơ thể mệt mỏi hoặc tinh thần cảm thấy bồn chồn không được an tâm, quý vị cố thể thực hiện như lời chỉ dẫn trên đây để lấy lại được sự bình thản trong tâm hồn.

(2) Tam Bảo: Phật Pháp Tăng gọi chung là Tam Bảo. Phật tượng trưng cho từ bi chánh nghĩa. Pháp là lời của Phật dạy hay còn được ghi chép lại thành kinh điển. Tăng là người tu hành, có nhiệm vụ diễn dịch và giảng dạy những ý nghĩa trong kinh điển cho tín đồ.

(3) Hằng hà sa số: Hằng Hà là tên một con sông lớn của xứ Phật Ấn Độ. Hạ lưu dòng sông này cũng là nơi Phật Giáo khai sinh và phát triển. Phù sa sông Hằng nhiều vô số kể và đã nuôi dưỡng không biết bao nhiêu dân chúng Ấn Độ. Vì vậy kinh điển Phật Giáo thường dùng số lượng phù sa của sông Hằng để nói lên cái số nhiều không đếm xuể được.

(4) Hiện thân A Di Đà Phật: Từ sự tích trên đây, mà bây giờ những hình tượng của Quán Thế Âm Bồ Tát đều đội mào, và chính giữa chiếc mào có một tượng Phật A Di Đà. Đây cũng là cách nhìn vào để phân biệt giữa Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ Tát.

(5) Thập phương: từ chữ thập phương thế giới, thập phương chỉ đông, tây, nam, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, trên và dưới. Phật Giáo chủ trương có thập phương vô số thế giới gọi là Thập phương thế giới. Trong số thế giới đó có chư Phật và chúng sinh nên còn gọi là Thập phương Chư Phật và Thập phương chúng sinh.

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười Lăm

Lão già từ đâu không biết, đột nhiên xuất hiện ngay trong phòng tôi, tự tiện kéo ghế, ngồi vào bàn viết. Lão ngồi hướng ra phía cửa sổ. Tôi đang nằm ở đi-văng, chỉ nhìn nghiêng, thấy được một nửa khuôn mặt của lão chứ không rõ được mặt mũi chính diện của lão ra sao. Tôi ngồi bật dậy, dụi mắt nói:

“Chào bác, bác... kiểm ai vậy?”

“Tôi đó à? Tôi có kiểm ai đâu. Chỗ nào có cậu thì chỗ đó có tôi, cần gì phải kiểm tìm chứ.”

Lão quay mặt lại, tôi giật mình. Cái mặt lão thấy mà khiếp, lại xuất hiện vào ban đêm, khiến tôi không sao khỏi rùng mình. Một cái mặt đầy những sẹo và vết nám. Giống như một vùng đất bị cày phá bởi bom đạn. Đôi mắt tinh ranh liếc tôi một cái rồi nhếch một nụ cười nham hiểm.

“Cậu tưởng tôi già lắm sao? Cậu bao nhiêu tuổi thì tôi bấy nhiêu năm, hà cố chi phải gọi tôi bằng *bác* nghe khách sáo quá!”

“Ồ, thực vậy sao? Anh bằng tuổi tôi thôi à?”

“Vây mà trông tôi già quá, phải không? Ừ thì tôi không được may mắn như cậu. Ở đâu

cậu cũng được người ta quý chuộng, ưu đãi, yêu thương, nên cậu vui vẻ, tự tin, tự hào, tự tôn, tự cao, tự đắc, tự mãn, vênh mặt lên, mặt cậu phải trẻ trung, sáng sủa, còn tôi há, ôi, có ai thèm ngó tới đâu. Người ta chỉ muốn nhìn những con người có bề ngoài dễ nhìn như cậu thôi. Rồi người ta đẩy tôi vào bóng tối, sống như một con chó hoang ghẻ lở. Ngay cả cậu nữa, không phải cậu đã giật mình khi nhìn bản mặt gớm ghiếc của tôi sao!”

“Ồ, đừng nói vậy... thực ra, đó cũng chỉ là bề ngoài, tính chất bên trong mới quan trọng.”

“Cậu chỉ nói cho có, nói để an ủi, chứ thực ra, ngay cả cái gọi là tính chất bên trong của tôi, cậu cũng khinh thường nốt. Cậu chỉ biết có cái tâm Phật, chỉ biết tìm kiếm và kính trọng cái tâm Phật mà thôi. Thôi, tôi không cần lời an ủi, khích lệ gì của cậu đâu. Chẳng thà cậu cứ nói chuyện với tôi một cách thành thực.”

“Thành thực đến mức nào anh mới vừa ý đây?”

“Mức nào à? Thành thực mà cũng có mức độ nữa sao?”

“Ý tôi không muốn nói vậy. Anh bắt bẻ từng chữ thì làm sao có thể trao đổi, có thể hiểu nhau được chứ!”

“Ha ha ha. Cần gì phải trao đổi mới có hiểu biết! Chẳng phải tôi tỏ biết cậu từ tận nguồn căn đến những ngọn ngành chi li của đời cậu sao?”

“Tôi không biết anh là ai, sao anh lại biết tôi?”

“Cậu không biết tôi à? Cậu biết đấy chứ. Đã nhiều lần cậu trông thấy tôi rồi mà. Cậu từng xua đuổi tôi rồi mà. Cổ điều cậu chỉ thấy cái gáy, cái lưng của tôi, còn xua đuổi thì cậu chỉ xua đuổi cái bóng của tôi mà thôi.”

“Hừm, nói gì khó hiểu quá. Thực ra anh là ai, anh muốn gì?”

“Còn phải hỏi! Tôi đến đây là để mặc cả với cậu cái chuyện ấy.”

“Chuyện gì? Tôi không quen chuyện buôn bán hay mặc cả gì đâu nha.”

“Hừ, cậu không quen với cậu không biết, mà thực ra, cả đời cậu là một cuộc mặc cả liên tục với những giá trị hào-ổ, thanh-trọc, vinh-nhục, đắc-thất, thiện-ác, chân-giả, thực-mộng, phật-ma, thiên-đàng-địa-ngục, niết-bàn-sinh tử...”

“Ừ thì những người xuất gia như tôi ắt phải biết phân định được những giá trị sai biệt của những thứ đó chứ.”

“Phân định để chọn lựa, chẳng phải là một cuộc mặc cả hay sao? Cho nên, tôi mới

gặp cậu để thương lượng cái chuyện ấy."

"Chuyện gì? Nói thẳng đi, không cần phải úp mở."

"Ồ là là, bình tĩnh, đừng có vội vàng hấp tấp. Cái chuyện đó nói ra cả tôi và cậu đều thoải mái. Nhưng để trong lòng, đừng nói thẳng ra thì còn thoải mái hơn."

"Đừng có điên, chuyện gì thì nói ngay, đừng làm mất thời giờ tôi như vậy."

"Còn chuyện gì nữa! Cái chuyện mà hiện nay cậu ngày đêm suy nghĩ, tưởng nhớ, mộng mơ, thèm khát, mong đợi và muốn chiếm hữu đó!"

"À, chuyện giải thoát giác ngộ..."

"Không, không phải, cậu đừng có võ vỉnh, cậu đừng có tự dối lòng như thế. Đối với cậu bây giờ, giải thoát giác ngộ đâu có nghĩa lý gì chứ. Cậu chỉ muốn hưởng thụ những cảm giác êm đềm của tình ái, của dục lạc mà thôi."

"Nói bậy! Thực ra anh là ai? Anh muốn gì?"

"Tôi muốn nói chuyện với cậu về Như Như."

"Hả? Anh... biết cô ta à?"

"Hồ hồ, giờ này cậu mới biết hỏi câu đó thì có muộn lắm không! Trong khi cậu hãy dè dặt như một anh chàng quân tử trượng phu phong nhã lịch sự từng bước ngại ngùng và ngập ngừng bước đến với nàng thì tôi đã chạy vù đến ngay cái đích cuối cùng của khát vọng chiếm hữu."

"Nghĩa là... nghĩa là sao? Anh đã làm gì cô ấy?"

"Làm gì ư? Cậu không tưởng tượng được nổi sao? Cậu kếm nhay cảm đến vậy sao? Ô, cậu tiếc rẻ, phải

không? Ha ha, rõ ràng là vừa nghe vậy là cậu tiếc ngẩn, tiếc ngơ. Này nhé, tôi nói cậu nghe, cậu hiểu chiếm hữu là gì chứ hả? Ừ, tôi đã chiếm hữu nàng. Tôi đến gần nàng, không nói một lời tán tụng xưng dương, không cần phải tập trung thiền định, không cần phải đếm hơi thở ra vào, không cần phải nhắm mắt nhắm mũi niệm Phật, tôi vuốt tóc nàng, tôi hôn lên đôi mắt sáng như sao của nàng, tôi hôn lên đôi môi màu hồng non của nàng... rồi tôi xiết chặt lấy nàng, rồi chúng tôi hòa nhập với nhau làm một. Hừ, cậu đừng có cười khẩy với tôi như vậy. Cậu không tin à? Cậu tưởng rằng tôi xấu xí như vậy thì Như Như không chấp nhận tôi sao, và cậu tưởng rằng nàng có thể thể từ chối sự hòa nhập đồng nhất với tôi sao? Cậu lầm rồi. Thực ra, Như Như không phải chỉ là người yêu của cậu thôi đâu. Cô ta còn là người yêu của tôi từ những tiền kiếp xa xôi lắm rồi. Khà khà, tóm lại là cuối cùng, chúng ta cũng là người đồng cảnh, chúng ta đã có cùng một đối tượng, thú vị quá, phải không? Chỉ có một điều khác thôi là tôi đã chiếm hữu nàng, còn cậu thì hãy còn bận bịu đóng vai trò quân tử, bụng thì muốn mà ngoài mặt thì làm bộ nghiêm trang, mực thước, phấn đấu giằng co với ba cái lý lẽ và hoài vọng cao xa."

"Vậy bây giờ anh muốn gì?"

"Thấy chưa, chính cậu tự mở miệng mặc cả với tôi rồi đó."

"Tôi đâu cần mặc cả, tôi chỉ hỏi anh đến đây kể những chuyện đó cho tôi với mục đích gì, và chuyện đồng nhất giữa anh và nàng có can hệ gì đến tôi mà anh phải nói chứ?"

"Can hệ chứ sao không? Chẳng phải cậu cũng yêu Như Như và muốn được đồng nhất với nàng hay sao? Cậu trả lời đi, ở đây chỉ có cậu và tôi thôi, không cần phải e dè sự bàn tán, dị nghị của thiên hạ, hãy nói một chữ thôi, cậu muốn được thể nhập và Như

Như, muốn cùng với Như Như làm một, có không?"

"Có."

"Vậy thì đây là yêu cầu của tôi: chốc nữa Như Như đến đây, ở lại đêm với cậu, và sẽ ở mãi cho đến tối hôm sau, phải vậy không? Trả lời đại đi, rồi tôi mới nói tiếp, tôi biết hết rồi mà giấu giếm gì. À, phải, cậu đã gật đầu công nhận. Nàng đến một thân một mình như thế lại chịu ngủ đêm ở đây chứng tỏ rằng nàng sẵn sàng chấp nhận chuyện đồng nhất với cậu làm một rồi. Cậu đừng có bào chữa. Thực ra, cậu cũng biết là nàng chỉ lấy cố được gần cậu để nói chuyện, nhưng nếu cậu làm điều gì xa hơn cái mục đích đó thì nàng cũng chấp nhận thôi."

"Đủ rồi, anh nói tiếp đi, đừng nói vòng vo làm gì."

"Này nhé, nàng đã tự nguyện hiến dâng và cậu cũng muốn tiến đến sự thể nhập toàn vẹn với nàng, vậy thì, tôi nhắc cậu, ngay từ phút nàng đặt chân đến, cậu phải tự động gác bỏ hết mọi thứ, lột bỏ hết mọi thứ, không những chỉ lớp áo quần 'thô sơ ma bố' mà cậu từng hãnh diện khoác mặc mà ngay cả những thứ gọi là giá trị tinh thần mà lâu nay cậu mặc chồng lên từng lớp trên người, cũng phải lột hết, vứt hết: nào là niềm tự trọng, nào là sự hổ thẹn, nào là ý hướng thanh cao, nào là phạm hạnh thanh tịnh, nào là lý tưởng xuất trần, nào là chí nguyện đạp đất vá trời, nào là tư tưởng dẫn thân cứu đời, nào là hoài bão giải thoát... Có vứt hết những thứ ấy thì cậu mới có thể có được sự đồng nhất với nàng."

"Tưởng gì chứ phương cách để đồng nhất, để thể nhập thì tôi biết."

"Cậu nói cậu biết à? Không, cậu không biết gì cả. Cậu chỉ học được phương cách thể nhập trên lý thuyết thôi. Và cái khát vọng thể nhập đó vì được nuôi lớn và tràn ngập trong cậu nên đôi lúc cậu đã tưởng rằng cậu có thể để nhập vào bất cứ cái gì cậu muốn. Mà thực ra, trên thực tế, cậu chưa hoàn toàn thể nhập vào



bất cứ cái gì cả. Bởi vì tâm cậu còn đeo mang nhiều thứ lắm. Cậu có quá nhiều lý tưởng, quá nhiều hình ảnh, quá nhiều biểu tượng, quá nhiều những ngôn từ và ý niệm chọn lọc. Đi đâu cậu cũng mang theo cả lũ những thứ ấy. Chúng bò lổn ngổn, lảng ngảng trong cậu. Vương bận như thế thì làm gì có sự đồng nhất, làm gì có thể thể nhập vào Như Như!"

"Nhưng... tại sao anh lại khuyến khích tôi làm chuyện ấy? Tôi làm chuyện ấy thì có lợi gì cho anh? Và tại sao tôi lại cần thiết phải thể nhập làm một với Như Như mà anh đã từng chiêm hữu, từng thể nhập?"

"Xí, cậu rõ là một thằng ngốc. Cậu nhìn lại mình xem, tôi nói có sai đâu, cái đầu của cậu đầy ắp những ý niệm phân biệt, chọn lọc. Cậu hãy còn tôn thờ sự bằng trình, ghét bỏ sự ô uế. Cậu hãy còn khao khát cái quyền ưu tiên, đồ kị sự thừa hưởng muộn màng. Ý niệm về thời gian và không gian hãy còn xếp hàng từng lớp từng dãy trong đầu cậu. Cậu tưởng rằng có kẻ nào thể nhập với Như Như rồi thì nàng sẽ hết trong sạch sao? Cậu tưởng rằng có kẻ nào thể nhập với nàng trước thì cậu sẽ là người đến sau sao? Đã nói là thể nhập thì làm gì còn có sạch-dơ, trước-sau, còn-mất! Cậu là một thằng ngu! Cậu chỉ biết chìm đắm trong những ngôn từ rỗng! Còn cậu hỏi nếu cậu thể nhập với Như Như thì tôi có lợi gì đâu mà đến đây khuyến khích? Thì đây, tôi xin trả lời: tôi để ý cậu bao năm rồi, thấy cậu chưa bao giờ thực sự hạnh phúc. Cuộc đời cậu đầy à, từ nhỏ đến giờ, không, phải nói là từ vô lượng kiếp đến giờ, chỉ đuổi bắt ảo ảnh, và đạt được những cái ảo ảnh. Có khi chính cậu cũng biết chúng là ảo ảnh, nhưng rồi cậu cũng không tìm được cái gì chân thật để thay thế. Trước mắt cậu là cả một vũ trụ mộng huyền vô thường. Chính vì vậy mà cậu vừa hăm hở tìm kiếm mà cũng vừa khăng khăng chối từ bất cứ cái gì có được trong tầm tay. Như vậy

làm sao có được hạnh phúc chứ! Mà cậu tưởng cái hạnh phúc của cậu không ảnh hưởng gì tới tôi sao? Thế thì cậu cũng chưa hiểu được một tí gì về cái lý nhân duyên, về tương-sinh tương-diệt, tương-tức tương-nhập cả. Cậu cứ thể nhập trọn vẹn với Như Như đi, cứ hạnh phúc trọn vẹn với Như Như đi, thì tôi và cả vũ trụ này sẽ hạnh phúc ngay."

"Được rồi, anh nói nhiều quá. Bây giờ anh về đi cho tôi được yên."

"Cậu đã hứa gì với tôi đâu mà bảo tôi về?"

"Anh muốn tôi hứa gì chứ?"

"Chính tôi là người tìm kiếm và đem Như Như đến cho cậu. Cậu chỉ có một cơ hội này thôi để chụp bắt lấy cái gì cậu từng mơ ước. Cho nên, cậu phải hứa với tôi là sẽ vứt bỏ hết tất cả ngôn từ và ý niệm nào không dính nhập đến Như Như để có thể hòa nhập với nàng làm một. Như vậy mới không bỏ công tôi sắp đặt và tạo dựng. Cậu phải biết rằng nàng là một thực thể. Tôi nhắc lại, MỘT THỰC THỂ. Cái thực thể đó là thực thể CHỈ KHÍ NÀO CẬU ĐỒNG NHẤT TOÀN VẸN VỚI NÓ. Không có sự đồng nhất ấy thì cả vũ trụ này đều là mộng huyền chiêm bao. Cậu nên nhớ điều ấy. Như Như đến với cậu đêm nay là thực. Thôi, tôi đi. Như Như sắp đến rồi đó. Cậu tắt đèn trước đi, như vậy tốt hơn."

Không chờ tôi hành động, hần tự ý vói tay, tắt đèn rồi lúi thật nhanh, thoát cái đã mất dạng trong bóng đêm. Tôi thở phào. Nói chuyện với hần sao mệt quá. Hần làm thần kinh tôi căng thẳng, nhức nhối, và tim tôi đập mạnh một cách bất thường. Tôi định đứng dậy đi rửa mặt thì Như Như mở cửa bước vào. Trong bóng tối, tôi nhận ra ngay đó là nàng với chiếc áo dài trắng hôm dự lễ Phật Đản.

"Như Như, em đến thật đó sao?"

"Chứ còn gì nữa. Anh

không mong đợi em à?"

"Có. Nhưng... có khi anh ngờ đó chỉ là một giấc mộng."

"Em là thực đây, để em đóng cửa lại rồi mình nói chuyện há."

"Em có gặp ai trên đường đến đây không?"

"Không, không ai cả."

"Em đến đây. Đưa tay em cho anh."

"Anh vẫn chưa tin là em đến thực à?"

"Anh tin rồi, em đến thực. Em là Như Như."

Nàng ngồi xuống cạnh tôi trên chiếc đi-văng. Tôi choàng nhẹ cánh tay lên vai nàng, kéo nàng vào sát vào mình. Da thịt nàng mềm, mịn qua lớp lụa trắng. Nàng ngoan ngoãn tựa đầu vào vai tôi. Tóc nàng ngai ngái mùi hoa sứ với sương đêm. Tôi khẽ hôn lên mái tóc ấy. Nàng nắm lấy bàn tay tôi, nói:

"Anh có nhớ là anh còn nợ em ba chữ chưa nói ra không?"

"Nhớ."

"Em muốn nghe anh nói. Bây giờ là thời điểm đúng nhất, thích hợp nhất để anh trả nợ em đó."

Tôi cười:

"Ba tiếng ấy đâu cần phải nói ra nữa, hở em. Thực ra, sự có mặt của em không có bất cứ ngôn từ hay ý niệm nào có thể với đến được."

"Anh nói câu ấy em có cảm tưởng như đã từng nghe qua từ một người nào. Hay là chính anh đã nói với em câu ấy rồi, phải không?"

Tôi không trả lời, tự nghĩ: "Chắc là hần. Hần cũng đã nói với nàng như thế." Một nỗi ghen tuông nhỏ mọn nổi dậy trong lòng khiến tôi mất vui, đánh mất ngay hứng thú được ôm nàng trong vòng tay. Tôi buông nàng ra, đứng dậy, đến bên cửa sổ, nhìn ra trời đêm. Nàng bước đến sau tôi, vòng hai tay ôm lấy tôi từ phía sau, dựa sát mặt và người nàng vào lưng tôi.

"Nếu anh và em không có thực thì màn đêm bên ngoài cũng không có thực, cái bàn này cũng không có thực, cả vũ trụ cũng không có thực. Anh

ngĩ đúng không? Thực tại luôn có mặt. Nó chỉ là mộng huyễn khi chúng ta chối bỏ nó mà thôi. Tình yêu cũng vậy. Nó là một thực tại.”

Tôi quay người lại, ôm lấy nàng. Và chúng tôi hôn nhau trong bóng đêm. Rồi chúng tôi đi nhau đến chiếc đi-văng. Nàng tự nguyện nằm xuống, chờ đợi. Tôi lần mò trong bóng tối, tìm con đường thể nhập. Cởi bỏ hết, vứt bỏ hết những gì không dính nhập đến Như Như. Chỉ trong khoảnh khắc cúi mình xuống, tôi lập tức tan nhanh vào nàng. Chúng tôi trở thành một khối pha lê trong suốt như được kết tinh từ những hạt sương ảo diệu của đêm tối trần gian. Nhưng chỉ một lúc ngắn ngủi sau đó, tôi lại quay trở về với sự phân hai, với thế giới nhị nguyên muôn thủa của con người để rồi giật mình biết rằng tôi đã xúc phạm nàng.

“Như Như, em có sao không?”

“Không, Khang ơi, em yêu anh. Em tự nguyện mà. Thực ra em có mặt gì đâu. Muôn đời em vẫn thế. Anh không biết rằng anh với em chỉ là một thời sao?”

“Ồi, em chỉ biết nói theo hần. Hần lừa chúng ta đó. Em với anh chỉ là một trên mặt bản thể thôi; còn trên thực tế, sắc thân của em, sắc thân của anh, tâm tưởng của em, tâm tưởng của anh, vẫn là hai. Em không thể nào là anh, anh không thể nào là em được. Chúng ta là những hạt sương, là những hạt bụi riêng lẻ, vô thường, bay lãng đãng trong vòm trời hữu hạn... Và anh, ôi, anh thật là xấu hổ, anh đã nghe lời xúi dục của cái tên vô lại góm ghiếc kia để chiếm đoạt em, hủy hoại em... Như Như, tha thứ cho anh... Anh đã đánh mất nơi em cái gì đáng ra phải được trân trọng gìn giữ...”

Tôi vừa nói ngang đó bỗng thấy gã thanh niên khi nãy bước đến, đứng chình ình ngay trước mặt, bên cạnh đi-văng. Tôi ngồi vùnh dậy, mặc vội áo quần vào. Trong khi đó, Như Như vẫn điềm nhiên bất động,



không chút xấu hổ phơi mình lồ lộ trước sự hiện diện của nhân vật thứ ba. Tôi hét lên:

“Anh đi đâu vào đây?!” rồi tôi lấy quần áo che đậy cho Như Như. Hần xắn tay, dùng hai tay kéo tôi nằm sấp lên người Như Như rồi còn đẩy mạnh sau lưng tôi, vừa đẩy vừa hét lớn:

“Thể nhập! Thể nhập! Cái tên quân tử ngọc nghếch! Cậu phải là một với Như Như. Vứt hết, đừng suy nghĩ gì hết! Hãy bước sâu vào, bước đến chỗ tận cùng kỳ ảo của thế giới nhất nguyên bất nhị mà lâu nay cậu tìm kiếm! Nó ở đây, ngay trước mặt cậu đó. Mau thể nhập!”

Tôi vùnh vẫy, quay ngược lại, đẩy Như Như sát vào phía vách, hối thúc nàng mặc áo quần, rồi tôi đưa tay như một quả đấm trước mặt hần, hăm dọa:

“Đừng quá đáng nhé! Tôi không nhịn nữa đâu.”

Hần không sợ, còn đưa khuôn mặt góm ghiếc tới gần sát mặt tôi, nói chế giễu:

“Cậu sẽ chẳng bao giờ là người hạnh phúc vì lúc nào cậu cũng quay lưng, chối bỏ thực tại, và làm điều gì cậu cũng suy nghĩ kỹ, cân nhắc lợi hại, hoặc chuyện làm xong lại hối hận ăn năn. Không có cái gì được gọi là toàn vẹn trong cả cuộc đời cậu cả. Ôi trời, sao cậu ngọc quá vậy! Cho đến nước này mà cậu cứ phân định rạch ròi cái biên giới giữa cậu và Như Như sao? Vậy thì ăn nói làm sao về con đường dẫn thân, thể nhập, cứu độ chúng sinh một

cách viên mãn. Cậu chỉ biết học nói, học suy nghĩ theo kinh điển, theo sách vở chứ chẳng bao giờ học được con đường hành động. Mà thể nhập là con đường hành động. Cậu không biết vậy sao? Cậu không thể làm được chuyện đó sao? Vậy thì cậu mất toi hết trơn rồi. Cậu không có khả năng đồng nhất được với nàng thì để tôi.”

Nói rồi hần đẩy tôi qua một bên, leo lên đi-văng, nằm chụp lên người nàng. Tôi túm lấy cổ hần, kéo ngược lên:

“Đi, ra ngoài! Không được xúc phạm cô ấy!”

Hần cười lên một tràng, nói gằn từng tiếng trong kẽ răng:

“Tôi muốn cho cậu thấy rằng cả cậu và tôi đều có thể đồng nhất trọn vẹn với Như Như. Chỉ tại cậu phân biệt quá mà thôi. Ôi trời, biết đến bao giờ cậu mới chịu làm theo ý tôi đây. Tôi nói cậu nghe điều quan trọng này nữa: thực ra, không phải chỉ có cậu hay tôi thể nhập làm một với Như Như mà ngay cả giữa cậu và tôi cũng không có bất kỳ một sự cách ly nào cả.”

Nói rồi hần rời Như Như, quay qua tôi, dí cái mặt thẹo của hần sát vào mặt tôi, hai tay ôm quàng lấy cổ tôi, đè tôi xuống đi-văng. Hần sấp sửa cúi xuống hôn và muốn trở thành một với tôi, tan biến vào trong chính thể xác và tâm hồn tôi.

Tôi kinh hãi thét lên một tiếng, tỉnh giấc. Cả người tôi ướt đầm mồ hôi. Nhìn ra cửa sổ, tôi thấy trời hãy còn chóa nắng. Chưa phải ban đêm. Nhánh hoa hậu với hai cái hoa tím vẫn còn đong đưa sát khung cửa lưới ở cửa sổ. Nắng chiều lay lắt xuyên qua kẽ lá, đùa giỡn.

Tôi vùnh dậy, bước ra khỏi phòng: “May quá, nãy giờ chỉ là một giấc mộng.”

Tôi lấy áo quần đi tắm.

(mời xem tiếp Chương 15, phần cuối cùng)

CHẾT NƯỚC

*Tôi thấy Antinous trâm mình
trong dòng nước sông Nile
và người tình Hadrian
đứng than khóc trên bờ*

*Tôi thấy Maxentius
ngụp lặn trên dòng Tiber
và hoàng đế Barbarossa
nằm im dưới đáy sông Saleph*

*Một con cá bơi ra từ tóc,
tôi nhìn thấy Shelly,
chìm trong dòng nước xoáy.
Và tôi thấy cơn mưa nặng hạt
rơi xuống trên mặt nước sông Ouse
trong một ngày đầu xuân buốt giá. Tôi*

*nghe thấy những tiếng khóc thương,
những tiếng thở dài,
những ánh mắt mệt mỏi.*

*Tôi nhìn thấy mây bay
trong ngày Chúa Nhật ồn ào tiếng cười trẻ nhỏ
và khuôn mặt buồn bã
của những người tôi yêu
cúi xuống từ trên cao
khi tôi chìm dần vào dòng nước*

thơ **PHÁP HOAN**



image: Ophelia by Sir John Everett Millais